

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 10
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT**

Môn: ĐỊA LÝ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-BGDĐT ngày 06/9/2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2023

1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên

2. Tham gia biên soạn:

TS. Đỗ Anh Dũng – Chủ biên

PGS.TS. Nguyễn Phương Liên – Thành viên

ThS. Dương Thị Oanh – Thành viên, Thư ký

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022- 2023; Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lý, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai. Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn học Địa lý: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 10 môn Địa lý, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba. Hướng dẫn tổ chức dạy học môn học Địa lý lớp 10 Chương trình GDTX cấp THPT: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Các từ viết tắt</i>	<i>Viết đầy đủ</i>
1.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
2.	ĐGDK	Đánh giá định kì
3.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
4.	GV	Giáo viên
5.	HV	Học viên
6.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
7.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
8.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
9.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
10.	PPDH	Phương pháp dạy học
11.	QTDH	Quá trình dạy học
12.	TCM	Tổ chuyên môn
13.	THCS	Trung học cơ sở
14.	THPT	Trung học phổ thông
15.	GDPT	Giáo dục phổ thông
16.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

MỤC LỤC

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
Phần thứ nhất	8
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	8
I. MỤC TIÊU	8
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	8
1. Yêu cầu về phẩm chất	8
2. Yêu cầu về năng lực	8
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	9
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học	13
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC.....	15
1. Nội dung giáo dục	15
2. Thời lượng giáo dục	16
Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTH cấp THPT	17
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	18
1. Định hướng về phương pháp giáo dục.....	18
2. Hình thức tổ chức dạy học	18
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	18
Phần thứ hai	20
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GDTH CẤP THPT	20
MÔN ĐỊA LÍ	20
I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC.....	20
1. Mục tiêu chung.....	20
2. Mục tiêu cụ thể.....	20
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	20
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	20
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	21
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10.....	22
IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10	29
2. Định hướng đổi mới PPDH	29
3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá	30
<i>a) Định hướng chung</i>	30
<i>b) Một số hình thức kiểm tra, đánh giá</i>	30
4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học	32
Phần thứ ba	33
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10	33

Bài 1. MÔN ĐỊA LÍ VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	33
Bài 2. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ	36
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN	42
Chủ đề 1. TRÁI ĐẤT	42
Bài 3. SỰ HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT, VỎ TRÁI ĐẤT	42
VÀ VẬT LIỆU CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT	42
Bài 4. CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ.....	46
Chủ đề 2. THẠCH QUYỂN	52
Bài 5. THẠCH QUYỂN. NỘI LỰC VÀ NGOẠI LỰC	52
Bài 6. THỰC HÀNH.....	58
SỰ PHÂN BỐ CÁC VÀNH ĐAI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA	58
Chủ đề 3. KHÍ QUYỂN.....	61
Bài 7. KHÍ QUYỂN, NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ	61
Bài 8. KHÍ ÁP, GIÓ VÀ MƯA TRÊN TRÁI ĐẤT	66
Bài 9. THỰC HÀNH.....	72
CÁC KIỂU VÀ ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT	72
Chủ đề 4. THỦY QUYỂN	76
Bài 10. THỦY QUYỂN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA	76
Bài 11. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	82
Chủ đề 5. SINH QUYỂN	87
Bài 12. ĐẤT TRÊN TRÁI ĐẤT. SINH QUYỂN	87
Chủ đề 6. MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ.....	94
Bài 13. VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH.....	94
QUY LUẬT ĐỊA ĐỐI VÀ PHI ĐỊA ĐỐI.....	94
ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI	100
Chủ đề 7. ĐỊA LÍ DÂN CƯ	100
Bài 14. DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ. CƠ CẤU DÂN SỐ	100
Bài 15. PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA	105
Chủ đề 8. CÁC NGUỒN LỰC, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ.....	109
SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ.....	109
Bài 16. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ. MỘT SỐ TIÊU CHÍ.....	109
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ.....	109
Chủ đề 9. ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	114

Bài 17. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	114
BÀI 18. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	118
Bài 19. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP. VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG	123
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP	123
Bài 20. THỰC HÀNH.....	129
VỀ BIỂU ĐỒ VỀ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN.....	129
Chủ đề 10. ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP.....	132
Bài 21. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP.....	132
Bài 22. ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP	136
Bài 23. TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP	141
Bài 24. THỰC HÀNH.....	145
VIẾT BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÔNG NGHIỆP	145
Chủ đề 11. ĐỊA LÍ NGÀNH DỊCH VỤ	148
Bài 25. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG.....	148
ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ	148
Bài 26. ĐỊA LÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	151
Bài 27. THƯƠNG MẠI, TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ DU LỊCH.....	156
Bài 28. THỰC HÀNH.....	162
VỀ BIỂU ĐỒ. VIẾT BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ MỘT NGÀNH DỊCH VỤ	162
Chủ đề 12: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH.....	165
Bài 29. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH	165
Chuyên đề 10.1. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	170
Chuyên đề 10.2. ĐÔ THỊ HÓA	176
Chuyên đề 10.3. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÁO CÁO ĐỊA LÍ	183
TÀI LIỆU THAM KHẢO	188

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp học viên (HV) tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	<ul style="list-style-type: none">– Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.– Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.– Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.– Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.– Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none">– Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.– Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.– Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none">– Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.– Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	<ul style="list-style-type: none">– Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.– Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none">– Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng.– Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.– Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	<ul style="list-style-type: none">– Nhận thức và hành động theo lẽ phải.– Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.– Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Trách nhiệm	
Trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. – Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> – Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. – Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. – Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. – Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. – Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực. – Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. – Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> – Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. – Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.

Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. – Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân. – Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. – Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. – Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. – Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. – Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. – Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. – Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. – Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.

hoá giải các mâu thuẫn	– Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> – Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. – Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. – Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	– Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp;

	<ul style="list-style-type: none"> – Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. – Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. – Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa

học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

e) Năng lực thẩm mĩ

Năng lực thẩm mĩ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mĩ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Học viên chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do giáo viên chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX).

- Chuyên đề học tập của môn học do giáo viên dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
Môn học tự chọn	Ngoại ngữ	105	105	107
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	107
Hoạt động giáo dục tự chọn	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		752	752	752
Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		21,5	21,5	21,5
Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		997	997	997
Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		28,5	28,5	28,5

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của học viên về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, giáo viên có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDXT tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

- Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

Phần thứ hai

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

MÔN ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Chương trình GDTX môn Địa lí giúp HV hình thành, phát triển năng lực địa lí - một biểu hiện của năng lực khoa học; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp; để hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giúp HV có hiểu biết về những vấn đề cơ bản của địa lí đại cương, địa lí thế giới, địa lí Việt Nam (địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội) và các chuyên đề học tập.

- Giúp HV tiếp cận những tri thức cơ bản về khoa học địa lí, các ngành nghề liên quan đến địa lí, khả năng ứng dụng kiến thức địa lí vào đời sống; đồng thời mở rộng nền tảng tri thức, kỹ năng phổ thông cốt lõi đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo cơ sở vững chắc giúp HV tiếp tục theo học các ngành nghề liên quan.

- Phát triển các năng lực đặc thù của bộ môn như: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, sử dụng các công cụ địa lí, tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ các môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, thực hiện các chủ đề khám phá từ thực tiễn, vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

- Có tình yêu thiên nhiên, đất nước, có thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau; có ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Môn Địa lí góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Môn Địa lí góp phần hình thành, phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Thành phần năng lực	Biểu hiện
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	
Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được bản đồ địa hình kết hợp với địa bàn để xác định vị trí của một điểm trên thực địa; xác định được vị trí của một sự vật, hiện tượng địa lí trên bản đồ. - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. - Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí. - Sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng bản đồ hoặc lược đồ để trình bày về mối quan hệ không gian của các đối tượng địa lí; phát hiện, chọn lọc, tổng hợp và trình bày được đặc trưng địa lí của một địa phương; từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt các địa phương với nhau.
Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ chế diễn ra một số hiện tượng, quá trình tự nhiên trên Trái Đất; sự hình thành, phát triển và phân bố của một số yếu tố hoặc thành phần tự nhiên; một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất và ở lãnh thổ Việt Nam; phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương. - Giải thích được các sự vật, hiện tượng; sự phân bố, đặc điểm, quá trình phát triển về kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, khu vực và ở Việt Nam. - Giải thích được các sự vật, hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội trên cơ sở vận dụng mối liên hệ và tác động của tự nhiên. - Giải thích được những hệ quả (tích cực, tiêu cực) do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
TÌM HIỂU ĐỊA LÍ	
Sử dụng các công cụ địa lí học	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lí; lập được bộ sưu tập hình ảnh (bản giấy và bản kĩ thuật số). - Đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức cần thiết; khai thác được các kênh thông tin bổ sung (biểu đồ, tranh ảnh,...) từ bản đồ, atlas địa lí; đọc được lát cắt địa hình; sử dụng được một số bản

	<p>đồ thông dụng trong thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số tính toán đơn giản (tính GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế,...); nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; xây dựng được bảng thống kê có cấu trúc phù hợp với ý tưởng phân tích số liệu; vẽ được một số loại biểu đồ thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô,... của đối tượng địa lí từ số liệu đã cho. - Nhận xét được biểu đồ và giải thích; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình địa lí.
Tổ chức học tập ở thực địa	- Xây dựng được kế hoạch học tập thực địa; sử dụng được những kĩ năng cần thiết để thu thập tài liệu sơ cấp ngoài thực địa: quan sát, quan trắc, chụp ảnh thực địa, phỏng vấn, vẽ lược đồ, sơ đồ,... trình bày được những thông tin thu thập được từ thực địa.
Khai thác Internet phục vụ môn học	- Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	
Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế	- Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; liên hệ được thực tế địa phương, đất nước,... để làm sáng rõ hơn kiến thức địa lí.
Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn	- Trình bày ý tưởng và xác định được cụ thể chủ đề nghiên cứu ở địa phương; vận dụng được kiến thức, kĩ năng địa lí vào việc nghiên cứu chủ đề, viết được báo cáo hoàn chỉnh và trình bày kết quả nghiên cứu theo các hình thức khác nhau.
Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn	- Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ HV và ứng xử phù hợp với môi trường sống.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	
Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho HV	
- Khái quát về môn Địa lí, vai trò của môn Địa lí đối với cuộc sống	- Khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống.
- Định hướng nghề nghiệp	- Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí.

Sử dụng bản đồ	
<ul style="list-style-type: none"> - Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ - Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống - Một số ứng dụng của GPS (Global Positioning System - Hệ thống định vị toàn cầu) và bản đồ số trong đời sống 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ. - Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN	
Trái Đất	
<ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.
<ul style="list-style-type: none"> - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. - Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.
Thạch quyển	
<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thạch quyển 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.
<ul style="list-style-type: none"> - Nội lực và ngoại lực - Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Nhận biết được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. - Nhận xét được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.
Khí quyển	
<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm khí quyển 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khí quyển.
<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ không khí 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo

	vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình.
- Khí áp và gió	- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.
- Mưa	- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới. - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa).
- Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất	- Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.
Thủy quyển	
- Khái niệm thủy quyển	- Nêu được khái niệm thủy quyển.
- Nước trên lục địa	- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.
- Nước biển và đại dương	- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế xã hội. - Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyển.
Sinh quyển	
- Đất	- Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. - Trình bày được các nhân tố hình thành đất; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Sinh quyển	- Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất	- Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

Một số quy luật của vỏ địa lí	
<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm vỏ địa lí - Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí - Quy luật địa đới và phi địa đới 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ được thực tế ở địa phương. - Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới; liên hệ được thực tế ở địa phương. - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.
ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI	
Địa lí dân cư	
<ul style="list-style-type: none"> - Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.
<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng dân số 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế; Nêu được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.
<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu dân số 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).
<ul style="list-style-type: none"> - Phân bố dân cư - Đô thị hoá 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. - Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. - Nhận xét được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,... - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.
Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	
<ul style="list-style-type: none"> Các nguồn lực phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.
<ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu nền kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.
<ul style="list-style-type: none"> Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.

	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. - Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.
Địa lí các ngành kinh tế	
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Trình bày và giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. - Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. - Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp; phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. - Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.
- Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ; các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng. - Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng; trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành dịch vụ. - Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương.
Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	
- Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người.
- Phát triển bền vững - Tăng trưởng xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững. - Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh. - Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10

Chuyên đề 10.1: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân của biến đổi khí hậu - Các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả - Ứng phó với biến đổi khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và nguyên nhân của biến đổi khí hậu. - Nêu được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu. - Nêu được sự cần thiết phải ứng phó với biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu - Hệ thống hoá được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chuyên đề 10.2: ĐÔ THỊ HÓA

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Đô thị hoá	- Trình bày được khái niệm về đô thị hoá theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. - Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.
- Đô thị hoá ở các nước phát triển	- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước phát triển và xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển - Phân biệt được quy mô của các đô thị. - Nhận xét được xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển.
- Đô thị hoá ở các nước đang phát triển	- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước đang phát triển và xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển - Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển.
- Tác động của đô thị hoá đến dân số, kinh tế - xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển	- Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. - Liên hệ được với thực tế Việt Nam.
- Vẽ biểu đồ, tìm hiểu siêu đô thị trên thế giới	- Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước. - Xác định được trên bản đồ, lược đồ thế giới một số siêu đô thị.

Chuyên đề 10.3: PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÁO CÁO ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Những vấn đề chung - Quy trình viết một báo cáo địa lí	- Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí. - Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí. - Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: Chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hoá tư liệu; trình bày báo cáo. + Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí. + Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học địa lí và nội dung chính của các đề mục. + Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hoá thông tin. + Xác định được cách thức trình bày báo cáo. - Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.

IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10

1. Thời lượng dạy học cho từng nội dung

a) Thời lượng (70 tiết) dành cho mạch nội dung các kiến thức cốt lõi dự kiến được phân phối theo số tiết như sau:

Mạch nội dung	Dự kiến phân phối số tiết
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho HV - Sử dụng bản đồ	4
ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG	30
Địa lí tự nhiên	
Địa lí kinh tế – xã hội	
ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI	30
Một số vấn đề về kinh tế – xã hội thế giới	
Địa lí khu vực và quốc gia	
Đánh giá định kì	6

b) Phân bổ số tiết cho các chuyên đề học tập ở mỗi lớp (bao gồm cả kiểm tra, đánh giá) như sau:

Mạch nội dung	Lớp 10 (số tiết)
Chuyên đề: Biến đổi khí hậu	10
Chuyên đề: Đô thị hóa	15
Chuyên đề: Phương pháp viết báo cáo địa lí	10

2. Định hướng đổi mới PPDH

a) Để phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học địa lí, giáo viên tạo cho HV cơ hội huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới. Chú ý tổ chức các hoạt động tiếp cận sự vật và hiện tượng địa lí diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian - thời gian, trả lời các câu hỏi cơ bản: cái gì, ở đâu, như thế nào...; rèn luyện cho HV kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên, giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế - xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế - xã hội.

b) Để phát triển thành phần năng lực tìm hiểu địa lí, giáo viên tạo điều kiện cho HV sử dụng các công cụ của địa lí học như: atlas địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, khối đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,... tìm tòi, khám phá các tri thức địa lí; tăng cường khai thác Internet trong học tập, tổ chức cho HV học tập ngoài thực địa, trong môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội địa phương.

c) Để phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về địa lí, HV cần được tạo cơ hội để cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, tiếp cận với các tình huống thực tiễn, thực hiện các chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp. Giáo viên cần quan tâm rèn luyện cho HV các kĩ năng phát hiện vấn đề, lập kế hoạch nghiên cứu, giải quyết vấn đề, đánh giá kết quả giải quyết vấn đề, nêu giải pháp khắc phục hoặc cải tiến, tăng cường sử dụng các bài tập đòi hỏi vận dụng kiến thức thực tế và tư duy phản biện, sáng tạo.

3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Định hướng chung

- Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Địa lí nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HV để hướng dẫn hoạt động học tập.

- Căn cứ để đánh giá kết quả giáo dục của HV là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn Địa lí

- Về nội dung đánh giá, bên cạnh đánh giá kiến thức, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HV như: làm việc với bản đồ, atlas, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Chú trọng đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HV bằng các hình thức khác nhau. Kết hợp việc đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HV.

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp kết quả đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HV.

b) Một số hình thức kiểm tra, đánh giá

- *Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học viên:* là hoạt động thu thập, xử lí thông tin thông qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của học viên trong các môn học bắt buộc, môn học tự chọn, hoạt động giáo dục (sau đây gọi tắt là

môn học) trong Chương trình giáo dục thường xuyên; tư vấn, hướng dẫn, động viên học viên; xác nhận kết quả đạt được của học viên; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học viên để điều chỉnh quá trình dạy học và giáo dục (sau đây gọi chung là dạy học).

- *Đánh giá thường xuyên*: là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học viên diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học viên để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học viên; xác nhận kết quả đạt được của học viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập. Đối với mỗi môn học, mỗi học viên được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này. Môn Địa lí (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG_{tx}) trong mỗi học kì là 03 ĐĐG_{tx}.

Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học, mỗi học viên được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học và ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

- *Đánh giá định kì* là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học viên theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học viên để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của học viên.

Đánh giá định kỳ gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy, trên máy tính hoặc bằng hình thức trực tuyến; thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đề kiểm tra của mỗi môn học được xây dựng dựa trên Bản đặc tả đề kiểm tra, đáp ứng yêu cầu cần đạt của mỗi môn học được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên. Không thực hiện đánh giá định kỳ đối với cụm chuyên đề học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra đánh giá định kỳ là 45 phút. Môn Địa lí có 01 (một) điểm đánh giá giữa kỳ và 01 (một) điểm đánh giá cuối kỳ trong mỗi học kỳ.

4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Trong dạy học địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, các thiết bị dạy học có vai trò rất quan trọng. Các thiết bị dạy học của môn Địa lí bao gồm:

- Bản đồ, atlas địa lí, tập bản đồ địa lí.
- Các biểu đồ, sơ đồ, lược đồ, lát cắt.
- Tài liệu, tư liệu (niên giám thống kê, số liệu kinh tế - xã hội,...).
- Tranh ảnh về các sự vật, hiện tượng địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội.
- Quả địa cầu
- Mô hình, mẫu vật,...
- Các phần mềm dạy học, video clip; các thư viện số (digital) chứa các kho tư liệu dạy học địa lí.

Các phương tiện dạy học địa lí như bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa... đều có chức năng kép : vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa là phương tiện minh hoạ nội dung dạy học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần tổ chức, hướng dẫn để HV biết khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí, qua đó HV vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả của các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, để hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Tạo điều kiện cho HV tiếp cận các nguồn học liệu đa dạng, khai thác các thông tin phong phú qua mạng Internet,... để xây dựng các chủ đề học tập theo sở thích và phát triển năng lực tự học tùy theo nhịp độ, khả năng, cách học của cá nhân HV.

Phần thứ ba

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10

Bài 1. MÔN ĐỊA LÍ VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

Thời gian thực hiện: 10 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí.
- Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống.
- Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực sau:

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn
- Định hướng nghề nghiệp:
 - + Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.
 - + Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân.
 - + Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

Video về một số ngành nghề hiện có và xu hướng nghề nghiệp trong tương lai (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

Đọc và tìm hiểu trước các ngành nghề có liên quan đến môn Địa lí.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề học tập được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí; xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống; xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí. Đặc biệt ở chủ đề này GV cần chú ý định hướng nghề nghiệp cho HV. Đây là bài mở đầu và liên quan đến tìm hiểu môn học với nghề nghiệp, do đó nội dung luyện tập GV có thể tích hợp vào hoạt động vận dụng.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp. Dự kiến chủ đề được thực hiện trong 01 tiết học.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến việc tra cứu các thông tin về nghề nghiệp trên các trang internet về các ngành nghề có liên quan đến môn Địa lí và chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV dựa vào kiến thức đã có liệt kê các ngành nghề liên quan đến môn Địa lí.

b) HV thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo: HV thực hiện nhiệm vụ cặp đôi; GV có thể chỉ yêu cầu HV thực hiện nhanh trong 5 phút và báo cáo với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: Giáo viên sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát đặc điểm cơ bản của môn Địa lí

1. Mục tiêu

- Khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí.
- Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung trong SGK, hãy:

- + Nêu khái quát đặc điểm cơ bản của môn Địa lí.
- + Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống.

b) HV thực hiện nhiệm vụ:

- + HV làm việc cá nhân, thời gian khoảng 7 phút.

+ Tùy theo điều kiện học tập HV có thể trình bày sản phẩm bằng sơ đồ, bảng thống kê, đoạn văn,...

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 02 HV lên bảng báo cáo kết quả. Tùy theo sản phẩm ở mục b GV tổ chức hình thức báo cáo của HV cho phù hợp.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

+ GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV.

+ Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Xác định những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí

1. Mục tiêu

Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Xem vi deo (GV đã chuẩn bị sẵn nếu có) hoặc đọc thông tin SGK, kết hợp với kiến thức của bản thân, hãy liệt kê ít nhất 03 ngành nghề có liên quan đến môn Địa lí và cho biết trong tương lai HV có thể chọn ngành nghề nào? Vì sao?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, thời gian khoảng 10 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 03 HV lên bảng báo cáo kết quả. Các HV khác trao đổi, hỏi thêm và nêu ý kiến của mình.

d) Kết luận, chốt KT: Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Nhằm định hướng nghề nghiệp cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà xây dựng kế hoạch học tập để đáp ứng được định hướng lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Tại nhà

Bài 2. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ.
- Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống.
- Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian
- Sử dụng các công cụ địa lí học
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

3. Phẩm chất

- Có ý thức chăm chỉ trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ có các phương pháp biểu hiện đối tượng địa lí: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ-biểu đồ.
- Video về GPS (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

Sưu tầm trước ở nhà một số ứng dụng GPS.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề học tập được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ. Các phương pháp thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ HV đã được học ở lớp 6. Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. Đặc biệt ở chủ đề này GV cần chú ý rèn luyện cho HV kĩ năng sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp. Dự kiến chủ đề được thực hiện trong 02 tiết học.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan tới bản đồ.
- Rèn cho học sinh kỹ năng đọc và phân tích bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học viên dựa vào 1 tờ bản đồ nào đó trong SGK hãy liệt kê các phương pháp thể hiện các đối tượng địa lí trên tờ bản đồ đó. Lựa chọn và phân tích 01 phương pháp thể hiện trên bản đồ.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân; GV có thể chỉ yêu cầu HV thực hiện nhanh trong 5 phút và báo cáo với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: Giáo viên sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ

1. Mục tiêu

Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung và các bản đồ trong SGK thể hiện các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, hãy hoàn thành phiếu học tập sau:

Phương pháp	Thể hiện các đối tượng địa lí	Cách thể hiện
Kí hiệu		
Đường chuyển động		

Chấm điểm		
Khoanh vùng		
Bản đồ - biểu đồ		

b) Thực hiện nhiệm vụ:

- + HV làm việc nhóm, mỗi nhóm thực hiện ít nhất 03 phương pháp thể hiện.
- + Thời gian làm việc 15 phút. Tùy theo điều kiện học tập HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi của mỗi HV hoặc bảng phụ của nhóm hoặc trên máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 02 HV của 02 nhóm lên bảng báo cáo kết quả (lựa chọn sao cho nội dung báo cáo thể hiện đầy đủ các phương pháp thể hiện). Tùy theo sản phẩm ở mục b GV tổ chức hình thức báo cáo của HV cho phù hợp.

d) Kết luận, chốt kiến thức

- + GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi sai
- + Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2: Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống

1. Mục tiêu

Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV: Đọc nội dung trong SGK và hãy cho biết:

+ Bản đồ được sử dụng trong học tập như thế nào? Lấy ví dụ đọc 01 tờ bản đồ phục vụ học tập.

+ Trong cuộc sống thường sử dụng bản đồ vào các công việc gì?

b) HV thực hiện nhiệm vụ

- + HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 8 phút.
- + GV gợi ý HV sử dụng chung 01 bản đồ để lấy ví dụ về sử dụng trong học tập.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 02 HV lên báo cáo 02 nhiệm vụ học tập. Các HV khác nghe và bổ sung nội dung báo cáo của bạn.

d) Kết luận, chốt kiến thức

- + GV chốt kiến thức cho HV.
- + Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống

1. Mục tiêu

Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV: Đọc nội dung trong SGK và hãy xác định:

+ Hiểu biết như thế nào về GPS; một số ứng dụng của GPS trong đời sống.

+ Hiểu biết như thế nào về bản đồ số; trong cuộc sống thường sử dụng bản đồ vào các công việc gì.

b) Thực hiện nhiệm vụ:

+ HV làm việc cặp đôi, thời gian làm việc khoảng 10 phút.

+ Trong quá trình HV làm việc GV có thể gọi mở thêm để tháo gỡ khó khăn của HV (nếu có).

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 02 HV lên báo cáo 02 nhiệm vụ học tập. Các HV khác nghe và bổ sung nội dung báo cáo của bạn.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Giao nhiệm vụ cho HV: GV giao nhiệm vụ cho HV lựa chọn các phương pháp thể hiện phù hợp với các đối tượng sau đây: Các đới khí hậu; dòng biển; sự phân bố các sân bay; sản lượng thủy sản nuôi trồng và đánh bắt ở các tỉnh ven biển nước ta. Lí giải tại sao lựa chọn các phương pháp thể hiện đó.

b) HV thực hiện nhiệm vụ:

+ HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 05 phút và chuẩn bị báo cáo.

+ Sản phẩm của HV trả lời được: Mỗi đối tượng địa lí nêu trên biểu hiện bằng phương pháp nào? và chỉ lựa chọn 01 đối tượng địa lí để lí giải.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 04 HV lên báo cáo 04 đối tượng địa lí (trường hợp có đủ thời gian).

d) GV đánh giá và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu về ứng dụng của GPS trong đời sống và sản xuất.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Để biểu hiện sự phân bố khoáng sản trên bản đồ người ta sử dụng kí hiệu

- A. chấm điểm.
- B. đường.
- C. biểu đồ.
- D. chữ và hình học.

Câu 2. Phương án nào sau đây **không** phải là ưu điểm của phương pháp kí hiệu?

- A. Xác định được vị trí của đối tượng.
- B. Thể hiện được quy mô của đối tượng.
- C. Thể hiện được chất lượng của đối tượng.
- D. Thể hiện được tốc độ di chuyển của đối tượng.

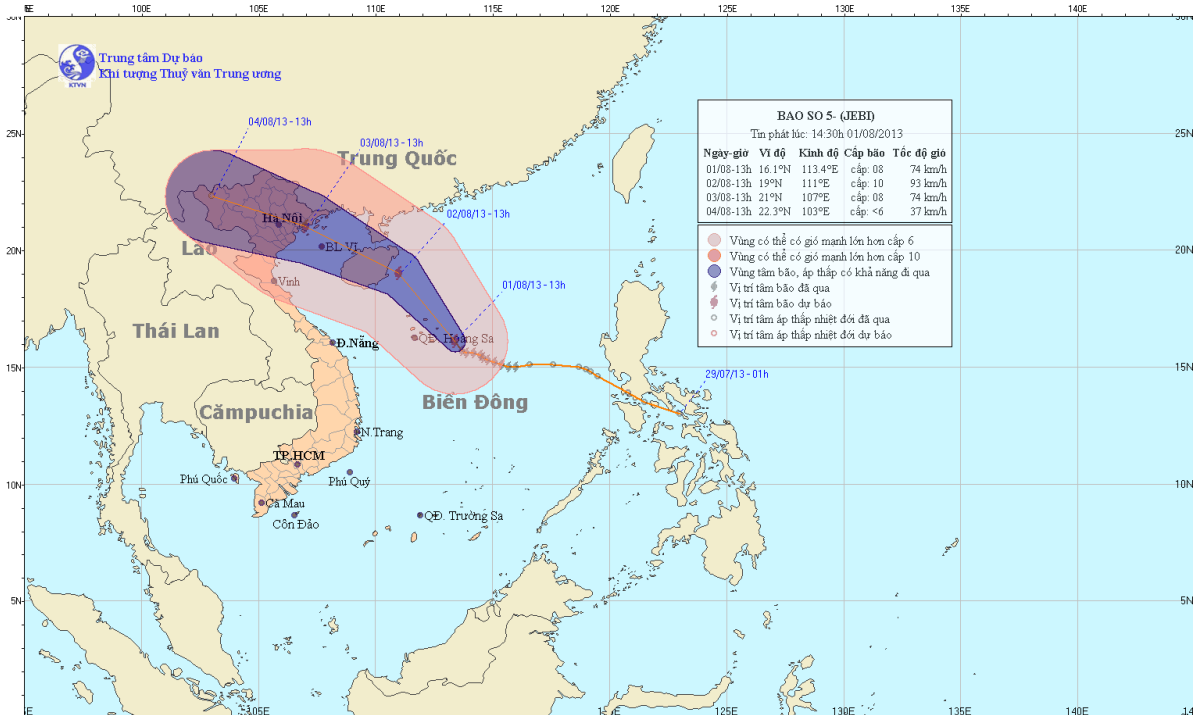
Câu 3. Một bản đồ có tỉ lệ là 1: 3000 000 có nghĩa là 1cm trên bản đồ ứng với

- A. 30 km ngoài thực địa.
- B. 300 km ngoài thực địa.
- C. 3,0 km ngoài thực địa.
- D. 3000 km ngoài thực địa.

Câu 4. Để trình bày và giải thích chế độ nước của một con sông chủ yếu sử dụng những bản đồ

- A. hành chính, kinh tế.
- B. động vật, thực vật.
- C. thổ nhưỡng, địa hình.
- D. khí hậu, địa hình.

Câu 5.



(Nguồn Trung tâm khí tượng thủy văn; N vĩ độ bắc; E kinh độ đông)

Dựa vào bản đồ trên đây, hãy:

- Xác định hướng di chuyển của cơn bão lúc 13 giờ ngày 01/8 đến 13 giờ ngày 04/8/2013.
- Viết tọa độ của cơn bão lúc 13 giờ các ngày 01/8, và ngày 04/8/2013.

Câu 6. Hãy sắp xếp các ý ở cột A với cột B sao cho hợp lí

A. Phương pháp	B. Nội dung thể hiện các đối tượng địa lí
1. Kí hiệu	a. Các đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ như các điểm dân cư nông thôn, các cơ sở chăn nuôi...
2. Đường chuyển động	b. Giá trị tổng cộng của một hiện tượng địa lí (nông nghiệp, công nghiệp...) trên một đơn vị lãnh thổ bằng cách dùng các biểu đồ đặt vào phạm vi các đơn vị lãnh thổ đó.
3. Chấm điểm	c. Các trung tâm công nghiệp, các mỏ khoáng sản, các hải cảng...
4. Bản đồ – biểu đồ	d. – Hướng di chuyển, tốc độ di chuyển của các loại gió, bão. - Các luồng di dân, sự vận chuyển hàng hoá, hành khách, đường hành quân...

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

Chủ đề 1. TRÁI ĐẤT

Bài 3. SỰ HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT, VỎ TRÁI ĐẤT VÀ VẬT LIỆU CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

2. Năng lực

Sử dụng các công cụ địa lí học.

3. Phẩm chất

Có ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Các hình vẽ về vỏ Trái Đất.
- Video về nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

Sưu tầm trước một số thông tin về nguồn gốc hình thành Trái Đất.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Nội dung Trái Đất được chia thành 02 chủ đề học tập. Ở chủ đề này được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV nhận biết được nguồn gốc của Trái Đất; đặc điểm vỏ Trái Đất (vỏ lục địa, đại dương); vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất. Chủ đề có thể thực hiện trong thời gian 01 tiết, tùy theo phân phối chương trình của từng cơ sở giáo dục.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập; GV cần tạo điều kiện cho HV được hoạt động với hình vẽ, xem video để từ đó nhận xét và rút ra các kết luận.

Các hoạt động vận dụng, mở rộng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng và mở rộng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng

kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan tới Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời, Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Hãy ghi ra giấy nháp những hiểu biết của mình về Vũ trụ, Trái Đất, hệ Mặt Trời. Để giúp HV có được định hướng, GV có thể cho HV xem đoạn video liên quan đến Vũ trụ, Trái Đất, hệ Mặt Trời (nếu có).

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chuẩn bị nội dung và sẵn sàng báo cáo trước lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nguồn gốc hình thành Trái Đất

1. Mục tiêu

Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Giao nhiệm vụ cho HV: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK và kết quả HV tìm hiểu trước ở nhà, hãy tóm tắt nguồn gốc hình thành của Trái Đất. GV cho HV xem video về nguồn gốc hình thành Trái Đất (nếu có).

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 5 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Kết luận, chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất

1. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK và quan sát hình sơ đồ cấu tạo vỏ Trái Đất, hãy:

- + Trình bày đặc điểm của vỏ Trái Đất.
- + Nêu các vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất.

b) Thực hiện nhiệm vụ:

HV làm việc nhóm; trước khi làm việc nhóm, GV dành thời gian cho HV đọc và nhận xét cá nhân trước khi trao đổi nhóm để hoàn thiện sản phẩm của cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 10 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV của nhóm bất kì lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Kết luận, chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Gợi ý về thông tin phản hồi:

- Đặc điểm của vỏ Trái Đất:

+ Vị trí nằm ngoài cùng của Trái Đất; độ dày dao động từ 5km (ở đại dương) đến 70km (ở lục địa) và chia thành 2 kiểu chính, vỏ lục địa và vỏ đại dương.

+ Cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau: Trên cùng là trầm tích, không liên tục và độ dày khác nhau, dày nhất ở đại dương. Tiếp theo là tầng granit, vỏ lục địa có tầng granit dày. Tầng badan, không liên tục khắp bề mặt Trái Đất, dày, mỏng không đều ở các địa điểm khác nhau, vỏ đại dương cấu tạo chủ yếu là badan.

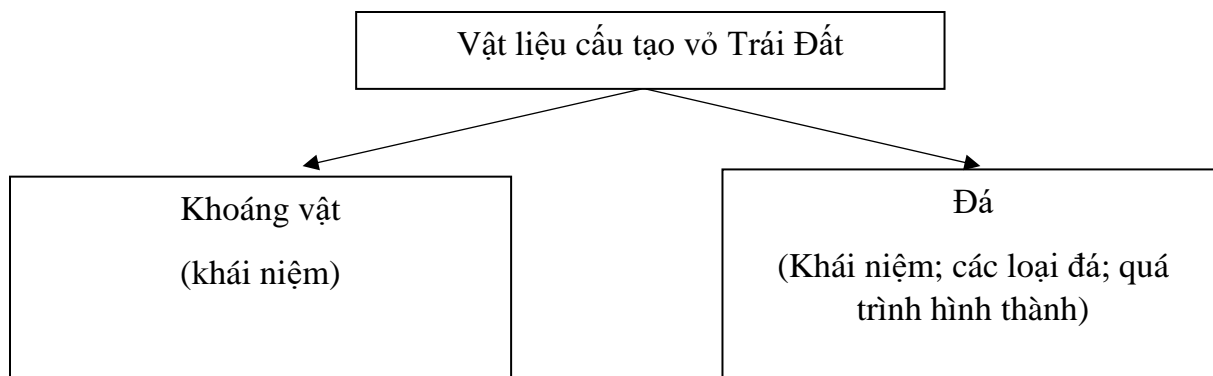
- Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất là khoáng vật và đá (macma, trầm tích, biến chất).

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV đọc nội dung SGK và tổng hợp nội dung thành sơ đồ sau:



b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 05 phút và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận:

GV có thể mời đại diện 01 HV lên báo cáo, các HV khác cùng thảo luận, bổ sung nội dung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu nguồn gốc hình thành đá vôi ở Việt Nam.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Trình bày sự khác nhau giữa vỏ đại dương và vỏ lục địa của Trái Đất.

Câu 2. Hãy nêu đặc điểm các tầng đá của vỏ Trái Đất.

Bài 4. CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).

- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.

- Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.

2. Năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí

- Sử dụng các công cụ địa lí học

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

3. Phẩm chất

Có ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Các hình vẽ về chuyển động của Trái Đất.

- Video về chuyển động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời của Trái Đất (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

Đọc trước bài học ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ); đồng thời giúp HV liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. Trong quá trình học tập, GV chú ý tạo điều kiện cho HV sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.

Chủ đề này có thể thực hiện trong thời gian 02 đến 03 tiết, tùy theo phân phối chương trình của từng cơ sở giáo dục. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học, GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập; GV cần tạo điều kiện cho HV được hoạt động với hình vẽ, xem video để từ đó nhận xét và rút ra các kết luận.

Các hoạt động vận dụng, mở rộng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng và mở rộng phù hợp nhất là do HV tự đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan tới Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời, Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV dựa vào những hiểu biết đã có, lựa chọn 01 câu trong các câu dưới đây và trả lời. GV có thể chiếu đoạn video có 03 nội dung dưới đây để hỗ trợ cho HV (nếu có).

- Vì sao trên Trái Đất có ngày và đêm?
- Vì sao các khu vực trên Trái Đất có giờ khác nhau?
- Vì sao ở nước ta lại có các mùa với thời tiết, khí hậu khác nhau?

b) Thực hiện nhiệm vụ

+ HV thực hiện trong thời gian khoảng 3 phút và ghi câu trả lời ra giấy nháp, chuẩn bị báo cáo trước lớp.

+ GV mời 01 HV báo cáo trước lớp, các HV khác trao đổi, bổ sung.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chuyển động tự quay quanh trục Trái Đất và hệ quả sự luân phiên ngày đêm

1. Mục tiêu

- Dựa vào hình vẽ mô tả được vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.

- Trình bày được hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK và dựa vào hình chuyển động tự quay và hiện tượng ngày đêm trên Trái Đất, hãy:

+ Mô tả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất (Trục của Trái Đất nghiêng hay thẳng; Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng nào?).

+ Trình bày sự luân phiên ngày và đêm trên Trái Đất?

+ Vì sao có sự luân phiên ngày và đêm trên Trái Đất?

b) Thực hiện nhiệm vụ

+ HV làm việc cặp đôi và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 10 phút.

+ Đối với câu hỏi thứ 3, tùy vào trình độ của HV ở từng lớp khác nhau, GV có thể giao cho HV thực hiện.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Kết luận, chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu giờ trên Trái Đất

1. Mục tiêu

Trình bày được hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: giờ trên Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK và dựa vào lược đồ các khu vực giờ trên Trái Đất, hãy:

+ Phân biệt giờ địa phương, giờ khu vực và giờ quốc tế?

+ Khi Luân-đôn là 7h00 ngày 26/4/2023 thì Hà Nội là mấy giờ, hãy nêu cách tính?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 10 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Kết luận, chốt kiến thức:

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả các mùa trong năm

1. Mục tiêu

Trình bày được hệ quả địa lí của chuyển động quay quanh Mặt Trời: các mùa trong năm.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK và dựa vào sơ đồ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa tính theo dương lịch ở bán cầu Bắc, hãy cho biết:

+ Hướng chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời; Thời gian chuyển động quanh Mặt Trời; Độ nghiêng và hướng của trục Trái Đất ở các vị trí: xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí?

+ Trình bày mùa ở mỗi bán cầu và nguyên nhân sinh ra mùa?

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm, trước khi làm việc nhóm, HV làm việc cá nhân để chuẩn bị nội dung của cá nhân tham gia thảo luận nhóm. Thời gian làm việc 15 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV của 01 nhóm lên báo cáo kết quả (HV sử dụng sơ đồ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa tính theo dương lịch ở bán cầu Bắc để báo cáo) các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Gợi ý sản phẩm:

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ tây sang đông, trên một quỹ đạo có hình elip gần tròn. Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời là 365 ngày 6 giờ.

Hướng nghiêng và độ nghiêng của trục Trái Đất ở các vị trí: xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí là luôn không đổi (luôn giữ nguyên).

- Khi nửa cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, lúc ấy là mùa nóng và ngược lại, khi nửa cầu Bắc không ngả về phía Mặt Trời, lúc đó là mùa lạnh. Thời gian chiếu sáng và sự thu nhận bức xạ khác nhau ở mỗi bán cầu sinh ra các mùa khác nhau ở bán cầu Bắc và Nam.

Nguyên nhân sinh ra mùa trong năm: do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương nên bán cầu Nam và bán cầu Bắc lần lượt ngả về phía Mặt Trời khi Trái Đất chuyển động trên quỹ đạo.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về hệ quả ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ

1. Mục tiêu

Trình bày được hệ quả địa lí của chuyển động quay quanh Mặt Trời: ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ cho HV: GV cho HV quan sát video hoặc đọc thông tin SGK, quan sát hình độ dài ngày đêm ở các vĩ độ vào ngày 22-6 và 22-12, hãy nhận xét ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ: từ xích đạo về hai cực.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân trước, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh và chuẩn bị báo cáo GV.

c) Báo cáo, thảo luận: GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả gọi đại diện một cặp lên báo cáo và các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức

Gợi ý sản phẩm

- Xích đạo ngày đêm dài bằng nhau. Càng xa xích đạo thời gian ngày đêm càng chênh lệch nhiều. Vùng gần cực, vùng cực có ngày đêm dài 24 giờ. Vùng cực có 6 tháng ngày và 6 tháng đêm.

- Nguyên nhân do trục trái đất nghiêng và không đổi phương khi chuyển động, tùy vị trí trái đất trên quỹ đạo mà ngày đêm dài ngắn khác nhau (theo vĩ độ) và theo mùa.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Củng cố lại kiến thức đã học cho HV.
- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ cho HV: Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết:

+ Trong 1 năm vùng ôn đới ở bán cầu Bắc có mấy mùa, đó là mùa nào? Vì sao có các mùa đó?

+ Ở nước ta mùa xuân, hạ, thu, đông trong khoảng thời gian nào trong năm?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 10 phút và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên báo cáo, các HV khác cùng thảo luận, bổ sung nội dung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu và giải thích hiện tượng tự nhiên trong câu ca dao:

*"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối"*

- Hoặc giải thích vì sao Việt Nam nằm khu vực nội chí tuyến vẫn có 4 mùa?

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Trái Đất có hiện tượng luân phiên ngày đêm là do

- A. Trái Đất là một hành tinh trong Hệ Mặt Trời.
- B. Trái Đất chuyển động quay quanh Mặt Trời.
- C. hiện tượng chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.
- D. Trái Đất có dạng hình cầu và tự quay quanh trục.

Câu 2. Việt Nam thuộc múi giờ số

- A. 0
- B. 6
- C. 7
- D. 17

Câu 3. Nếu đi từ phía Đông sang phía Tây qua kinh tuyến 180^0 thì

- A. tăng thêm 1 ngày lịch.
- B. lùi lại 1 ngày lịch.
- C. ngày lịch không thay đổi.
- D. lùi lại 2 ngày lịch.

Câu 4. Thời điểm trong năm ở mọi nơi trên bán cầu Bắc có thời gian ban ngày dài bằng thời gian ban đêm (bằng 12 giờ) là

- A. ngày 21/3 và 23/9.
- B. ngày 22/6.
- C. ngày 22/12.
- D. tất cả các ngày trong năm.

Câu 5. Nguyên nhân sinh ra các mùa là

- A. Trái Đất tự quay quanh trục và trục nghiêng của Trái Đất.
- B. do chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.
- C. trục của Trái Đất trùng với đường sáng tối.
- D. trục nghiêng của Trái Đất và chuyển động quanh Mặt Trời.

Câu 6. Hiện tượng ngày địa cực ở cực Bắc và đêm địa cực ở cực Nam xảy ra vào ngày nào sau đây?

- A. 22 tháng 12.
- B. 21 tháng 3.
- C. 23 tháng 9.
- D. 22 tháng 6.

Câu 7. Hiện tượng ngày địa cực ở cực Nam và đêm địa cực ở cực Bắc xảy ra vào ngày nào sau đây?

- A. 22 tháng 12.
- B. 21 tháng 3.
- C. 23 tháng 9.
- D. 22 tháng 6.

Câu 8. Giả sử Trái Đất không tự quay quanh trục mà chỉ chuyển động quanh Mặt Trời thì Trái Đất có ngày, đêm không? Khi đó, ở bề mặt Trái Đất có sự sống không? Tại sao?

Chủ đề 2. THẠCH QUYỂN

Bài 5. THẠCH QUYỂN. NỘI LỰC VÀ NGOẠI LỰC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.
- Trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.
- Nhận biết được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

2. Năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí
- Sử dụng các công cụ địa lí học.

3. Phẩm chất

Có ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc bảo vệ môi trường.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh địa hình do tác động của nội lực, ngoại lực.
- Video về tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành bề mặt địa hình Trái Đất (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

Đọc trước bài học ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất; trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

Chủ đề này có quỹ thời gian từ 2 đến 3 tiết; GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. GV sử dụng các sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất để hướng dẫn HV khai thác, đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang

ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan tới địa hình, quá trình hình thành đã học từ lớp 6.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát các hình ảnh và bảng hiểu biết, hãy cho biết nguyên nhân nào tạo nên các dạng địa hình núi và địa hình đồng bằng?



b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, thời gian 2 phút và chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp.
- GV mời 01 HV báo cáo trước lớp, các HV khác trao đổi, bổ sung.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm thạch quyển

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK và quan sát hình ảnh, sơ đồ về vỏ Trái Đất và Thạch quyển, hãy nêu khái niệm thạch quyển; phân biệt giữa thạch quyển và lớp vỏ Trái Đất.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 5 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên bảng sử dụng hình ảnh, sơ đồ để báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Gợi ý sản phẩm

- Thạch quyển là lớp vỏ cứng ở ngoài cùng Trái Đất, được cấu tạo bởi các loại đá khác nhau.

- Phân biệt giữa thạch quyển và lớp vỏ Trái Đất: vỏ Trái Đất là lớp vỏ cứng, mỏng, độ dày từ 5km (ở đại dương) đến 70km (ở lục địa). Thạch quyển bao gồm cả vỏ Trái Đất và phần trên của lớp Manti (đến độ sâu khoảng 100 km).

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nội lực và tác động của chúng đến địa hình bề mặt Trái Đất

1. Mục tiêu

- Trình bày khái niệm nội lực; nguyên nhân của chúng.

- Tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

- Nhận biết được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK, quan sát các hình ảnh về nội lực hoặc xem video về tác động của nội lực đến việc hình thành địa hình bề mặt Trái đất, hãy:

- Cho biết thế nào là nội lực? nguyên nhân sinh ra nội lực?

- Hoàn thành bảng sau đây:

Tác động của nội lực đến hình thành địa hình bề mặt Trái Đất	Biểu hiện	Kết quả
<p>- Vận động theo phương thẳng đứng (Hiện tượng biến tiến, biến thoái)</p> <p>- Vận động theo phương nằm ngang (Hiện tượng uốn nếp; đứt gãy)</p>		

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 15 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên bảng sử dụng hình ảnh, sơ đồ để báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu ngoại lực và tác động của chúng đến địa hình bề mặt Trái Đất

1. Mục tiêu

- Trình bày khái niệm ngoại lực; nguyên nhân của chúng.
- Tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.
- Nhận biết được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc thông tin SGK, kết hợp với quan sát các hình ảnh sơ đồ về sản phẩm của ngoại lực, hãy:

- Nêu khái niệm ngoại lực và nguyên nhân sinh ra ngoại lực.
- Hoàn thành bảng thống kê sau:

	Biểu hiện/quan niệm	Tác nhân chủ yếu/nguyên nhân	Một số dạng địa hình tiêu biểu
Quá trình phong hoá - Phong hóa lí học			
- Phong hoá hoá học - Phong hoá sinh học			
Quá trình bóc mòn			
Quá trình vận chuyển			
Quá trình bồi tụ			

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm; trước khi trao đổi nhóm, HV làm việc cá nhân, lấy kết quả của cá nhân trao đổi với các bạn trong nhóm để bổ sung và hoàn thiện sản phẩm của cá nhân. Thời gian làm việc khoảng 20 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên bảng sử dụng hình ảnh, sơ đồ để báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào kiến thức đã học, hãy vẽ sơ đồ thể hiện tác động của nội lực và ngoại lực đến hình thành bề mặt địa hình Trái Đất.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 10 phút.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV.

c) Báo cáo, thảo luận

GV có thể mời đại diện 01 HV lên báo cáo, các HV khác cùng thảo luận, bổ sung nội dung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu và nêu một vài hoạt động kinh tế của con người có tác động phá hủy bề mặt địa hình Trái Đất, những hậu quả có thể xảy ra và giải pháp để vừa hoạt động kinh tế, vừa bảo vệ địa hình bề mặt Trái Đất.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy nối các ý ở cột A với cột B sao cho hợp lí

A. Loại vận động kiến tạo	B. Hệ quả
1. Vận động theo phương thẳng đứng	a. Uốn nếp

		b. Biển tiến
2. Vận động theo phương nằm ngang		c. Biển thoái
		d. Đứt gãy

Câu 2. Quốc gia nào sau đây có phần lớn lãnh thổ vẫn đang bị hạ xuống?

- A. Thụy Điển.
- B. Hà Lan.
- C. Canada.
- D. Trung Quốc.

Câu 3. Quốc gia nào sau đây hiện vẫn đang được vận động nâng lên?

- A. Thụy Điển.
- B. Hoa Kỳ.
- C. Ấn Độ.
- D. Inđônêsi.

Câu 4. Đứt gãy nào sau đây là đứt gãy điển hình ở Việt Nam?

- A. Đứt gãy sông Chảy.
- B. Đứt gãy sông Mã.
- C. Đứt gãy sông Gianh.
- D. Đứt gãy sông Hồng.

Câu 5. Trong các dãy núi sau, dãy núi nào là địa lũy điển hình ở Việt Nam?

- A. Con Voi.
- B. Tam Điệp.
- C. Hoành Sơn.
- D. Bạch Mã.

Câu 6. Dạng địa hình nào sau đây là dạng địa hình đặc biệt của quá trình phong hoá hoá học?

- A. Mài mòn.
- B. Khoét mòn.
- C. Hàm ếch.
- D. Cacxtơ.

Câu 7. Điểm giống nhau cơ bản giữa nội lực và ngoại lực là

- A. có cùng hướng tác động lên bề mặt Trái Đất.
- B. cùng gây ra các hiện tượng động đất và núi lửa.

C. đều được sinh ra do năng lượng của bức xạ mặt trời.

D. cùng có tác động làm thay đổi diện mạo địa hình bề mặt Trái Đất.

Câu 8. Các dạng địa hình tồn tại trên Trái Đất hiện nay là kết quả tác động của

A. các hoạt động nội lực như uốn nếp, đứt gãy.

B. các vận động theo phương nằm ngang và theo phương thẳng đứng.

C. các quá trình nội lực và ngoại lực, diễn ra đồng thời và đối nghịch nhau.

D. các quá trình của ngoại lực như phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.

Bài 6. THỰC HÀNH

SỰ PHÂN BỐ CÁC VÀNH ĐAI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nhận xét được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.

2. Năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian

- Sử dụng các công cụ địa lí học.

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên Trái Đất.

- Video về động đất, núi lửa (phun trào núi lửa, một số trận động đất, hậu quả) nếu có.

2. Chuẩn bị của học viên

Tìm hiểu trước về hậu quả của động đất, núi lửa.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề được tổ chức thành bài thực hành, để HV tìm hiểu và nhận xét được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ. Phương tiện làm việc chủ yếu của HV là bản đồ phân bố động đất và núi lửa trên Trái Đất. Để giải thích được sự phân bố động đất, núi lửa, HV cần sử dụng kiến thức về các mảng kiến tạo đã học từ lớp 6.

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 01 tiết. GV sử dụng các sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh, video (nếu có) về động đất núi lửa để hướng dẫn HV khai thác, đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan tới các mảng kiến tạo HV đã học từ lớp 6.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát bản đồ các vành đai động đất, núi lửa trên Trái Đất và xác định các mảng kiến tạo lớn, các mảng dịch chuyển vào nhau và tách xa nhau.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, thời gian 5 phút; GV trợ giúp HV. Trường hợp HV có khó khăn vì đã học từ lớp 6, GV sử dụng bản đồ để giảng giải lại nội dung các mảng kiến tạo cho HV.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Mục tiêu

Nhận xét được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Sử dụng bản đồ phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên Trái Đất, hãy:

- Trình bày sự phân bố các vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất?
- Mối quan hệ về phân bố giữa vành đai động đất và núi lửa?
- Giải thích sự phân bố các vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất?

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 15 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên bảng sử dụng bản đồ để báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Gợi ý sản phẩm

- Phân bố:

+ Các vành đai động đất: Giữa Đại Tây Dương; Đông, Tây Thái Bình Dương; Khu vực Địa Trung Hải; Trung Á, Tây Á.

+ Vành đai núi lửa: Đông, Tây Thái Bình Dương (vành đai lửa Thái Bình Dương); Khu vực Địa Trung Hải.

- Mọi quan hệ về phân bố giữa vành đai động đất và núi lửa thường trùng nhau.

- Giải thích: Những vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo, nơi có hoạt động kiến tạo xảy ra mạnh, có nhiều động đất và núi lửa.

Chủ đề 3. KHÍ QUYỂN

Bài 7. KHÍ QUYỂN, NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm khí quyển.
- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.

3. Phẩm chất

Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ, hình vẽ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa).
- Số liệu về nhiệt độ trung bình năm ở các vĩ độ khác nhau.
- Video về khí quyển nếu có.

2. Chuẩn bị của học viên

Đọc trước bài học ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề được tổ chức thành các hoạt động học, để HV tìm hiểu về khái niệm khí quyển; sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí, lục địa và đại dương, địa hình.

Trong mỗi hoạt động học GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê (sự thay đổi nhiệt độ theo vĩ độ, độ cao, lục địa và đại dương) để đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết về nội dung có liên quan tới một số yếu tố của khí quyển: nhiệt độ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV: Bằng kiến thức đã học hãy cho biết khu vực nào trên Trái Đất có nhiệt độ cao, nhiệt độ thấp. Giải thích vì sao?

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, thời gian 5 phút; chuẩn bị báo cáo với GV kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV mời 01 HV báo cáo kết quả thực hiện; các HV khác có thể bổ sung và nêu quan điểm cá nhân.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm khí quyển

1. Mục tiêu

Nêu được khái niệm khí quyển.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc nội dung SGK hãy nêu khái niệm về khí quyển; liệt kê các thành phần của khí quyển.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Đây là nhiệm vụ học tập đơn giản, GV dành thời gian 03 phút để HV thực hiện và chuẩn bị báo cáo trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời 01 HV lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí.
- Phân tích được bảng số liệu về nhiệt độ không khí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc nội dung SGK và phân tích bảng nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt phân theo vĩ độ, hãy trình bày biểu hiện có tính quy luật của sự thay đổi nhiệt độ không khí theo vĩ độ. Liên hệ với nhiệt độ trung bình năm thay đổi từ bắc vào nam ở Việt Nam.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 05 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 HV lên bảng sử dụng bảng số liệu để báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về sự phân bố nhiệt độ không khí theo lục địa và đại dương; theo địa hình

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo lục địa và đại dương; theo địa hình.
- Phân tích được bản đồ, bảng số liệu về nhiệt độ không khí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc nội dung SGK, kết hợp với bản đồ nhiệt độ trung bình các tháng (hoặc bản đồ biên độ nhiệt) một số địa điểm trên thế giới; sơ đồ nhiệt độ thay đổi theo độ cao địa hình, hãy:

- Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ không khí (hoặc biên độ nhiệt) giữa các địa điểm nằm trong lục địa và gần biển, đại dương?

- Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ không khí theo độ cao địa hình?

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 10 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 nhóm báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

Củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào kiến thức đã học, hãy xây dựng sơ đồ tóm tắt sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 5 phút. Nếu không đủ thời gian GV giao cho HV hoàn thành sơ đồ ở nhà.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV.

c) GV đánh giá và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà sưu tầm tư liệu và giải thích tại sao nhiệt độ ở Đà Lạt và Sapa thấp hơn các nơi khác ở nước ta có cùng vĩ độ. Sự khác nhau về nhiệt độ giúp 2 địa điểm trên phát triển ngành kinh tế nào?

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Sự phân bố nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ địa lí có xu hướng

A. càng lên vĩ độ cao càng giảm.

B. càng lên vĩ độ cao càng tăng.

C. tăng dần đến vĩ độ 40, sau đó giảm dần.

D. nhiệt độ bằng nhau ở các vĩ độ.

Câu 2. Biên độ nhiệt độ năm có xu hướng nào sau đây?

A. Càng lên vĩ độ cao càng giảm.

B. Càng lên vĩ độ cao càng tăng.

C. Tăng dần đến vĩ độ 40, sau đó giảm dần.

D. Ổn định.

Câu 3. Khu vực có nhiệt độ cao nhất trên Trái Đất là

A. Xích đạo. B. cận xích đạo. C. Chí tuyến. D. cận nhiệt đới.

Câu 4. Cho biết tại sao càng vào sâu lục địa, biên độ nhiệt độ năm càng lớn?

Câu 5. Phân tích mối quan hệ giữa hướng phơi của sườn với góc nhập xạ và lượng nhiệt nhận được.

Bài 8. KHÍ ÁP, GIÓ VÀ MƯA TRÊN TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.
- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.
- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (khí áp, gió, mưa).

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.

3. Phẩm chất

Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ, hình vẽ về một số yếu tố của khí quyển (khí áp, gió, mưa).
- Video về khí quyển nếu có.

2. Chuẩn bị của học viên

Đọc trước bài học ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề được tổ chức thành các hoạt động học, để HV tìm hiểu về khí áp, một số loại gió chính, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa, sự phân bố mưa trên Trái Đất.

Trong mỗi hoạt động học GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích sơ đồ để đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết về nội dung có liên quan tới một số yếu tố của khí quyển: nhiệt độ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV: Bằng kiến thức đã học hãy kể tên các loại gió trên Trái Đất: tên loại gió, hướng thổi, nơi xuất phát, ảnh hưởng đến thời tiết nơi thổi đến.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, thời gian 3 phút; chuẩn bị báo cáo với GV kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV mời 01 HV báo cáo kết quả thực hiện; các HV khác có thể bổ sung và nêu quan điểm cá nhân.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về khí áp và gió trên Trái Đất

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.

- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc nội dung SGK, kết hợp với quan sát sơ đồ các đai khí áp và gió trên Trái Đất, hình ảnh về gió đất, gió biển, gió fơn, hãy:

- Kể tên và tổng hợp lại quy luật phân bố các đai khí áp cao, khí áp thấp từ xích đạo về hai cực. Nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.

- Hoàn thành bảng sau đây:

Một số loại gió	Đặc điểm (nguyên nhân hình thành, tính chất, phạm vi thời)
Gió Đông cực	
Gió Tây ôn đới	
Gió Mậu dịch	
Gió mùa	
Gió đất, gió biển	
Gió fơn	

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 10 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 nhóm báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về mưa

1. Mục tiêu

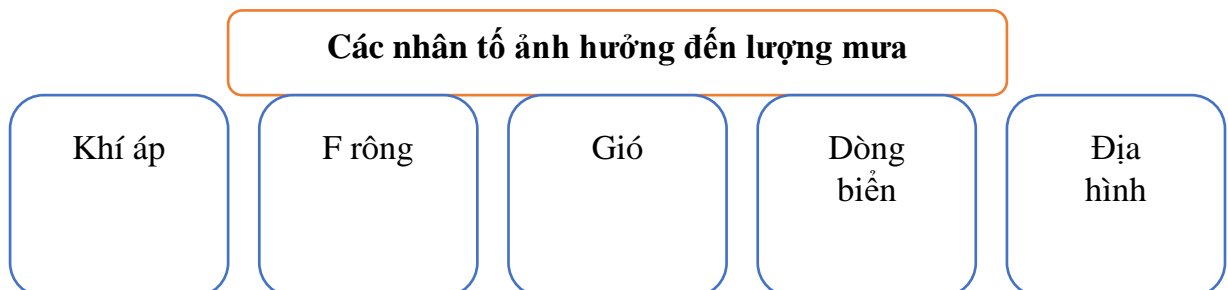
- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới.
- Phân tích được bản đồ về sự phân bố lượng mưa trung bình trên lục địa.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào nội dung SGK, kết hợp với quan sát bản đồ lượng mưa trung bình năm trên lục địa, hãy:

- Hoàn thành sơ đồ sau:



- Nhận xét sự phân bố lượng mưa trên lục địa: nhận xét chung; nhận xét cụ thể những nơi mưa nhiều, mưa ít

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân và chuẩn bị báo cáo trước lớp. Thời gian làm việc 10 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả thực hiện.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

Củng cố lại kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào và bản đồ lượng mưa phân bố trên lục địa, hãy trình bày và giải thích tình hình phân bố lượng mưa dọc trên các lục địa dọc theo vĩ tuyến 30⁰B từ Đông sang Tây.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, thời gian làm việc khoảng 5 phút. Nếu không đủ thời gian GV giao cho HV hoàn thành sơ đồ ở nhà.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV.

c) GV đánh giá và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà sưu tầm tư liệu và giải thích ở nước ta nơi nào mưa nhiều nhất, nơi nào mưa ít nhất? Giải thích tại sao?

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Từ Xích đạo lên cực bắc lần lượt các đai khí áp phân bố

A. áp thấp xích đạo, áp cao nhiệt đới, áp thấp ôn đới, áp cao cực.

B. áp cao nhiệt đới, áp thấp xích đạo, áp thấp ôn đới, áp cao cực.

C. áp cao cực, áp thấp ôn đới, áp cao nhiệt đới, áp thấp xích đạo.

D. áp cao nhiệt đới, áp thấp ôn đới, áp cao cực, áp thấp xích đạo.

Câu 2. Gió Mậu dịch thổi trong khoảng vĩ độ nào sau đây?

A. 30°B đến 30°N . B. 30°B đến 60°B .

C. 60°B đến 90°B . D. 30°N đến 60°N .

Câu 3. Gió Tây ôn đới thổi trong khoảng vĩ độ nào sau đây?

A. 30°B đến 60°B . B. 0°B đến 30°B .

C. 60°B đến 90°B . D. 0°N đến 30°N .

Câu 4. Gió Đông cực thổi trong khoảng vĩ độ nào sau đây?

A. 30°B đến 60°B . B. 0°B đến 30°B .

C. 60°B đến 90°B . D. 0°N đến 30°N .

Câu 5. Nguyên nhân nào sau đây làm cho các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt?

A. Sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

B. Tác động của hoàn lưu khí quyển.

C. Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

D. Ảnh hưởng của các dòng biển (nóng và lạnh).

Câu 6. Quy luật hoạt động của gió biển và gió đất là

A. ban ngày thổi từ biển vào đất liền, ban đêm thổi từ đất liền ra biển.

B. ban ngày thổi từ đất liền ra biển, ban đêm thổi từ biển vào đất liền.

C. khi có gió bão to to ban ngày thổi từ biển vào đất liền, ban đêm thổi ngược lại.

D. không theo một qui luật nào cố định.

Câu 7. Những nơi có gió fơn hoạt động, cứ lên cao 1000 m nhiệt độ giảm

A. 4°C . B. 6°C . C. 8°C . D. 9°C .

Câu 8. Nhân tố nào sau đây không ảnh hưởng đến lượng mưa?

A. Địa hình. B. Khí áp và frông.

B. Gió và dòng biển. D. Biên độ nhiệt độ.

Câu 9. Trên Trái Đất, nơi có lượng mưa nhiều nhất là khu vực

A. Xích đạo. B. Chí tuyến nam.

C. ôn đới. D. gần 2 cực.

Câu 10. Vùng chí tuyến và lân cận thường có lượng mưa rất thấp vì

- A. khu vực này có nhiều hoang mạc.
- B. có nhiều dòng biển lạnh chảy qua.
- C. khí áp cao, không khí khó bốc lên, tỉ lệ lục địa lớn.
- D. có các dãy núi cao ngăn cản không cho hơi nước từ biển vào đất liền.

Bài 9. THỰC HÀNH

CÁC KIỂU VÀ ĐỐI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.

- Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.
- Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa đại diện cho các kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa; kiểu khí hậu ôn đới lục địa; kiểu khí hậu ôn đới hải dương, kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải.

2. Chuẩn bị của học viên

Tìm hiểu trước nội dung bài thực hành ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề được tổ chức thành bài thực hành, HV đọc bản đồ từ đó chỉ ra được các đới, kiểu khí hậu trên Trái Đất, nêu được sự phân bố một số đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất; GV hướng dẫn HV phân tích một số biểu đồ gắn với các kiểu khí hậu cụ thể, thông qua đó thấy được đặc điểm khí hậu về: nhiệt độ, biên độ nhiệt độ, lượng mưa, mùa mưa, mùa khô,... Trên cơ sở nắm được đặc điểm của một số đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất, vận dụng để giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 02 tiết. GV sử dụng các bản đồ, biểu đồ hướng dẫn HV khai thác, đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan khí hậu trên Trái Đất HV đã học từ lớp 6.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV thảo luận và trả lời câu hỏi: Dựa vào hiểu biết hãy kể tên và nêu đặc điểm một vài kiểu khí hậu mà HV biết?

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân; GV có thể chỉ yêu cầu HV thực hiện nhanh trong 2 phút và báo cáo với GV, báo cáo với toàn lớp.

c) *Kết nối vào bài học mới:* GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất

1. Mục tiêu

- Kể tên được một số đới khí hậu và kiểu khí hậu trong các đới.
- Nhận xét sự phân hoá các đới khí hậu từ hai cực về xích đạo; sự phân hóa các kiểu khí hậu trong 01 đới khí hậu.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:*

GV yêu cầu HV nhận xét bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất, hãy:

- Đọc tên và xác định các đới khí hậu trên bản đồ.
- Đới khí hậu ôn đới, cận nhiệt và nhiệt đới phân hoá thành những kiểu khí hậu nào?

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thực hiện cá nhân, sau đó trao đổi nhóm để hoàn thiện sản phẩm cá nhân. Các nhóm tiến hành thảo luận và cử đại diện trình bày kết quả.

Trong quá trình thực hiện GV quan sát và điều chỉnh nhiệm vụ học tập cho phù hợp với đối tượng HV.

c) *Báo cáo, thảo luận* chung cả lớp. Gọi một nhóm đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; các HV khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

d) *GV đánh giá và chốt kiến thức*

Gợi ý câu trả lời.

- Các đới khí hậu: Mỗi bán cầu có 7 đới khí hậu: cực, cận cực, ôn đới, cận nhiệt, nhiệt đới, cận xích đạo, xích đạo.
- Sự phân hoá khí hậu ở các đới.
- + Đới khí hậu ôn đới chia ra các kiểu: lục địa, đại dương.

+ Đới khí hậu cận nhiệt chia ra kiểu khí hậu lục địa, gió mùa, Địa Trung Hải.

+ Đới khí hậu nhiệt đới chia ra kiểu khí hậu lục địa, gió mùa.

Hoạt động 2.2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

1. Mục tiêu

Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và phân nhiệm vụ cho các nhóm:

- Nhóm 1: Tìm hiểu biểu đồ kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

- Nhóm 2: Tìm hiểu biểu đồ kiểu khí hậu ôn đới lục địa.

- Nhóm 3: Tìm hiểu biểu đồ kiểu khí hậu ôn đới hải dương.

- Nhóm 4: Tìm hiểu biểu đồ kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải.

Hoàn thành bảng sau:

Kiểu khí hậu		Nhiệt đới gió mùa	Ôn đới lục địa	Ôn đới hải dương	Cận nhiệt địa trung hải
Nhiệt độ	Nhiệt độ cao nhất, tháng				
	Nhiệt độ thấp nhất, tháng				
	Biên độ nhiệt năm				
Lượng mưa	Tổng lượng mưa (mm)				
	Tháng mưa >100 mm				
	Tháng mưa <100 mm				

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện cá nhân, sau đó trao đổi nhóm. Các nhóm tiến hành thảo luận và cử đại diện trình bày kết quả.

- Trong quá trình thực hiện GV quan sát và điều chỉnh nhiệm vụ học tập cho phù hợp với đối tượng HV.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 nhóm báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.3. Giải thích một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế

1. Mục tiêu

Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

Trình bày và giải thích hoạt động của gió mùa ở nước ta: gió mùa đông bắc; gió mùa tây nam thời gian thổi, hướng gió, tính chất, ảnh hưởng đến khí hậu của nơi thổi đến.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà và chuẩn bị báo cáo vào tiết sau. Trong quá trình thực hiện GV trợ giúp và điều chỉnh nhiệm vụ học tập cho phù hợp với đối tượng HV.

c) Báo cáo, thảo luận chung cả lớp. Gọi một nhóm đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; các HV khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức. Hướng dẫn HV học tập tiếp theo.

Chủ đề 4. THỦY QUYỀN

Bài 10. THỦY QUYỀN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm thủy quyền.
- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.
- Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.
- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.
- Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.
- Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyền.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học: bản đồ, hình vẽ, tranh ảnh, tư liệu .
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: chế độ nước của một con sông.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước.
- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Biểu đồ, tranh ảnh, video về sông, hồ, băng tuyết...
- Bảng số liệu về lưu lượng nước trung bình của 1 sông lớn của Việt Nam

2. Chuẩn bị của học viên: Tài liệu liên quan đến nội dung kiến thức

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp học viên đạt được các yêu cầu cần đạt của bài.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo tình huống học tập; Tạo hứng thú cho HV.
- Kết nối kiến thức: HV nhớ lại những kiến thức về thủy quyển đã học ở lớp 6 để kết nối với kiến thức bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu một số hình ảnh về các dạng tồn tại của nước (nước đá, nước trong ao, hồ,.. yêu cầu HV quan sát và trả lời câu hỏi: *Nước tồn tại ở những dạng nào?*

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân: quan sát và lựa chọn câu trả lời

c) Báo cáo, thảo luận: HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, HV khác nhận xét, bổ sung

d) GV kết luận và dẫn dắt vào bài học mới

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm thủy quyển

1. Mục tiêu: HV nêu được khái niệm thủy quyển.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV đọc SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi: *Thủy quyển là gì?*

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV Thực hiện nhiệm vụ theo cặp

c) Báo cáo, thảo luận: HV Báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

d) Kết luận, chốt KT: GV Kết luận, nhận định và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sông, các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về sông, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.

- Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể (Hệ thống sông ngòi Việt Nam)

- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.

- Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giảng giải để làm rõ khái niệm sông; trình chiếu bảng số liệu về lưu lượng nước của sông Hồng (GV có thể lựa chọn số liệu của sông khác cho phù hợp với địa phương). Sau đó, chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu đọc SGK, kết hợp với kiến

thức đã học và thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông; Trình bày chế độ nước của sông Hồng. Sản phẩm hoạt động nhóm được ghi trong vở cá nhân và bảng phụ/ máy tính để có thể trình chiếu trước lớp.

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về ảnh hưởng của nguồn cung cấp nước: nước ngầm và nước trên mặt (mưa, băng tuyết tan).

+ Nhóm 2: Tìm hiểu ảnh hưởng của đặc điểm bề mặt lưu vực: địa hình; hồ đầm và thực vật; các nhân tố khác.

+ Nhóm 3: Trình bày chế độ nước của sông Hồng

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV nghiên cứu thông tin trong SGK, trao đổi, thảo luận trong nhóm, hoàn thành nhiệm vụ. HV có thể tùy chọn cách trình bày sản phẩm của nhóm (sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ, inphographic...).

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi đại diện HV của mỗi nhóm lên báo cáo kết quả làm việc; các HV khác theo dõi, nhận xét và bổ sung.

d) GV kết luận và chốt kiến thức:

+ Chốt kiến thức qua bảng sau:

+ GV đánh giá, nhận xét hoạt động học và hướng dẫn HV cách đánh giá sản phẩm hoạt động nhóm.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về hồ và phân loại hồ theo nguồn gốc hình thành.

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm về hồ, phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV đọc SGK, tự hoàn thành, ghi vào vở các nội dung theo mẫu phiếu học tập (HV có thể thực hiện nhiệm vụ này ở nhà).

1. Hồ là gì?

2. Hoàn thành phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm	Loại hồ		Nguồn gốc hình thành
1	Tự nhiên	Hồ móng ngựa	
2		Hồ kiến tạo	
3		Hồ băng hà	
4		Hồ miệng núi lửa	
5	Hồ nhân tạo		

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV ghi lại mẫu phiếu học tập để hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

c) GV kết luận: Cung cấp tư liệu cho HV bằng cách hướng dẫn đọc nội dung trong SGK, trình chiếu một số hình ảnh minh họa về một số hồ lớn trên thế giới và Việt Nam.

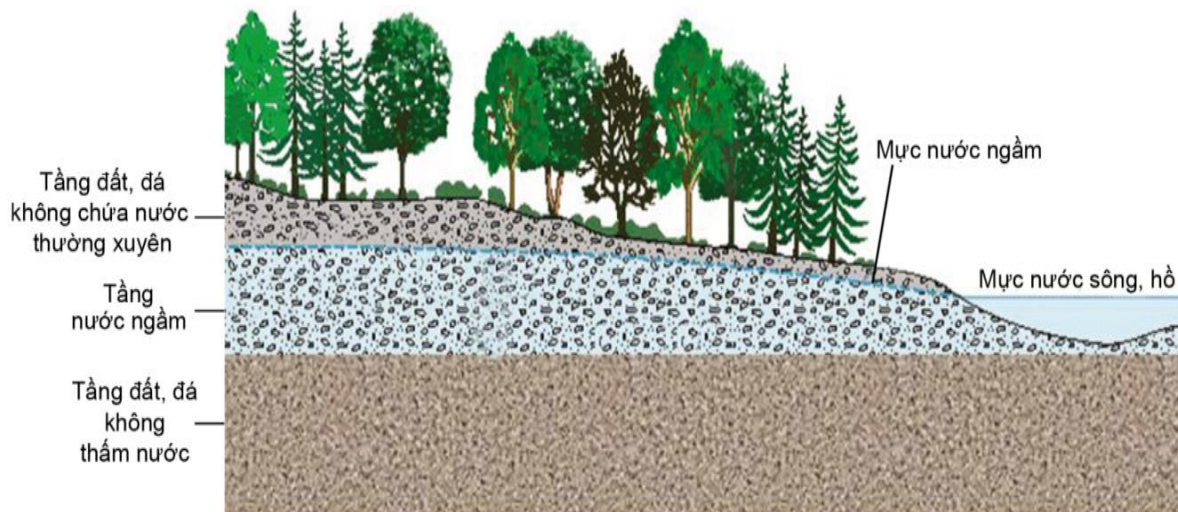
Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về nước băng tuyết và nước ngầm

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.

2. Tổ chức thực hiện

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chiếu hình ảnh về băng tuyết và nước ngầm, kết nối kiến thức đã học ở lớp 6, yêu cầu HV đọc SGK kết hợp với kiến thức của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ: *Trình bày đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.*



b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV đọc SGK, quan sát hình ảnh, thực hiện nhiệm vụ cá nhân

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV mời 1,2 HV trình bày kết quả; HV khác nhận xét và bổ sung

d) *GV Kết luận, nhận định và chốt kiến thức*

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt

1. **Mục tiêu:** Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.

2. **Tổ chức thực hiện:**

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia HV thành cá nhóm theo năng lực (HV đã đăng kí và lựa chọn trước), bao gồm: nhóm chuyên gia, nhóm hoạ sĩ, nhóm thiết kế Poster, nhóm tuyên truyền viên. Các nhóm cùng thực hiện yêu cầu: *Nêu các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.*

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc SGK, tự tìm kiếm tư liệu, hoàn thành sản phẩm của mình.

c) Báo cáo, thảo luận:

+ Nhóm chuyên gia: Nêu các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt thông qua việc đưa ra những lời khuyên, lời tư vấn, những chính sách,...

+ Nhóm hoạ sĩ: Nêu các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt thông qua các hình vẽ

+ Nhóm thiết kế Poster: Nêu các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt thông qua các Poster có tranh ảnh, hình vẽ, thông điệp,...

+ Nhóm tuyên truyền viên: Nêu các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt thông qua bài thuyết trình/ hùng biện.

Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi, trao đổi, thảo luận, nhận xét, phản biện...

d) GV Kết luận, nhận định và GV chốt kiến thức

+ GV chốt kiến thức:

+ GV nhận xét và hướng dẫn các nhóm đánh giá về sản phẩm theo các tiêu chí: nội dung, hình thức trình bày, thời gian hoàn thành sản phẩm, sự thuyết phục người nghe.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ, nhận xét bảng số liệu

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV cung cấp bảng số liệu, yêu cầu HV lựa chọn và vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng dòng chảy tháng trung bình nhiều năm tại một trạm thủy văn của một trong các sông ở nước ta. Nhận xét về chế độ nước của sông đó.

Bảng: Lưu lượng dòng chảy tháng trung bình nhiều năm tại một số trạm thủy văn trên các sông ở nước ta

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng Trạm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội trên sông Hồng (21°01'B, 105°50'Đ)	1023	906	854	1005	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Yên Thượng trên sông Cả (18°41'B, 105°23'Đ)	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295
Tà Lài trên sông Đồng Nai (11°22'B, 107°22'Đ)	96	59	48	71	136	317	522	826	867	730	395	200

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV lựa chọn và vẽ biểu đồ vào vở ghi

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời 1 HV lên vẽ trên bảng, các HV khác tiếp tục hoàn thiện bài vào vở. Kết thúc, HV nhận xét biểu đồ bạn vẽ trên bảng.

d) GV nhận xét, góp ý, chốt KT: (Ví dụ: Chọn trạm Tà Lài trên sông Đồng Nai).

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ sau: Thu thập và giới thiệu về một con sông hoặc hồ ở địa phương em. Con sông/hồ đó có ý nghĩa thế nào đối với địa phương em?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV Thực hiện nhiệm vụ ở nhà

c) HV báo cáo, nhận xét chốt kiến thức có liên quan ở giờ học sau.

Bài 11. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.
- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều.
- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.
- Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học: bản đồ, hình vẽ, tranh ảnh, tư liệu.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: hiện tượng sóng, thủy triều,...
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn,

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước.
- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ tự nhiên thế giới; bản đồ các dòng biển trong đại dương trên thế giới.

2. Chuẩn bị của học viên: Tài liệu liên quan đến nội dung kiến thức

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp học viên đạt được các yêu cầu cần đạt của bài.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho HV, kết nối kiến thức và gợi mở về nội dung bài học.

2. Tổ chức thực hiện:

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV lắng nghe bài thơ "Sóng" của Xuân Quỳnh, kết hợp với quan sát một số hình ảnh về sóng, thủy triều. Trả lời câu hỏi: Em quan sát được hiện tượng gì qua các hình ảnh trên? Nguyên nhân nào sinh ra các hiện tượng đó?

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV lắng nghe, quan sát hình ảnh

c) *Báo cáo, thảo luận:* HV trả lời câu hỏi

d) *GV kết luận và dẫn dắt vào bài học mới*

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về tính chất của nước biển và đại dương

1. **Mục tiêu:** HV trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.

2. Tổ chức thực hiện:

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV đọc SGK kết hợp với kiến thức của bản thân; GV lần lượt trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm; HV làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi.

1. Nhiệt độ trung bình của toàn bộ bề mặt đại dương là khoảng 17°C.

A. Đúng B. Sai

2. Nhiệt độ nước biển ở xích đạo cao hơn cực.

A. Đúng B. Sai

3. Nhiệt độ nước biển không thay đổi theo mùa

A. Đúng B. Sai

4. Độ muối trung bình của đại dương là 35‰.

A. Đúng B. Sai

5. Độ muối của nước biển thay đổi theo vĩ độ.

A. Đúng B. Sai

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV theo dõi và lắng nghe câu trả lời của GV, lựa chọn câu trả lời.

c) *Thảo luận, báo cáo:* GV gọi các HV trả lời các câu hỏi. GV công bố đáp án đúng ngay sau mỗi câu trả lời của HV.

d) *GV kết luận, nhận định và chốt kiến thức:*

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sóng biển, thủy triều và dòng biển

1. Mục tiêu

- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều.

- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.

- Phân tích được bản đồ các dòng biển trên đại dương thế giới, hình ảnh về Vị trí của Mặt Trăng so với Trái Đất và Mặt Trời trong các ngày thủy triều lớn nhất và thủy triều nhỏ nhất.

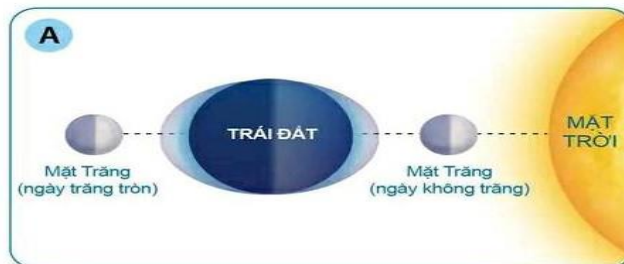
2. Tổ chức thực hiện

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm; trình chiếu hình ảnh; yêu cầu HV đọc SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân hoàn thành nhiệm vụ. Sản phẩm của nhóm có thể là báo cáo, bảng hệ thống kiến thức, sơ đồ; Trình bày trên giấy A0, máy tính để có thể trình chiếu được.

+ **Nhóm 1+3:** Dựa vào nội dung SGK, Tìm hiểu về sóng biển (Khái niệm, nguyên nhân)



+ **Nhóm 2+6:** Dựa vào nội dung SGK và hình ảnh vị trí của Mặt Trăng so với Trái Đất và Mặt Trời trong các ngày thủy triều lớn nhất (A) và thủy triều nhỏ nhất (B); Tìm hiểu về thủy triều (Khái niệm, hình thức, nguyên nhân, đặc điểm)



Vị trí của Mặt Trăng so với Trái Đất và Mặt Trời trong các ngày thủy triều lớn nhất (A) và thủy triều nhỏ nhất (B)

+ **Nhóm 3+5:** Dựa vào nội dung SGK và bản đồ các dòng biển trên đại dương để tìm hiểu về dòng biển (Khái niệm, nguyên nhân, phân loại (đặc điểm))



b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc SGK, quan sát hình ảnh, trao đổi, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày kết quả; các nhóm khác nhận xét và bổ sung

d) GV Kết luận, nhận định và chốt kiến thức

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

1. Mục tiêu: HV nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế-xã hội.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi: *Biển và đại dương có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế-xã hội?*

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV đọc SGK, trao đổi, thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời 1, 2 HV trả lời câu hỏi; HV khác nhận xét và bổ sung

d) GV kết luận nhận định và chốt kiến thức

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng địa lí

b) Tổ chức thực hiện: Tham gia trò chơi "Giải ô chữ"

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV phổ biến luật chơi; trình chiếu ô chữ, lần lượt trình chiếu các câu hỏi theo hàng ngang.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV sẽ lựa chọn các ô chữ, mỗi ô chữ hàng ngang là 1 câu hỏi, nếu trả lời đúng, ô chữ sẽ hiện ra.

1. Trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh, khi sóng không hiểu nỗi mình, sóng đã đi đâu? => biển

2. Bản chất của các vì sao giống với vật thể nào gần chúng ta nhất? => Mặt trời.

3. Trong câu hát: “Mấy nhịp cầu tre; tiếng bìm bịp kêu; Con nước lớn nước ròng”.
Hiện tượng nước lớn ở đây là hiện tượng gì? => Triều cường.
4. Định luật Newton 2 nói đến cái gì? => Lực hút.
5. Hành tinh duy nhất có sự sống trong hệ mặt trời là gì? => Trái Đất.
6. Ba điểm trên cùng một mặt phẳng nếu không tạo thành một tam giác thì chúng sẽ như thế nào với nhau? => Thẳng hàng.
7. Vị tướng đánh tan quân Nam Hán, kết thúc ngàn năm Bắc thuộc cho nước ta trong lịch sử là ai? => Ngô Quyền.
8. Nhà của chị Hằng Nga ở đâu? => Mặt Trăng.

* Từ hàng dọc: con sông diễn ra chiến thắng lịch sử của Vua Ngô Quyền.

c) GV **Kết luận, nhận định, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.**

+ GV mở các ô chữ

Giải đáp ô chữ												
							B	I	E	N		
						M	A	T	T	R	O	I
		T	R	I	E	U	C	U	O	N	G	
				L	U	C	H	U	T			
			T	R	A	I	Đ	A	T			
	T	H	A	N	G	H	A	N	G			
N	G	O	Q	U	Y	E	N					
M	A	T	T	R	A	N	G					

+ GV giới thiệu một số thông tin về sông Bạch Đằng gắn với sự kiện Ngô Quyền đã lợi dụng hiện tượng thủy triều để đánh thắng quân Nguyên.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. **Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. **Tổ chức thực hiện:**

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ sau: Thu thập và giới thiệu về hiện tượng thủy triều ở một số vùng biển của Việt Nam. Những lợi ích của hiện tượng này mang lại?

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV Thực hiện nhiệm vụ ở nhà

c) **HV báo cáo, nhận xét chốt kiến thức có liên quan ở giờ học sau**

Chủ đề 5. SINH QUYỀN

Bài 12. ĐẤT TRÊN TRÁI ĐẤT. SINH QUYỀN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất.
- Trình bày được các nhân tố hình thành đất; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ Địa lí học
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí

3. Phẩm chất

- Có ý thức chăm chỉ trong học tập
- Có trách nhiệm đối với việc sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật
- Góp phần hình thành phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sơ đồ, hình vẽ các vành đai đất và vành đai thực vật theo vĩ độ hoặc theo độ cao (phóng to)
- Bản đồ phân bố các nhóm đất chính trên thế giới; bản đồ các kiểu thảm thực vật chính trên thế giới.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm một số tranh ảnh về đất và sinh vật

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất; trình bày được các nhân tố hình thành đất; trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật; khai thác được kiến thức từ bản đồ, sơ đồ, hình ảnh và liên hệ được thực tế ở địa phương.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV nhớ lại những kiến thức đã được học về đất. Liên hệ thực tiễn, kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức, kỹ năng bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu video về Tây Nguyên và giới thiệu: Tây Nguyên là thủ phủ của cây cà phê và một số loại cây CN khác nhờ vào tài nguyên đất. Vậy, dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết cá nhân hãy kể tên một số loại đất ở Tây Nguyên. Em biết gì về loại đất đó?

b) HV thực hiện nhiệm vụ và báo cáo:

- HV xem video, ghi lại thông tin chính và trả lời câu hỏi trong thời gian 03 phút.
- GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

c) Kết nối vào bài học mới: GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đất và lớp vỏ phong hóa

1. Mục tiêu: HV trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hóa và đất

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV quan sát một số mẫu đất (GV cung cấp), đọc SGK (kênh hình và kênh chữ) và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

Trình bày khái niệm về đất. Phân biệt đất và lớp vỏ phong hóa?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện cặp đôi, cùng nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi. GV quan sát và trợ giúp các cặp.

c) Báo cáo, thảo luận: Các cặp trao đổi chéo kết quả và đại diện các cặp trình bày, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức:

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các nhân tố hình thành đất

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhân tố hình thành đất; Liên hệ thực tế địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HV đọc SGK kết hợp với kiến thức của bản thân, làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập theo mẫu:

Phiếu học tập

CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT

Nhóm	Nhân tố	Vai trò trong việc hình thành đất	Ví dụ
1	Đá mẹ		
2	Khí hậu		
3	Sinh vật		
4	Địa hình		
5	Thời gian		
6	Con người		

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên. HV làm việc theo nhóm.

- Liên hệ thực tế tại địa phương

b) Báo cáo, thảo luận: GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

c) GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức

- GV chốt kiến thức:

- GV nhận xét về thái độ, quá trình làm việc của các nhóm, hướng dẫn các nhóm tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm và giới hạn của sinh quyển

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV đọc SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân, trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

- Trình bày khái niệm và phân tích đặc điểm, giới hạn sinh quyển của sinh quyển?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp, các cặp nghiên cứu nội dung SGK, trao đổi với bạn và hoàn thành câu hỏi. GV quan sát và trợ giúp.

c) **Báo cáo, thảo luận:** Các cặp trao đổi chéo. GV yêu cầu đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

d) **GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức**

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật

1. Mục tiêu: HV trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.

2. Tổ chức thực hiện:

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chia lớp thành 4 nhóm, 2 nhóm thực hiện chung 1 nhiệm vụ; yêu cầu HV đọc SGK kết hợp với kiến thức của bản thân, làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu học tập theo mẫu:

Nhóm 1,3: Hoàn thành phiếu học tập số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Nhóm 1,3)

Nhóm	Nhân tố	Ảnh hưởng
1,3	Khí hậu	
	Nước	
	Đất	

Nhóm 2,4: Hoàn thành phiếu học tập số 2

+ GV gợi ý cho HV có thể sáng tạo các cách trình bày, nhưng vẫn đảm bảo những nội dung cơ bản như trong phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Nhóm 2,4)

Nhóm	Nhân tố	Ảnh hưởng
2,4	Địa hình	
	Sinh vật	
	Con người	

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên. HV đọc SGK, trao đổi, thảo luận trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu đại diện 2 nhóm (nhóm 1,2 hoặc nhóm 3,4) lên báo cáo kết quả. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức

+ GV trình chiếu bảng thông tin phản hồi

+ GV phân tích, lấy các ví dụ cho mỗi nhân tố

+ GV cung cấp thêm một số thông tin liên quan đến bài học.

+ GV nhận xét về thái độ, quá trình làm việc của các nhóm, hướng dẫn các nhóm tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn.

Hoạt động 2.5. Thực hành: Lập bảng và nhận xét sự phân bố của các nhóm đất chính và thảm thực vật chính trên thế giới

1. Mục tiêu: HV phân tích được bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

2. Cách thức tổ chức thực hiện: Làm việc cá nhân kết hợp với cặp đôi.

a1) Chuyển giao nhiệm vụ lần 1: GV chia lớp thành 2 nhóm: thẻ xanh và thẻ đỏ. Yêu cầu: đọc SGK, quan sát bản đồ kết hợp với kiến thức đã học trong bài hoàn thành nhiệm vụ theo hướng dẫn.

+ Nhóm thẻ đỏ: Kể tên và xác định trên bản đồ các nhóm đất chính, ghi vào vở theo mẫu:

Đới khí hậu	Nhóm đất chính
Cực	
Ôn đới	
Nhiệt đới	
Xích đạo	

+ Nhóm thẻ xanh: Kể tên và xác định trên bản đồ các thảm thực vật chính, ghi vào vở theo mẫu:

Đới khí hậu	Thảm thực vật chính
Cực	
Ôn đới	
Nhiệt đới	
Xích đạo	

b1) Thực hiện nhiệm vụ: HV đọc SGK, quan sát bản đồ, làm việc cá nhân, ghi vào vở các thông tin theo mẫu.

a2) Chuyển giao nhiệm vụ lần 2: GV yêu cầu mỗi HV có thẻ màu đỏ sẽ ghép cặp với 1 HV có thẻ màu xanh; Dựa vào kết quả làm việc cá nhân, nhận xét về mối quan hệ giữa sự phân bố các nhóm đất chính và các thảm thực vật chính trên thế giới.

b2) Thực hiện nhiệm vụ: Từng cặp đôi chia sẻ kết quả làm việc cá nhân, trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi đại diện một số cặp đôi lên bảng, kể tên, xác định trên bản đồ sự phân bố của một số nhóm đất chính/ thảm thực vật chính và nêu nhận xét về mối quan hệ giữa sự phân bố các nhóm đất chính và các thảm thực vật chính trên thế giới.

d) GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

+ GV trình chiếu bảng kiến thức

+ GV nhận xét về tinh thần, thái độ làm việc của cả lớp; chấm điểm cho những HV báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Hoạt động 2.6. Thực hành: Nhận xét và giải thích sự phân bố vành đai đất và vành đai thực vật ở sườn tây dãy Cáp-ca

1. Mục tiêu: HV phân tích được hình vẽ nhận xét và giải thích sự phân bố vành đai đất và vành đai thực vật ở địa điểm cụ thể.

2. Cách thức tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV treo lên bảng (hoặc trình chiếu) sơ đồ các vành đai đất và vành đai thực vật ở sườn tây dãy Capca, yêu cầu HV quan sát, dựa vào SGK kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố vành đai đất và vành đai thực vật ở sườn tây dãy Cap-pa; điền thông tin vào bảng sau:

Độ cao (m)	Vành đai đất	Vành đai thực vật

b) Thực hiện nhiệm vụ: các nhóm đọc SGK, phân tích sơ đồ, hoàn thiện bảng thông tin, trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi. GV quan sát và trợ giúp (nếu cần).

c) Trao đổi, thảo luận: GV gọi đại diện 1 - 2 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức:

+ GV chốt kiến thức qua bảng thông tin sau:

+ GV nhận xét về tinh thần, thái độ làm việc của các nhóm; hướng dẫn các nhóm tự đánh giá và đánh giá kết quả làm việc của nhóm bạn.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV dựa vào kiến thức đã học giải thích nguyên nhân tại sao trên Trái Đất có nhiều loại đất khác nhau? Tại sao ở các loại đất khác nhau có các loài thực vật khác nhau?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV dựa vào kiến thức đã học trong bài để trả lời câu hỏi

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trả lời câu hỏi; HV khác bổ sung

d) GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

+ Đất trên Trái Đất đa dạng là do được hình thành bởi sự tác động của nhiều nhân tố. Tùy vào điều kiện hình thành mà mỗi nhân tố có sự tác động mạnh, yếu khác nhau tạo nên các loại đất khác nhau về tính chất, thành phần và giá trị sử dụng.

+ Sự phát triển và phân bố của thực vật chịu ảnh hưởng của các đặc tính lí, hoá và độ phì của đất. Mỗi loài thực vật phát triển thích hợp ở mỗi loại đất nhất định.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV tìm hiểu loại cây trồng đặc thù của địa phương. Giải thích nguyên nhân tại sao ở địa phương em lại phổ biến loại cây trồng đó.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Chủ đề 6. MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ
Bài 13. VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH.
QUY LUẬT ĐỊA ĐỐI VÀ PHI ĐỊA ĐỐI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất
- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: sự thay đổi nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa...
- Sử dụng các công cụ địa lí học: sơ đồ, mô hình, tranh ảnh,...
- Khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tranh ảnh, video về 1 số con sông, suối, sông băng, hồ, về tình trạng khan hiếm nước ngọt.
- Bản đồ các đới khí hậu, các nhóm đất, các kiểu thảm thực vật

2. Chuẩn bị của học viên

- Một số thông tin, hình ảnh theo yêu cầu của GV

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động theo hướng dẫn của công văn số 5512/GDDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo nhằm giúp học viên đạt được các yêu cầu cần đạt của bài.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của học viên về lớp vỏ địa lí đã học với bài học
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của học viên.

2. Tổ chức thực hiện: GV chọn 1 trong 2 cách sau:

* Cách 1: Sử dụng Video

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV cho HV xem video, đặt câu hỏi: Em có suy nghĩ gì về sự thay đổi của môi trường tự nhiên? Em thấy bản thân mình có trách nhiệm gì với sự thay đổi đó?

Link video: https://youtu.be/_YeyR6VvC5w

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

* Cách 2: Sử dụng trò chơi "Ai nhanh hơn"

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chia lớp thành 4 đội, mỗi đội được phát các thẻ thông tin. Trong thời gian nhanh nhất, đội nào hoàn thiện trước và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.

Vĩ độ	Thảm thực vật chính
0°	
20°	
40°	
60°	
90°	

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV tham gia trò chơi.

c) **Báo cáo, thảo luận:** HV nộp thẻ kiến thức.

d) **Kết luận, nhận định:** GV chấm điểm, dẫn dắt vào bài.

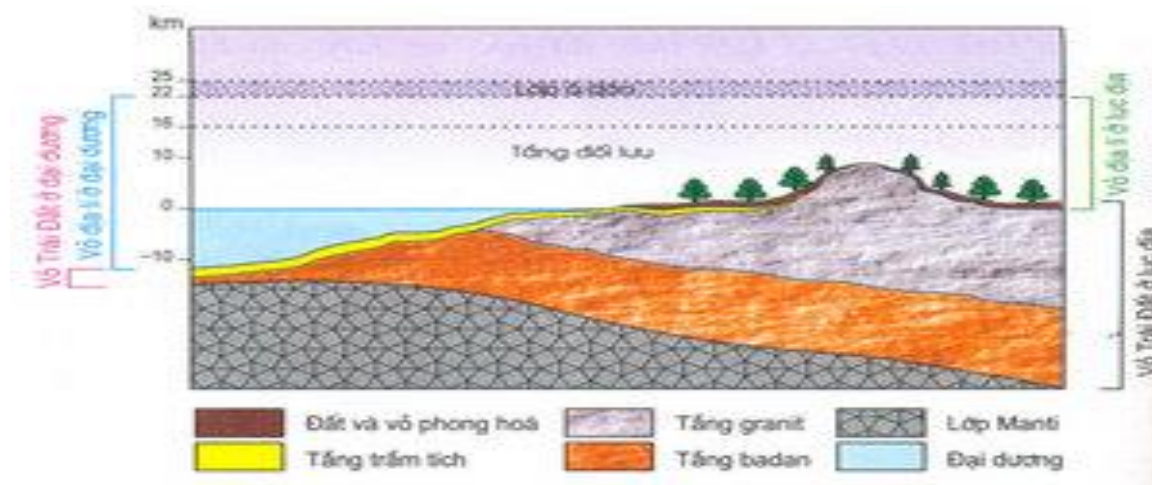
Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vỏ địa lí

1. **Mục tiêu:** HV trình bày được khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.

2. Tổ chức thực hiện:

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV đọc SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi: *Hãy phân biệt vỏ địa lí với vỏ Trái Đất.*



b) **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

c) **Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

d) **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí

1. **Mục tiêu:** HV trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

2. Tổ chức thực hiện:

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HV đọc SGK kết hợp với kiến thức của bản thân, trao đổi, thảo luận theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Đọc thông tin trong SGK nêu khái niệm, nguyên nhân của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

+ Nhóm 2, 4: Đọc thông tin trong SGK nêu biểu hiện, ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

b) Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HV làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

c) Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu quy luật địa đới

1. Mục tiêu

HV trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới; liên hệ địa phương. Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong tự nhiên bằng quy luật này.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

+ **Vòng 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm (thành viên trong nhóm được đánh số thứ tự từ 1 đến hết). Yêu cầu: Đọc SGK, dựa vào hiểu biết của bản thân và hoàn thành nhiệm vụ sau:

- Nhóm 1: Tìm hiểu khái niệm và nguyên nhân của quy luật địa đới
- Nhóm 2: Tìm hiểu biểu hiện: vòng đai nhiệt
- Nhóm 3: Tìm hiểu sự phân bố đai áp, gió.
- Nhóm 4: Tìm hiểu sự phân bố đất, sinh vật

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu.

c) Báo cáo, thảo luận: Giáo viên yêu cầu đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, nêu câu hỏi/ vấn đề còn thắc mắc. Nhóm trình bày trả lời câu hỏi (nếu có).

d) Kết luận, nhận định: GV kết luận đánh giá ý thức làm việc của các nhóm và chốt kiến thức chung.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu quy luật phi địa đới

1. Mục tiêu: HV trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật phi địa đới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HV đọc SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

- + Nhóm 1, 3: Đọc thông tin, hãy trình bày khái niệm, biểu hiện của quy luật đai cao
- + Nhóm 2, 4: Đọc thông tin, hãy trình bày ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa ô?

b) Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HV làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

c) Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

2. Tổ chức thực hiện: Chọn 1 trong 2 cách sau:

* **Cách 1:** Trả lời câu hỏi

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HV trả lời.

Hãy cho biết khi khí hậu thay đổi thì các đối tượng tự nhiên khác sẽ thay đổi như thế nào?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thảo luận và tìm đáp án.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HV, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Gợi ý trả lời:

Trong tự nhiên, khí hậu có tác động rất lớn đến các thành phần tự nhiên khác. Khi khí hậu thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực.

* **Cách 2:** Lập bảng theo mẫu để phân biệt được quy luật địa đới và phi địa đới.

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu bảng mẫu, yêu cầu HV dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành.

Quy luật	Quy luật địa đới	Quy luật phi địa đới
Tiêu chí		
Khái niệm		
Biểu hiện		
Ý nghĩa thực tiễn		

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV dựa vào SGK và kiến thức đã học hoàn thành bảng vào vở hoặc máy tính (nếu có).

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HV, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

* **Cách 3.** GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV về nhà:

+ Tìm hiểu sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất?

+ Tìm hiểu thông tin để giải thích vì sao miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ ở nhà

c) Báo cáo, thảo luận: HV thực hiện sản phẩm vào vở ghi.

d) Kết luận, nhận định: Sản phẩm có thể được GV nhận xét, đánh giá vào những giờ học sau, trong các nội dung có liên quan.

ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI

Chủ đề 7. ĐỊA LÍ DÂN CƯ

Bài 14. DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ. CƠ CẤU DÂN SỐ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.
- Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế; Nêu được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.

- Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).

- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu.

- Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học;
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế;
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

Nhân ái (tôn trọng sự khác biệt giữa các thành phần cơ cấu dân số); Trách nhiệm (tích cực tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện chính sách dân số).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số thông tin, số liệu về dân số thế giới.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tài liệu liên quan đến dân số thế giới để phục vụ cho chủ đề.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý được thực hiện trong chủ đề với thời lượng khoảng 2 tiết. Tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp và linh hoạt. GV cần

chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, biểu đồ... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Khuyến khích GV sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp với các kỹ thuật dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho HV.

GV có thể sưu tầm và sử dụng các thông tin, số liệu trong các kênh chính thống về dân số trên thế giới hoặc Việt Nam hoặc của địa phương để làm ngữ liệu cho các hoạt động. Trong quá trình khám phá, GV khuyến khích HV khai thác kênh hình, số liệu để làm minh chứng và phát huy vốn hiểu biết thực tiễn để trình bày vấn đề theo yêu cầu trong từng hoạt động.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan đến chủ đề dân số. Tạo hứng thú cho HV.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cung cấp một số thông tin về dân số trên thế giới (số dân, tình hình gia tăng dân số, dự báo, cơ cấu dân số,...) và yêu cầu HV:

Dựa vào đoạn thông tin về dân số thế giới và hãy:

- Liệt kê những thông tin về dân số được đề cập trong đoạn thông tin.
- Chia sẻ cảm nghĩ và hiểu biết của bản thân về thông tin đó.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ và báo cáo với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.
- Phân tích được biểu đồ/ số liệu thống kê về dân số; xử lý số liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV:

Dựa vào nội dung và bảng số liệu/biểu đồ có trong SGK về quy mô dân số thế giới, hãy:

- + Nêu đặc điểm dân số thế giới. Lấy ví dụ minh họa.

+ Trình bày tình hình phát triển dân số trên thế giới.

Lưu ý: GV gợi ý cho HV nhận xét bảng số liệu/biểu đồ, xử lý số liệu để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số cặp HV lên báo cáo. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2: Khám phá sự gia tăng dân số

1. Mục tiêu

- Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế;

- Nêu được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: thông tin trong SGK, hãy phân biệt gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử), gia tăng cơ học (xuất cư, nhập cư) và gia tăng dân số thực tế theo gợi ý như sau:

- Khái niệm

- Công thức tính

- Đặc điểm chung.

GV có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm và kỹ thuật mảnh ghép, phân công nhiệm vụ cho nhóm chuyên gia như sau:

Nhóm số 1: Tìm hiểu gia tăng dân số tự nhiên.

Nhóm số 2: Tìm hiểu gia tăng dân số cơ học.

Nhóm số 3: Tìm hiểu gia tăng dân số thực tế.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm, trao đổi và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm. Sau khi HV hoàn thành nhiệm vụ của nhóm chuyên gia, HV thành lập nhóm ghép trao đổi, chia sẻ và thống nhất để hoàn thành bảng thông tin như sau:

<i>Nội dung</i>	<i>Gia tăng DS tự nhiên</i>	<i>Gia tăng DS cơ học</i>	<i>Gia tăng DS thực tế</i>
Khái niệm			
Công thức tính			
Đặc điểm chung			

c) Báo cáo, thảo luận: HV đại diện một nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá, chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV, chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu cơ cấu dân số

1. Mục tiêu

- Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).

- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc các thông tin, bảng số liệu hoặc biểu đồ trong SGK, em hãy trình bày các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).

Gợi ý: GV có thể tổ chức cho HV thảo luận nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép hoặc triển lãm tranh tùy vào điều kiện thực tế lớp học.

+ Nhóm số lẻ: Tìm hiểu cơ cấu sinh học.

+ Nhóm số chẵn: Tìm hiểu cơ cấu xã hội.

Sản phẩm có thể theo hình thức đa dạng, sáng tạo: bảng thông tin, sơ đồ,....

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi, thảo luận hoàn thành sản phẩm. GV có thể hướng dẫn HV nhận xét, xử lý số liệu hoặc biểu đồ để minh họa cho phần trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận: HV đại diện nhóm chẵn và nhóm lẻ lần lượt trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học cho HV. Xử lý số liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV:

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy:

- Tính tỉ suất tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2016 và năm 2021.

- Nhận xét tỉ suất tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2016 và năm 2021.

Gia tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2016 và năm 2021

<i>Gia tăng dân số tự nhiên</i>	<i>Cộng hòa Trung Phi</i>		<i>Đức</i>		<i>In-đô-nê-xi-a</i>	
	<i>2016</i>	<i>2021</i>	<i>2016</i>	<i>2021</i>	<i>2016</i>	<i>2021</i>
Tỉ suất sinh thô (%)	34	46	9	9	20	16
Tỉ suất tử thô (%)	14	12	11	12	7	7
Tỉ suất tăng dân số tự nhiên (%)	?	?	?	?	?	?

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016 và năm 2021)

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi theo cặp, hoàn thành bài tập vào vở.

c) Báo cáo, thảo luận: một số HV trình bày, HV khác nhận xét bổ sung.

d) GV đánh giá, chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và kết luận.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế tại địa phương hoặc Việt Nam.
- Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.

2. Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu, thu thập thông tin về một trong những vấn đề sau:

(1) Tình hình biến động dân số (tăng, giảm) tại địa phương nơi em sống trong thời gian 5 hoặc 10 năm trở lại đây và nguyên nhân dẫn tới sự biến động đó.

(2) Một trong các loại cơ cấu dân số ở Việt Nam. Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu dân số đó.

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 15. PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.
- Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.
- Nhận xét được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,...
- Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.
- Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).
- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu.

2. Năng lực : Góp phần hình thành và phát triển năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian;
- Sử dụng các công cụ địa lí học;
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn;
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi, sáng tạo trong học tập), trách nhiệm (tích cực tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện chính sách dân số).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố dân cư trên thế giới.
- Video ngắn hoặc hình ảnh về tác động của đô thị hóa (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Thông tin sưu tầm được liên quan phân bố dân cư, đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề này gợi ý thời gian là 2 tiết, GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Với thời lượng dự kiến của chủ đề này là hai tiết, các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học dưới đây mang ý nghĩa

gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lý số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối kiến thức, kinh nghiệm của HV đã có về phân bố dân cư, đô thị hóa. Tạo hứng thú, tò mò tìm hiểu chủ đề.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy ghi ra giấy nháp những hiểu biết của mình về phân bố dân cư và đô thị hóa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, chuẩn bị nội dung và báo cáo trước lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về phân bố dân cư.

1. Mục tiêu

- Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.
- Nhận xét được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,...

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung trong SGK và bản đồ phân bố dân cư, hãy:

+ Xác định các khu vực đông dân (có mật độ dân số cao); các khu vực thưa dân (có mật độ dân số thấp).

+ Phân tích nguyên nhân dẫn tới sự phân bố dân cư không đều như vậy.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc nhóm: trao đổi, thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: HV đại diện nhóm trình bày, HV khác trao đổi và bổ sung. GV hướng dẫn đọc bản đồ.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Gợi ý về thông tin phản hồi:

Các nhân tố tác động đến phân bố dân cư:

- Các nhân tố tự nhiên tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây trở ngại cho sự cư trú của con người.

- Các nhân tố kinh tế - xã hội: quyết định đến phân bố dân cư, đặc biệt là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất của nền kinh tế.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về đô thị hóa: khái niệm và các nhân tố tác động đến đô thị hóa

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm đô thị hóa.
- Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung trong SGK hãy:

- + Nêu khái niệm đô thị hóa.
- + Phân tích các nhân tố tác động đến đô thị hóa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi: HV đọc thông tin và suy nghĩ về nhiệm vụ, sau đó trao đổi với bạn trong cặp, chuẩn bị nội dung báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số cặp đôi HV báo cáo, HV khác trao đổi và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường

1. Mục tiêu: Trình bày được ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, xem video ngắn/quan sát hình ảnh (nếu có), hãy trình bày ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển KT-XH và môi trường.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo phương pháp Think – Pair – Share: HV suy nghĩ độc lập và tìm câu trả lời. Sau đó, HV tìm bạn kết thành cặp và trao đổi, chuẩn bị nội dung để trình bày trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời 1 số HV trình bày, HV khác lắng nghe, trao đổi và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét quá trình làm việc của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- củng cố lại kiến thức.

- Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).
- Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số.

2. Tổ chức hoạt động

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HV: Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy:

Tổng số dân và số dân thành thị của thế giới giai đoạn 1950 – 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1950	1970	1990	2020
Tổng số dân	2 536	3 700	5 327	7 795
Trong đó:				
Số dân thành thị	751	1 354	2 290	4 379

- Tính tỉ lệ dân thành thị của thế giới giai đoạn 1950 – 2020.
- Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện quy mô dân số thế giới và tỉ lệ dân thành thị thế giới giai đoạn 1950 – 2020.
- Nhận xét và giải thích.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV làm việc cá nhân, hoàn thành vào vở. (GV có thể mời 1 đến 2 HV lên làm bài tập trên bảng). GV theo dõi và hỗ trợ HV.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV mời một số HV chia sẻ kết quả bài tập. (GV có thể mời HV khác nhận xét, trao đổi kết quả của HV làm trên bảng).

d) **GV đánh giá và chốt kiến thức:** GV nhận xét, kết luận chung (GV có thể tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp).

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vấn đề đô thị hóa tại địa phương hoặc Việt Nam

2. Tổ chức hoạt động

GV hướng dẫn HV lựa chọn một trong các nhiệm vụ sau:

- (1) Tìm hiểu ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương nơi em đang sống.
- (2) Suy tầm một số biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của đô thị hóa tới môi trường.
HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

**Chủ đề 8. CÁC NGUỒN LỰC, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**Bài 16. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ. MỘT SỐ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.
- Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.
- So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.
- Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương.
- Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế.
- Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ Địa lí học.
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học; Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế.
- Bảng số liệu và biểu đồ về cơ cấu ngành kinh tế.
- Suu tầm video/thông tin về nền kinh tế của một quốc gia (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu về GDP và GDP trên đầu người của tỉnh/thành phố đang sống.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được khái niệm và phân loại nguồn lực, cơ cấu kinh tế; khai thác được kiến thức từ sơ đồ, bảng số liệu và liên hệ được thực tế ở địa phương.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý với thời lượng dự kiến của chủ đề là 2 – 3 tiết (tùy theo phân phối chương trình của từng cơ sở giáo dục). Tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phân tích sơ đồ, vẽ và nhận xét biểu đồ,... đảm bảo HV được tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Khuyến khích GV sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho HV.

Các ngữ liệu GV lựa chọn và sử dụng để tổ chức hoạt động cần trích dẫn rõ ràng và nguồn chính thống; phù hợp với mục tiêu và nội dung hoạt động.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối được kiến thức, kinh nghiệm liên quan đến nguồn lực phát triển kinh tế. Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HV.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV thực hiện trò chơi “Chúng tôi là nhà thông thái”.

+ GV chia mỗi bàn là 1 nhóm và đánh số chẵn, lẻ.

+ Nhóm lẻ kể tên 5 quốc gia giàu nhất thế giới với nét nổi bật nhất về kinh tế, theo cấu trúc: Tôi là(tên quốc gia), tôi có(đặc điểm chứng tỏ mình giàu).

+ Nhóm chẵn kể tên 5 quốc gia nghèo nhất thế giới với nét nổi bật nhất về kinh tế, theo cấu trúc: Tôi là(tên quốc gia), tôi còn(đặc điểm chứng tỏ mình còn nghèo).

Lưu ý: nếu GV tìm được video về nền kinh tế của một quốc gia nào đó hoặc Việt Nam (trong đó có các chỉ tiêu như: tốc độ tăng trưởng, cơ cấu ngành kinh tế, GDP, GDP trên đầu người,...) thì GV sử dụng cho hoạt động này.

Sau khi xem video và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Liệt kê những chỉ tiêu về kinh tế được nhắc đến trong video/đoạn thông tin.

+ Chia sẻ thêm những hiểu biết của em về nền kinh tế của quốc gia đó.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV lần lượt trả lời.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng hợp các câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm và phân loại nguồn lực

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Dựa vào nội dung trong SGK và sơ đồ phân loại nguồn lực, trả lời câu hỏi:

- + Thế nào là nguồn lực?
- + Nguồn lực được phân loại như thế nào?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, chuẩn bị nội dung trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày, HV khác trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức, nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vai trò của nguồn lực

1. Mục tiêu:

- Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.
- Phân tích được sơ đồ nguồn lực.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Dựa vào thông tin trong SGK, sơ đồ các nguồn lực, hãy phân tích vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.

Gợi ý: tùy thuộc vào thực tế lớp học và năng lực của HV, GV có thể tổ chức hoạt động khác sôi động hơn, ví dụ: Game show Start Tank – kêu gọi đầu tư dựa vào các nguồn lực.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi hoặc nhóm: trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ, chuẩn bị nội dung báo cáo. GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở giúp HV làm rõ hơn vai trò của từng nguồn lực, lấy ví dụ cụ thể để phân tích.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV đại diện trình bày, HV khác trao đổi và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét về thái độ, quá trình làm việc của các HV và chốt kiến thức.

Gợi ý thông tin phản hồi:

- Các nguồn lực bên trong lãnh thổ quyết định sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ:
- + Vị trí địa lí: tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây khó khăn trong việc trao đổi, hợp tác.
- + Nguồn lực tự nhiên: là yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ.
- + Nguồn lực kinh tế - xã hội: có vai trò quyết định, trong đó nguồn lao động là nguồn lực quan trọng nhất.
- Các nguồn lực bên ngoài lãnh thổ: việc tiếp cận và tranh thủ nguồn lực này tạo thêm sức mạnh cho sự phát triển kinh tế.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu cơ cấu kinh tế

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.
- Phân tích được sơ đồ cơ cấu nền kinh tế.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và phân tích sơ đồ cơ cấu kinh tế hãy:

+ Trình bày khái niệm cơ cấu kinh tế

+ Phân biệt các loại cơ cấu kinh tế: cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi hoặc nhóm, chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện một số HV lên báo cáo kết quả trước lớp, các HV khác lắng nghe và trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Gợi ý sản phẩm:

Cơ cấu kinh tế có thể phân thành:

- Cơ cấu ngành kinh tế là tập hợp tất cả các ngành hình thành nên nền kinh tế và các mối quan hệ tương đối giữa chúng; là bộ phận cơ bản nhất trong cơ cấu nền kinh tế.

- Cơ cấu theo thành phần kinh tế cho biết sự tồn tại của các thành phần tham gia hoạt động kinh tế.

- Cơ cấu theo lãnh thổ cho biết mối quan hệ của các bộ phận lãnh thổ hợp thành nền kinh tế.

Hoạt động 2.4. Khám phá một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế

1. Mục tiêu: So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HV: Dựa vào SGK và hiểu biết của bản thân, hãy so sánh sự khác biệt giữa GDP, GNI, GDP và GNI bình quân đầu người.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi theo cặp tìm câu trả lời.

c) Báo cáo, thảo luận: Một số HV lên chia kết quả. Các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- Củng cố và hệ thống lại kiến thức.

- Rèn luyện kỹ năng: vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.

2. Tổ chức thực hiện

Hoạt động 3.1. Đánh giá vai trò của các nguồn lực

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV: Lấy ví dụ về tác động của một trong các nguồn lực đến phát triển kinh tế.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV trao đổi theo cặp đôi và chuẩn bị thông tin để báo cáo.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 số HV báo cáo trước lớp, HV khác nhận xét và bổ sung.

d) **GV đánh giá và chốt kiến thức:** GV nhận xét hoạt động và kết quả của HV, kết luận.

Hoạt động 3.2. Vẽ biểu đồ

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV:

Dựa vào bảng số liệu:

Cơ cấu GDP phân theo ngành của Việt Nam, năm 2011 và 2021

(Đơn vị: %)

Năm	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2011	16,3	34,6	38,9	10,2
2021	12,6	37,5	41,2	8,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành của Việt Nam năm 2011 và 2021.
- Nhận xét và giải thích về GDP và cơ cấu GDP phân theo ngành của Việt Nam năm 2011 và 2021.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** GV mời 1 hoặc 2 HV thực hiện trên bảng. HV còn lại hoàn thành nhiệm vụ vào vở.

c) **Báo cáo, thảo luận:** HV nhận xét và giải thích biểu đồ; HV khác bổ sung.

d) **GV đánh giá, chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.**

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HV chọn một trong hai nhiệm vụ sau:
 - + Tìm hiểu về một số nguồn lực phát triển kinh tế của tỉnh/thành phố nơi em đang sống.
 - + Tìm hiểu về GDP và GDP bình quân đầu người của tỉnh/thành phố nơi em đang sống.
- HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Chủ đề 9. ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Bài 17. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí;
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học; Có trách nhiệm với môi trường sống, ý thức được việc sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.
- Bảng thông tin về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Chuẩn bị của học viên

- Tìm hiểu trước nội dung bài mới ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được vai trò, đặc điểm và ảnh hưởng của các nhân tố đến nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; liên hệ thực tế tại địa phương.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp; đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

GV khuyến khích, phát huy vốn hiểu biết và kinh nghiệm của HV trong thực tiễn về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản để vận dụng trong các hoạt động học.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV kết nối được những kiến thức, kinh nghiệm đã có về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản với chủ đề mới. Hứng thú, kích thích để tìm hiểu, khám phá.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV: Hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

b) Thực hiện nhiệm vụ: lần lượt từng HV chia sẻ hiểu biết của mình (ý kiến người sau không lặp lại ý kiến của người trả lời trước).

c) Kết nối vào bài học mới: GV liệt kê câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Dựa vào thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy trình bày vai trò và đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm bàn: nhóm bàn có lẽ tìm hiểu vai trò, nhóm bàn số chẵn tìm hiểu đặc điểm. HV trao đổi, liệt kê, chuẩn bị thông tin để báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời HV đại diện một số nhóm trình bày trước lớp vai trò trước, rồi đến đặc điểm. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV: Dựa vào thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Lấy ví dụ minh họa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện theo phương pháp think – pair – share; mỗi HV cá suy nghĩ và tìm ra thông tin của yêu cầu. Sau đó, tìm bạn ngồi cạnh tạo thành cặp đôi và trao đổi thông tin mỗi người đã có và hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV đại diện trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và đánh giá hoạt động của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố và hệ thống lại kiến thức.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV tham gia trả lời câu hỏi trắc nghiệm (phụ lục).

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thảo luận và tìm đáp án.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HV trả lời

d) GV đánh giá, chốt kiến thức: GV công bố đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	C	A	B	C	D	A

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

2. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HV về nhà: Tìm hiểu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tại địa phương nơi em đang sinh sống theo các gợi ý sau:

+ Chia sẻ ảnh hưởng của một số nhân tố tự nhiên (địa hình, đất trồng, khí hậu,...) đến ngành nông nghiệp ở địa phương.

+ Liệt kê các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tại địa phương?

- HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Phụ lục: Bộ câu hỏi trắc nghiệm (hoạt động 3)

Câu 1. Vai trò nào sau đây *không phải* là vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?

A. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

B. Tạo ra mặt hàng xuất khẩu, tăng nguồn thu ngoại tệ.

C. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

D. Cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế.

Câu 2. Tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. nguồn nước và sinh vật.
- B. đất trồng và nguồn nước.
- C. đất trồng và địa hình.
- D. sinh vật và khí hậu.

Câu 3. Đối tượng của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. máy móc và cây trồng.
- B. khoáng sản và vật nuôi.
- C. cây trồng và vật nuôi.
- D. máy móc và khoáng sản.

Câu 4. Đất trồng ảnh hưởng tới

- A. năng suất và sự phân bố cây trồng.
- B. việc cung cấp giống cây trồng, vật nuôi.
- C. tính mùa vụ và khả năng xen canh, tăng vụ.
- D. nguồn tiêu thụ sản phẩm và lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 5. Nhân tố tạo nên tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. đất trồng.
- B. khí hậu.
- C. nguồn nước.
- D. sinh vật.

Câu 6. Nhân tố này vừa là lực lượng sản xuất, vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản, đó là

- A. tiên bộ khoa học – công nghệ.
- B. cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật.
- C. dân cư và nguồn lao động.
- D. chính sách và thị trường.

Câu 7. Cung cấp giống cây trồng, vật nuôi là ảnh hưởng của nhân tố

- A. đất trồng.
- B. khí hậu.
- C. nguồn nước.
- D. sinh vật.

Câu 8. Sự phụ thuộc của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản vào điều kiện tự nhiên càng giảm là do

- A. khoa học – công nghệ ngày càng tiên bộ.
- B. công nghiệp chế biến phát triển.
- C. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.
- D. đất trồng được cải tạo tốt.

BÀI 18. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Trình bày và giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương.
- Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng các công cụ Địa lí học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất: Chăm chỉ học tập lĩnh hội kiến thức về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tôn trọng và có trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Bảng số liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu về các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên thế giới và Việt Nam hoặc địa phương.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề này có thể thực hiện trong thời gian dự kiến là 03 tiết, tùy theo phân phối chương trình của từng cơ sở giáo dục. GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập phù hợp với đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: đọc bản đồ, phân tích sơ đồ, nhận xét số liệu/biểu đồ,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trong chủ đề này, trước khi tổ chức các hoạt động, GV chia sẻ cho HV các ngành cụ thể trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. GV khai thác và chia sẻ thêm về dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ lâm nghiệp, thủy sản để HV lĩnh hội toàn diện cơ cấu ngành này. Có thể cho HV vẽ sơ đồ về cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

GV gợi ý cho HV khi sử dụng bản đồ phân bố cây trồng, vật nuôi chính, khai thác cả biểu đồ, số liệu có trên bản đồ để xác định sự phân bố cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối kiến thức, kinh nghiệm của bản thân với chủ đề về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Tạo hứng thú, tò mò khám phá.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi “Nhớ nhanh viết nhanh”: Dựa vào vốn hiểu biết của bản thân, hãy liệt kê tên cây trồng, vật nuôi mà em biết.

Luật chơi: mỗi bàn là một đội, bàn số lẻ liệt kê tên cây trồng, bàn số chẵn liệt kê tên vật nuôi. Đội chiến thắng là đội trong thời gian quy định liệt kê được nhiều tên cây trồng hoặc vật nuôi nhất.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV tham gia trò chơi, viết tên cây trồng, vật nuôi ra giấy nháp, hết thời gian chơi thì đội trưởng giơ sản phẩm trước lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng kết trò chơi, từ đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vai trò, đặc điểm ngành nông nghiệp

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành trong nông nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy trình bày vai trò, đặc điểm của ngành trong nông nghiệp.

GV có thể gợi ý cho HV thực hiện theo phương pháp think – pair – share.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, ghi các thông tin về vai trò và đặc điểm của ngành nông nghiệp vào giấy nháp. Sau đó, ghép cặp đôi với bạn ngồi cạnh, trao đổi, bổ sung và thống nhất các thông tin.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV lên trình bày trước lớp. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV, chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Xác định sự phân bố một số cây trồng và vật nuôi chính trên thế giới

1. Mục tiêu:

- Trình bày và giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.

- Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê về nông nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc nội dung, quan sát hình ảnh về cây trồng, vật nuôi trong SGK và đọc bản đồ phân bố một số cây trồng và vật nuôi chính trên thế giới hãy trình bày và giải thích sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.

GV gợi ý cho HV các thức làm việc như sau:

+ Nhóm số 1: trình bày và giải thích sự phân bố của một số cây lương thực chính theo bảng như sau:

Cây trồng	Đặc điểm sinh thái	Phân bố chủ yếu
Lúa gạo		
Lúa mì		
Ngô		

+ Nhóm số 2: trình bày và giải thích sự phân bố của một số cây công nghiệp chính theo bảng như sau:

Cây trồng	Đặc điểm sinh thái	Phân bố chủ yếu
Mía		
Củ cải đường		
Đậu tương		
Chè		
Cà phê		
Cao su		

+ Nhóm số 3: trình bày và giải thích sự phân bố của một số vật nuôi chính theo bảng như sau:

Vật nuôi	Phân bố chủ yếu	Giải thích
Bò		
Lợn		
Cừu		
Gia cầm		

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm và chuẩn bị báo cáo trước lớp. GV quan sát và hỗ trợ HV.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện nhóm báo cáo. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét về thái độ, quá trình làm việc của các nhóm và chốt kiến thức.

Gợi ý: Tùy thuộc vào đối tượng HV, GV có thể bổ sung thông tin về dịch vụ nông nghiệp.

Hoạt động 2.3. Khám phá ngành lâm nghiệp và thủy sản

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành lâm nghiệp, thủy sản.
- Trình bày và giải thích được sự phân bố của ngành lâm nghiệp, thủy sản trên thế giới.
- Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê về lâm nghiệp, thủy sản.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin và bản đồ trong SGK, phân tích số liệu hãy:

- + Trình bày vai trò, đặc điểm của ngành lâm nghiệp, thủy sản.
- + Trình bày và giải thích sự phân bố của ngành lâm nghiệp, thủy sản trên thế giới.

GV có thể phân công nhóm số lẻ tìm hiểu ngành lâm nghiệp, nhóm số chẵn tìm hiểu ngành thủy sản, hoàn thành nhiệm vụ theo bảng như sau:

<i>Ngành</i>	<i>Lâm nghiệp</i>	<i>Thủy sản</i>
Vai trò		
Đặc điểm		
Hoạt động sản xuất và phân bố: + Đặc điểm + Giải thích		

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép, trao đổi và hoàn thành thông tin theo bảng hoặc sơ đồ trên giấy nháp. Sau đó, nhóm số lẻ và số chẵn trao đổi bảng thông tin cho nhau để tìm hiểu thêm về ngành của nhóm kia. HV có thể nhận xét, bổ sung trong khi tìm hiểu. Sau đó, nhóm sẽ nhận lại sản phẩm của mình.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện nhóm báo cáo. HV khác trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Củng cố và hệ thống lại kiến thức.

- Rèn luyện kỹ năng: vẽ được và nhận xét biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 3.1. Xác định sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính ở một vùng nhất định.

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV: Liệt kê một số cây trồng, vật nuôi chính của vùng nhiệt đới. Giải thích tại sao có sự phân bố như vậy?

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV trao đổi theo cặp đôi và tìm câu trả lời.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 số HV chia sẻ trước lớp.

d) **GV đánh giá và chốt kiến thức:** GV kết luận.

Hoạt động 3.2. Xử lý, phân tích được số liệu thống kê

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV

Dựa vào bảng số liệu:

Một số quốc gia có sản lượng thủy sản hàng đầu thế giới năm 2019

(Đơn vị: triệu tấn)

Quốc gia	Trung Quốc	Việt Nam	Ấn Độ	Hoa Kỳ	In-đô-nê-xi-a
Sản lượng khai thác	14,6	3,8	6,5	4,8	7,5
Sản lượng nuôi trồng	48,3	4,6	7,8	0,5	6,0

- Tính sản lượng thủy sản và cơ cấu sản lượng thủy sản của một số quốc gia năm 2019.

- Nhận xét sản lượng thủy sản và cơ cấu sản lượng thủy sản của các quốc gia.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** GV mời 1 – 2 HV thực hiện trên bảng. HV còn lại hoàn thành nhiệm vụ vào vở.

c) **Báo cáo, thảo luận:** HV trình bày kết quả; HV khác nhận xét bổ sung.

d) **GV đánh giá và kết luận,** tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. **Mục tiêu:** Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

GV khuyến khích HV tìm hiểu thông tin và hoàn thành nhiệm vụ học tập: Giả sử em là một start – up (khởi nghiệp), em muốn đầu tư phát triển sản phẩm nông nghiệp tại địa phương, em sẽ lựa chọn phát triển cây trồng, vật nuôi nào? Tại sao?

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 19. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP. VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

- Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới, những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian;

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế;

- Khai thác internet phục vụ môn học.

- Năng lực năng lực giao tiếp và hợp tác, tự học và tự chủ.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học; Có trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển nông nghiệp bền vững.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sưu tầm một số tranh ảnh/ video về một số mô hình nông nghiệp hiện đại (nếu có).

- Ô chữ

2. Chuẩn bị của học viên

- Tìm hiểu trước nội dung bài mới ở nhà

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý (dự kiến thời lượng 1 tiết), tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp; đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập.

Phần quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là nội dung khó và khô khan, GV nên sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải những từ khó và lấy ví dụ cụ thể để HV hiểu. Phần nội dung một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại và định hướng phát triển

nông nghiệp trong tương lai là nội dung mới nhưng đã có nhiều thông tin đề cập đến và từ thực tiễn sản xuất nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam. Vì vậy, GV khuyến khích HV phát huy vốn hiểu biết từ thực tiễn để chia sẻ các vấn đề và định hướng theo nhiều cách khác nhau, GV tổng hợp và khái quát một số vấn đề cơ bản và định hướng chính.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV kết nối được những kiến thức, kinh nghiệm đã có về một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, về mô hình nông nghiệp hiện đại với chủ đề mới. Hứng thú, kích thích tìm hiểu, khám phá.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HV xem 1 video ngắn về mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại của một quốc gia bất kì (Nhật Bản hoặc Hoa Kỳ hoặc Pháp,...).

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV xem video, chia sẻ thông tin, cảm nghĩ về mô hình nông nghiệp đó, so sánh với nền nông nghiệp địa phương.

c) Kết nối vào bài học mới: GV dẫn dắt vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

1. Mục tiêu: Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy trình bày quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV suy nghĩ độc lập và tìm ra câu trả lời. Sau đó ghép đôi với bạn ngồi bên cạnh, trao đổi với nhau và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức, đánh giá hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

1. Mục tiêu: Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, hãy phân biệt vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

GV có thể hướng dẫn HV làm việc nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép và phân công nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

Nhóm số 1: Phân biệt vai trò, đặc điểm của hình thức trang trại và thể tổng hợp nông nghiệp.

Nhóm số 2: Phân biệt vai trò, đặc điểm của hình thức trang trại và vùng nông nghiệp.

Nhóm số 3: Phân biệt vai trò, đặc điểm của hình thức thể tổng hợp nông nghiệp và vùng nông nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi và hoàn thành sản phẩm trên giấy. Sau đó hình thành nhóm mảnh ghép, tiếp tục trao đổi cho nhau kết quả thảo luận của nhóm chuyên gia.

c) Báo cáo, thảo luận: đại diện nhóm trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét về thái độ, quá trình làm việc của các nhóm và kết luận.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu một số vấn đề và định hướng phát triển nông nghiệp

1. Mục tiêu: Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới và trình bày được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Nêu một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới.

+ Trình bày những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và chuẩn bị báo cáo.

Gợi ý: Tùy thuộc vào đối tượng HV, GV có thể sử dụng kỹ thuật ổ bi cho hoạt động này.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV báo cáo, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố và hệ thống lại kiến thức.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV tổ chức trò chơi ô chữ về nông nghiệp (phụ lục). HV lần lượt trả lời các câu hỏi ở ô chữ hàng ngang sau mỗi gợi ý để tìm từ khóa chính ở hàng dọc.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, tìm từ khóa sau mỗi gợi ý.

c) Báo cáo, thảo luận: HV trả lời các gợi ý.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV công bố đáp án.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

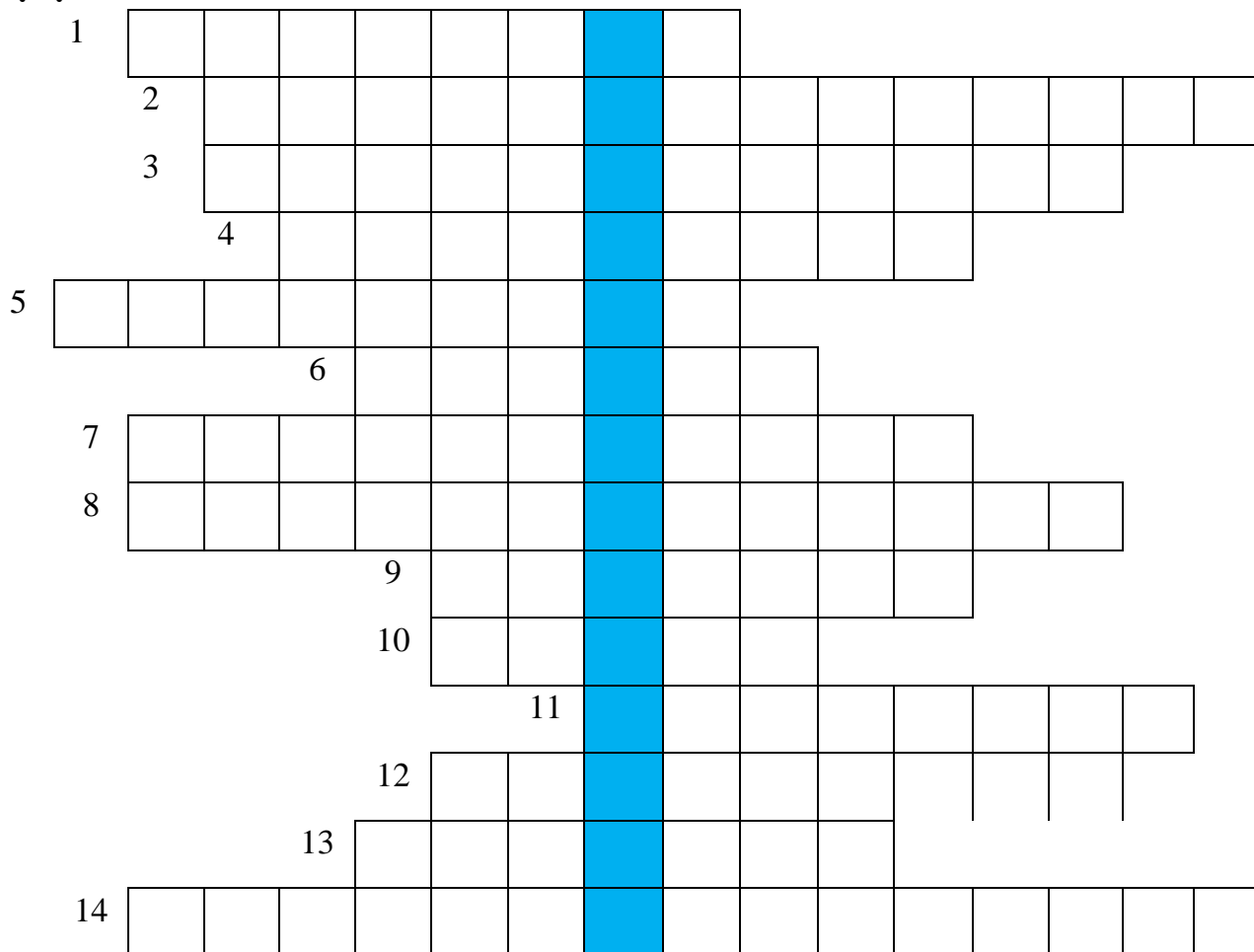
1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. Khai thác internet, các nguồn tài liệu địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HV về nhà: Sưu tầm các tư liệu về mô hình nông nghiệp xanh hoặc nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam hoặc quốc gia khác.

- HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Phụ lục: ô chữ



Hàng dọc:

Từ khóa gồm có 14 chữ cái, đây là một mô hình nông nghiệp phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Hàng ngang:

1. Đối tượng sản xuất của ngành trồng trọt là.....
2. Lãnh thổ rộng lớn, có đặc điểm tương đồng về điều kiện sinh thái nông nghiệp, kinh tế xã hội, có ranh giới rõ ràng – là đặc điểm của hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nào?

3. Vai trò quan trọng của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là thúc đẩy
4. Đây là hoạt động trong ngành lâm nghiệp được các quốc gia trên thế giới chú trọng:.....
5. Vai trò quan trọng của ngành lâm nghiệp là bảo vệ.....
6. Sản phẩm nông nghiệp chuyên môn hóa nổi bật của vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng là:
7. Chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào.....
8. Một trong những biểu hiện của nông nghiệp bền vững là phát triển nông nghiệp thích ứng với hiện tượng nào?
9. Quốc gia nằm ở Đông Nam Á có sản lượng thủy sản lớn trên thế giới:.....
10. Cây công nghiệp ưa nhiệt, ẩm cao, phân bố chủ yếu ở khu vực nhiệt đới:.....
11. Một vai trò của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đã tạo nguồn thu ngoại tệ lớn cho các quốc gia là:.....
12. Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nào có mục đích chủ yếu là sản xuất nông sản hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường?
13. Đối tượng của ngành chăn nuôi là:.....
14. Đây là một trong những công nghệ được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp: lai tạo giống mới, biến đổi gen,...

Đáp án:

Hàng ngang: (1) CÂY TRỒNG; (2) VÙNG NÔNG NGHIỆP; (3) CHUYÊN MÔN HÓA; (4) TRỒNG RỪNG; (5) MÔI TRƯỜNG; (6) LÚA GẠO; (7) NGUỒN THỨC ĂN; (8) BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; (9) VIỆT NAM; (10) CÀ PHÊ; (11) XUẤT KHẨU; (12) TRANG TRẠI; (13) VẬT NUÔI; (14) CÔNG NGHỆ SINH HỌC.

Hàng dọc: NÔNG NGHIỆP XANH

1	C	Â	Y	T	R	Ô	N	G							
2		V	Ù	N	G	N	Ô	N	G	N	G	H	I	Ê	P
3		C	H	U	Y	Ê	N	M	Ô	N	H	Ó	A		
4			T	R	Ồ	N	G	R	Ừ	N	G				
5	M	Ô	I	T	Ư	Ờ	N	G							
6				L	Ú	A	G	A	O						

7	N	G	U	Ò	N	T	H	Ú	C	Ã	N				
8	B	I	É	N	Đ	Ồ	I	K	H	Í	H	Â	U		
			9	V	I	È	T	N	A	M					
			10	C	À	P	H	Ê							
					11	X	U	Á	T	K	H	Â	U		
			12	T	R	A	N	G	T	R	À	I			
		13	V	Â	T	N	U	Ô	I						
14	C	Ô	N	G	N	G	H	Ê	S	I	N	H	H	Ọ	C

Bài 20. THỰC HÀNH

VẼ BIỂU ĐỒ VỀ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xử lí, phân tích được bảng số liệu thống kê.
- Vẽ và nhận xét được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học;
- Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bảng số liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Chuẩn bị của học viên

- Tìm hiểu trước kĩ năng vẽ các loại biểu đồ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 01 tiết. Bảng số liệu trong bài thực hành chỉ mang tính chất minh họa và các hoạt động chỉ mang tính chất gợi ý. GV có thể thay thế hoặc bổ sung các bảng số liệu khác về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản để tổ chức cho HV rèn luyện kĩ năng xử lí số liệu; vẽ và nhận xét biểu đồ (số liệu có nguồn chính thống). GV có thể cập nhật số liệu mới nhất để bổ sung hoặc thay thế.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV kết nối, sử dụng được những kiến thức, kinh nghiệm đã được khám phá về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia HV thành 2 nhóm (Hai dãy) tham gia trò chơi “Nhà nông so tài”. Trong khoảng thời gian 5 phút, lần lượt mỗi bên đọc 1 câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ của Việt Nam có liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

Hai bên không được đọc lại câu mà đối phương đã đọc. Hết thời gian, dãy nào đọc được nhiều hơn sẽ chiến thắng.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV tham gia trò chơi

c) **Kết nối vào bài học mới:** GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tính cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2000 và 2019.

1. **Mục tiêu:** HV biết công thức tính.

2. **Tổ chức thực hiện:**

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV nêu cách tính, hướng dẫn HV thực hiện xử lý số liệu.

Cho bảng số liệu:

Sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019

(Đơn vị: triệu tấn)

Loại cây	Năm 2000	Năm 2019
Lúa gạo	598,7	755,5
Lúa mì	585,0	765,8
Ngô	592,0	1 148,5
Cây lương thực khác	283,0	406,1
Tổng số	2 058,7	3 075,9

- Tính cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2000 và 2019.
- Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng của các loại cây lương thực trên thế giới năm 2000 và năm 2019.
- Nhận xét sản lượng và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2000 và năm 2019.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV làm việc cá nhân.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 số HV đọc kết quả.

d) **Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức, chuẩn bảng số liệu lên bảng. Gợi ý sản phẩm:

Xử lý số liệu

Bảng số liệu: Cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019

(Đơn vị: %)

Loại cây	Năm 2000	Năm 2019
Lúa gạo	29,1	24,6
Lúa mì	28,4	24,9
Ngô	28,8	37,3
Cây lương thực khác	13,7	13,2
Tổng số	100,0	100,0

Hoạt động 2.2. Vẽ biểu đồ

1. Mục tiêu: HV rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: Dạng biểu đồ cần vẽ là gì?

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi theo bàn để tìm dạng biểu đồ. Cá nhân vẽ biểu đồ vào vở.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 số HV đã vẽ biểu đồ vào vở để kiểm tra.

d) GV đánh giá, chốt kiến thức: GV nhận xét. Gợi ý sản phẩm:

Hoạt động 2.3. Nhận xét

1. Mục tiêu: Nhận xét được sản lượng và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 so với năm 2019.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Dựa vào bảng số liệu đã xử lí và biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét sản lượng các loại cây lương thực và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 so với năm 2019.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân.

c) Báo cáo, thảo luận: HV chia sẻ bài tập hoàn thiện. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nêu nhận xét chung, gợi ý sản phẩm:

- Về sản lượng: Sản lượng lương thực tăng, sản lượng tất cả các cây đều tăng (dẫn chứng).

- Về cơ cấu: Có sự thay đổi (nhận xét cụ thể).

Chủ đề 10. ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Bài 21. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.
- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí;
- Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học; Có trách nhiệm với môi trường sống: có ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tích cực vận động người khác tham gia bảo vệ thiên nhiên sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bảng thông tin về ngành công nghiệp trong bài tập điền từ thích hợp.
- Hình ảnh hoặc video về sản phẩm một số ngành công nghiệp sưu tầm được (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tranh ảnh, video về ngành công nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

GV có thể sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học khác phù hợp với đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học nhằm đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Phần vai trò công nghiệp, GV khuyến khích, phát huy vốn hiểu biết và kinh nghiệm của HV trong thực tiễn tại địa phương để trình bày và lấy ví dụ minh họa. Phần đặc điểm, GV liên hệ và so sánh với ngành nông nghiệp. Phần cơ cấu, GV giới thiệu một số cách phân loại ngành công nghiệp và lấy ví dụ ở Việt Nam.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV huy động những hiểu biết của mình về nội dung có liên quan đến ngành công nghiệp. Tạo hứng thú, kích thích tìm hiểu, khám phá chủ đề.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV hãy: Kể tên các sản phẩm của ngành công nghiệp có trong lớp học, các sản phẩm công nghiệp gia đình em đang sử dụng. Các sản phẩm này thuộc ngành công nghiệp nào?

b) Thực hiện nhiệm vụ: lần lượt từng HV chia sẻ ý kiến của mình (ý kiến người sau không lặp lại ý kiến của người trả lời trước).

c) Kết nối vào bài học mới: GV liệt kê câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Gợi ý: GV có thể sử dụng hình ảnh hoặc video về sản phẩm của một số ngành công nghiệp để định hướng hoạt động cho HV.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vai trò, đặc điểm và cơ cấu ngành công nghiệp

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc các thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy trình bày vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm: trao đổi, thảo luận trong nhóm và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời HV đại diện nhóm trình bày trước lớp. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Khám phá các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, hãy trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. Lấy ví dụ minh họa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố và hệ thống lại kiến thức.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV làm việc theo cặp đôi và hoàn thành bài tập Điền từ thích hợp vào chỗ trống (phụ lục).

GV có thể yêu cầu HV vẽ sơ đồ thể hiện vai trò, đặc điểm, cơ cấu và các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp để hệ thống lại kiến thức.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thảo luận và tìm đáp án.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trả lời

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV công bố đáp án.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

2. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HV về nhà: Tìm hiểu về một cơ sở công nghiệp tại địa phương theo gợi ý sau:

- Tên cơ sở sản xuất công nghiệp

- Vị trí của cơ sở

- Chủ đầu tư

- Ngành công nghiệp? Sản phẩm?

- Ý nghĩa của cơ sở đối với kinh tế - xã hội địa phương.

- Lý do chủ đầu tư phát triển ngành công nghiệp và đặt cơ sở ở vị trí này.

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Phụ lục

Bài tập điền từ vào chỗ chấm:

Lựa chọn và điền cụm từ thích hợp vào chỗ chấm:		
Khoa học – công nghệ	Điều kiện tự nhiên	Máy móc
Tư liệu sản xuất	Lương thực, thực phẩm	
Mức độ tập trung cao độ	Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	

Chính sách	Vốn, thị trường	Dân cư – lao động
Mùa vụ	Vị trí địa lí	Tạo ra mặt hàng xuất khẩu

1. Khác biệt với ngành nông nghiệp, vai trò quan trọng của ngành công nghiệp là cung cấp.....cho nền kinh tế.

2. Khác biệt với ngành nông nghiệp, đặc điểm cơ bản của công nghiệp là

3. giúp công nghiệp phát triển nhanh và bền vững, hình thành ngành mới.

4. Hướng phát triển công nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào nhân tố:.....

5. Nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới việc xác định cơ cấu và phân bố sản xuất công nghiệp là

6. Ngành nông nghiệp và công nghiệp đều có vai trò:.....

7. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào..... Sản xuất công nghiệp gắn liền với.....

8. Thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, lực lượng sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào nhân tố.....

9. Lựa chọn địa điểm xây dựng, phân bố công nghiệp, ảnh hưởng tới mức độ thuận lợi trong tiếp cận các nhân tố bên ngoài là ảnh hưởng của nhân tố.....

Đáp án

- | | | |
|------------------------------|---|-------------------------|
| 1. Tư liệu sản xuất | 2. Tập trung cao độ | 3. Khoa học – công nghệ |
| 4. Chính sách | 5. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | |
| 6. Tạo ra mặt hàng xuất khẩu | 7. Điều kiện tự nhiên – Máy móc | |
| 8. Dân cư – lao động | 9. Vị trí địa lí | |

Bài 22. ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.

- Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.

- Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.

- Đọc được bản đồ công nghiệp, vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian;

- Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí;

- Sử dụng các công cụ Địa lí học;

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất: Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thương người lao động, tôn trọng nghề nghiệp của người khác; Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố một số ngành công nghiệp trên thế giới.

- Sơ đồ về các ngành công nghiệp và sản phẩm công nghiệp.

- Bảng số liệu và biểu đồ về ngành công nghiệp.

- Một số hình ảnh/video về tác động của công nghiệp tới môi trường (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu về một số ngành công nghiệp trên thế giới và Việt Nam, tại địa phương nơi đang sống.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề này có thể thực hiện trong thời gian dự kiến 03 tiết, tùy theo phân phối chương trình của từng cơ sở giáo dục, được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành công nghiệp; khai thác được kiến thức từ sơ đồ, bảng số liệu, bản đồ và liên hệ được thực tế ở địa phương.

Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Trong chủ đề này, khi tìm hiểu một số ngành công nghiệp, GV có thể thực hiện lần lượt hoạt động để tìm hiểu từng ngành với mỗi phương pháp, hình thức khác nhau hoặc tổ chức cho HV cùng một lúc tìm hiểu các ngành.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối được kiến thức, kinh nghiệm của bản thân với chủ đề về một số ngành công nghiệp. Hứng thú, tò mò khám phá chủ đề mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi “Vua tiếng Việt”: mỗi dãy cử 1 HV đại diện cho dãy tham gia trò chơi. GV cung cấp một số từ khóa được sắp xếp lộn xộn, HV phải xếp lại thành từ có nghĩa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV tham gia trò chơi, HV khác theo dõi, làm giám khảo.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng kết trò chơi, từ đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Đáp án:

- (1) t/p/ư/h/ả/h/c/m → thực phẩm
- (2) ệ/m/t/a/d/y. → dệt may
- (3) ù/i/n/ê/t/đ/h/y → thủy điện
- (4) í/u/à/h/d/k → dầu khí
- (5) g/d/ê/ù/g/n/u/à/i/h/t/n → hàng tiêu dùng
- (6) t/ệ/n/ừ/đ/i → điện tử
- (7) à/d/i/g/y/a → da giày
- (8) t/á/h/a/h/i/k/c → khai thác

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số ngành công nghiệp

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.

- Đọc được bản đồ công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV: Đọc các thông tin trong SGK và bản đồ công nghiệp, hãy trình bày vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.

GV có thể tổ chức cho HV làm việc theo nhóm như sau:

Nhóm số 1: Tìm hiểu ngành công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại.

Nhóm số 2: Tìm hiểu ngành công nghiệp điện lực và điện tử, tin học.

Nhóm số 3: Tìm hiểu ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và thực phẩm.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV các nhóm thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ trên giấy A0 (hình thức thể hiện đa dạng) trong thời gian quy định. GV quan sát và trợ giúp HV.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời HV đại diện nhóm lần lượt trình bày về các ngành công nghiệp. HV khác trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.

1. Mục tiêu:

- Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.

- Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.

2. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu tác động của công nghiệp đối với môi trường.

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, một số hình ảnh/video về tác động của công nghiệp tới môi trường (nếu có) và dựa vào vốn hiểu biết của bản thân, hãy phân tích tác động của công nghiệp đối với môi trường.

GV tổ chức cho HV làm việc theo phương pháp think – pair – share hoặc phương pháp làm việc nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân và chuẩn bị thông tin theo yêu cầu. Sau đó, cùng với bạn ngồi bên cạnh kết thành cặp đôi và trao đổi, bổ sung, thống nhất và chuẩn bị báo cáo trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV lên báo cáo, HV khác trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2.2. Khám phá sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy phân tích sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.

GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở để định hướng cho HV:

- + Tại sao cần phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo?
- + Nêu các định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV báo cáo, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

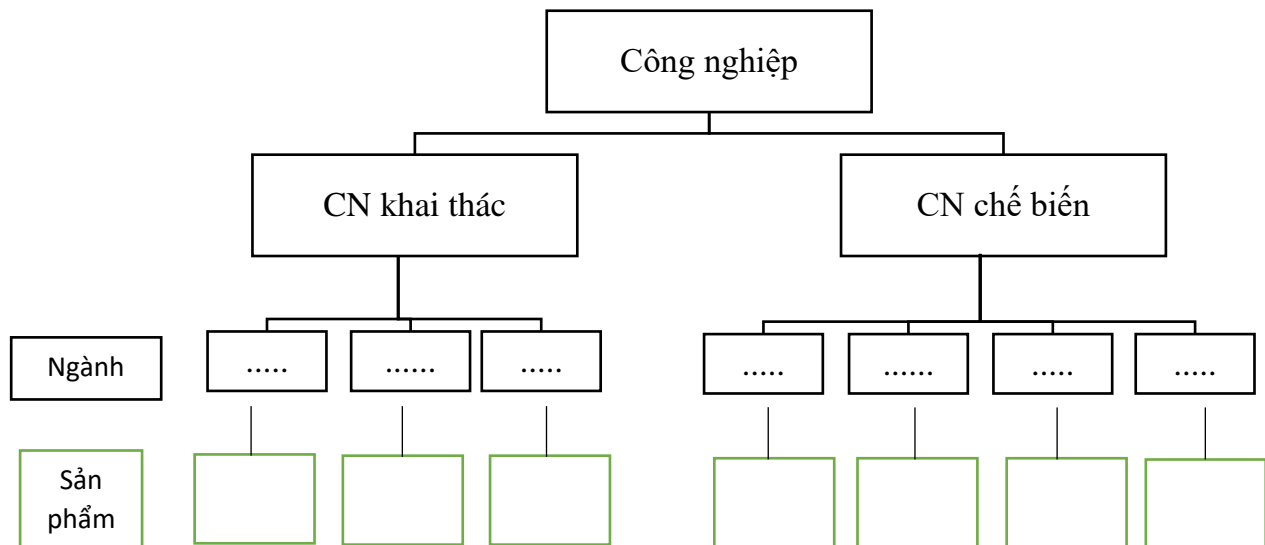
1. Mục tiêu:

- Củng cố và hệ thống lại kiến thức.
- Vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 3.1. Liệt kê ngành và sản phẩm công nghiệp.

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Liệt kê các ngành công nghiệp và sản phẩm của mỗi ngành theo sơ đồ sau:



b) Thực hiện nhiệm vụ: HV liệt kê lần lượt ngành công nghiệp – sản phẩm của từng ngành vào sơ đồ.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 số nhóm trình bày

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV kết luận

Hoạt động 3.2. Vẽ và phân tích biểu đồ về công nghiệp

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV đọc yêu cầu, lựa chọn dạng biểu đồ cần vẽ; cách nhận xét biểu đồ.

Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới, giai đoạn 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Dầu mỏ (<i>triệu tấn</i>)	3 605,5	3 983,4	4 362,9	4 484,5
Điện (<i>tỉ kwh</i>)	15 555,3	21 570,7	24 266,3	27 04,7

- Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới, giai đoạn 2000 – 2019.

- Phân tích biểu đồ.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân

c) Báo cáo, thảo luận: GV kiểm tra một số bài vẽ biểu đồ.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV kết luận.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HV về nhà hoàn thành một trong hai nhiệm vụ sau:

(1) Tìm hiểu tư liệu về một số nguồn năng lượng tái tạo được sử dụng để sản xuất điện ở nước ta.

(2) Sưu tầm tư liệu về một ngành công nghiệp tại địa phương hoặc Việt Nam theo các nội dung gợi ý sau:

- Tình hình phát triển và phân bố.

- Các sản phẩm của ngành. Trong đó, sản phẩm được xuất khẩu.

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 23. TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.
- Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Khai thác internet phục vụ môn học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, tự học và tự chủ.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học; Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển công nghiệp bền vững.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh, ảnh, video về một số công nghệ sản xuất hiện đại trong công nghiệp (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tranh ảnh, video về về một số công nghệ sản xuất hiện đại trong công nghiệp (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt; đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Chủ đề này có thời gian dự kiến là 1 tiết.

Phần quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp là nội dung khó, GV nên sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải và lấy ví dụ cụ thể để HV hiểu.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV kết nối được những kiến thức, kinh nghiệm đã có về một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, về mô hình nông nghiệp hiện đại với chủ đề mới. Hứng thú, kích thích tìm hiểu, khám phá.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 4 đội và cùng thi:

Đội 1 - 2: Kể tên các khu công nghiệp ở địa phương, trên phạm vi cả nước hoặc thế giới mà em biết.

Đội 3 - 4: Kể tên các trung tâm công nghiệp ở địa phương, trên phạm vi cả nước hoặc thế giới mà em biết.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Trong thời gian 3 phút, các nhóm cùng viết tên các đối tượng ra giấy A4. Các nhóm báo cáo sản phẩm; nhóm 1- 2 sẽ so sánh với nhau; nhóm 3 - 4 so sánh với nhau. Nhóm nào kể được nhiều hơn, đúng hơn sẽ chiến thắng.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

1. Mục tiêu: Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân hãy trình bày quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo phương pháp think – pair – share: HV suy nghĩ độc lập và trả lời câu hỏi. Sau đó, HV tìm bạn để tạo thành cặp đôi và trao đổi những ý kiến cho nhau.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày trước lớp. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

1. Mục tiêu: Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, hãy phân biệt vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

GV có thể tổ chức cho HV làm việc theo nhóm và kỹ thuật mảnh ghép. GV giao nhiệm vụ cho nhóm chuyên gia như sau:

Nhóm lẻ: Phân biệt vai trò, đặc điểm của hình thức điểm công nghiệp và khu công nghiệp.

Nhóm chẵn: Phân biệt vai trò, đặc điểm của hình thức trung tâm công nghiệp và vùng công nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi và hoàn thành sản phẩm trên giấy A0. Sau đó hình thành nhóm mảnh ghép, tiếp tục trao đổi cho nhau kết quả thảo luận của nhóm chuyên gia.

c) Báo cáo, thảo luận: đại diện nhóm trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét về thái độ, quá trình làm việc của các nhóm.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố và hệ thống lại kiến thức.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa ra câu hỏi trắc nghiệm, yêu cầu HV trả lời.

Câu 1. Nhận định nào sau đây *không đúng* về điểm công nghiệp?

- A. Phân bố gần nguồn nguyên, nhiên liệu hoặc vùng nông sản.
- B. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.
- C. Có xí nghiệp hạt nhân và các xí nghiệp hỗ trợ.
- D. Hình thức đơn giản nhất, đồng nhất với một điểm dân cư.

Câu 2. Khu vực có ranh giới xác định, không có dân cư sinh sống là đặc điểm của hình thức

- A. điểm công nghiệp.
- B. khu công nghiệp.
- C. trung tâm công nghiệp.
- D. vùng công nghiệp.

Câu 3. Mục đích chủ yếu của việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung ở các nước đang phát triển là

- A. tạo sự hợp tác giữa các xí nghiệp.
- B. sản xuất phục vụ xuất khẩu.
- C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.
- D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 4. Đặc điểm của khu công nghiệp là

- A. có ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.
- B. gắn liền với đô thị vừa và lớn.
- C. gồm một số xí nghiệp phân bố gần mỏ khoáng sản.
- D. không có các cơ sở sản xuất công nghiệp nông cốt.

Câu 5. Điểm khác nhau giữa trung tâm công nghiệp với vùng công nghiệp là

- A. nhiều xí nghiệp công nghiệp có sự liên kết chặt chẽ với nhau.
- B. có các nhà máy, xí nghiệp hỗ trợ phục vụ.
- C. sản phẩm vừa tiêu thụ trong nước vừa xuất khẩu.
- D. vùng công nghiệp có quy mô lớn hơn trung tâm công nghiệp.

Câu 6. Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây?

A. Điểm công nghiệp.

B. Khu công nghiệp.

C. Trung tâm công nghiệp.

D. Vùng công nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, tìm đáp án.

c) Báo cáo, thảo luận: HV trả lời.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV công bố đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	A	D	C

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. Khai thác internet, các nguồn tài liệu địa phương.

b. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HV về nhà hoàn thành bài tập: Tìm hiểu về một khu công nghiệp hoặc trung tâm công nghiệp ở Việt Nam (tên, vị trí, lĩnh vực sản xuất chủ yếu, vai trò,...).

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 24. THỰC HÀNH

VIẾT BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo về một vấn đề về công nghiệp.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học;
- Khai thác internet phục vụ môn học;
- Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sơ đồ quy trình viết báo cáo.

2. Chuẩn bị của học viên

- Tư liệu sưu tầm về công nghiệp theo gợi ý của GV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 01 tiết. GV khuyến khích HV tự đề xuất vấn đề để viết báo phù hợp với bản thân. Có thể đa dạng các vấn đề và HV làm việc theo nhóm. GV có thể tổ chức theo phương pháp dự án học tập, giao nhiệm vụ cho HV chuẩn bị trước, sau đó tổ chức cho HV báo cáo.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia HV làm 4 đội, tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn nào?”.

Trong thời gian là 5 phút, các đội liệt kê các bước viết báo cáo địa lí.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV tham gia trò chơi, chia sẻ kết quả.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

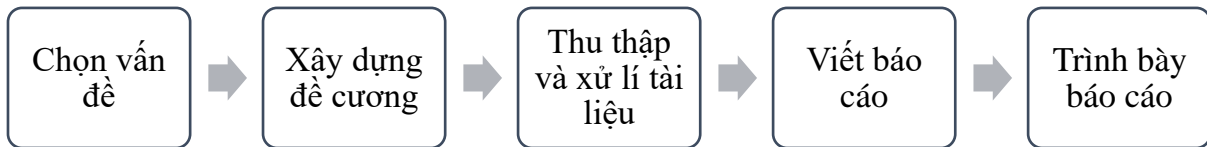
Hoạt động 2.1. Chuẩn bị viết báo cáo

1. Mục tiêu

Xác định được các công việc chuẩn bị viết báo cáo.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ



GV giới thiệu sơ đồ quy trình viết báo cáo và yêu cầu HV xác định các công việc chuẩn bị cho việc viết báo cáo:

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi với bạn bên cạnh và xác định.

c) Báo cáo, thảo luận: HV chia sẻ lựa chọn và cách thực hiện:

* Đề xuất hoặc lựa chọn vấn đề dựa trên gợi ý của GV:

Một số chủ đề gợi ý:

- Một số thành tựu nổi bật của 1 trong những ngành công nghiệp đã học.
- Một trung tâm công nghiệp hoặc 1 Khu công nghiệp có nhiều thành công trong quá trình hoạt động.
- Tác động của 1 hoạt động công nghiệp tới môi trường và hướng xử lý.
- Một lĩnh vực công nghiệp trong tương lai.
-

Lưu ý: GV gợi ý HV xác định đề tài đa dạng.

* Xây dựng đề cương

Gợi ý về đề cương:

- Ý nghĩa của vấn đề
 - Khả năng của vấn đề
 - Thực trạng của vấn đề
 - Định hướng
- * Thu thập và xử lý tài liệu
- Xác định nguồn thu thập

- Thu thập tài liệu theo các nội dung trong đề cương
- Xử lí và hệ thống hóa thông tin.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt các vấn đề và công việc cho HV.

Hoạt động 2.2. Viết báo cáo, Trình bày báo cáo.

1. Mục tiêu

Viết và trình bày được báo cáo về công nghiệp.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV viết báo cáo.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: HV trình bày báo cáo theo cách thức tùy chọn của GV. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV, kết luận.

Chủ đề 11. ĐỊA LÝ NGÀNH DỊCH VỤ

Bài 25. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ; các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Vận dụng tri thức địa lý để giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Năng lực năng lực giao tiếp và hợp tác, tự học và tự chủ.

3. Phẩm chất:

Chăm chỉ, trung thực trong học tập; Có ý thức trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, giữ gìn và bảo tồn các tài nguyên du lịch.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình ảnh, video về một số ngành dịch vụ (nếu có).

2. Chuẩn bị của học viên

- Thu thập các thông tin về các ngành dịch vụ theo yêu cầu của GV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

GV có thể sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học khác phù hợp với đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học nhằm đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Chủ đề này gợi ý thực hiện trong 1 tiết.

GV khuyến khích HV liên hệ thực tế để kể tên các ngành dịch vụ; phát huy vốn hiểu biết từ thực tiễn để lấy ví dụ minh họa về vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ. Đánh giá kết quả học tập của HV thông qua các sản phẩm học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV kết nối được những kiến thức, kinh nghiệm đã có về các ngành dịch vụ với chủ đề. Tạo hứng thú, kích thích tìm hiểu, khám phá chủ đề.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HV kể tên 1 nghề nghiệp không thuộc ngành công nghiệp và nông nghiệp.

b) Thực hiện nhiệm vụ: lần lượt từng HV trả lời

c) Kết nối vào bài học mới: GV liệt kê câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Gợi ý: GV có thể sử dụng một số hình ảnh/video thu thập được (nếu có) về một số ngành dịch vụ cho hoạt động mở đầu.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ.

1. Mục tiêu: Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy trình bày cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ. Lấy ví dụ minh họa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi hoặc nhóm, trao đổi, chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố dịch vụ.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. Lấy ví dụ minh họa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp, trao đổi và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố và hệ thống lại kiến thức.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV làm việc theo cặp đôi và sắp xếp các lĩnh vực hoạt động sau đây vào mỗi nhóm dịch vụ.

Thương mại	Bảo tàng	Đăng kí hộ tịch	Cấp nước sạch
Tư vấn sức khỏe	Công chứng	Cấp thẻ căn cước công dân	
Tư vấn pháp lí	Cấp giấy khai sinh	Tài chính – ngân hàng	

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi theo cặp và tìm đáp án.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HV trả lời

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV công bố đáp án.

Nhóm dịch vụ	Lĩnh vực hoạt động
Dịch vụ kinh doanh	Thương mại, Tài chính – ngân hàng
Dịch vụ tiêu dùng	Tư vấn sức khỏe, Tư vấn pháp lí, Bảo tàng, Cấp nước sạch
Dịch vụ công	Công chứng, Cấp giấy khai sinh, Cấp thẻ căn cước công dân, Đăng kí hộ tịch

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HV lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

+ Tìm hiểu về một ngành dịch vụ tại địa phương.

+ Tìm hiểu việc ứng dụng tiên bộ khoa học – công nghệ trong các ngành dịch vụ.

- HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 26. ĐỊA LÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.
- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.
- Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.
- Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải, bưu chính viễn thông tại địa phương.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian;
- Sử dụng các công cụ Địa lí học;
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất:

Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thương người lao động, tôn trọng nghề nghiệp của người khác; Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.
- Bảng ô chữ

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tranh ảnh, tư liệu về một số ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông trên thế giới và Việt Nam, tại địa phương nơi đang sống.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề này (dự kiến thời gian 2 tiết) có nhiều thông tin, GV lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với trình độ HV,

điều kiện dạy học, thực tiễn tại địa phương. Khuyến khích GV sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho HV.

Trong các hoạt động học, GV khuyến khích HV liên hệ thực tiễn để lấy ví dụ minh họa và vận dụng vốn hiểu biết từ trải nghiệm thực tế để trình bày vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối kiến thức, kinh nghiệm của bản thân với chủ đề về một số ngành công nghiệp. Tạo được hứng thú, tò mò khám phá chủ đề mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi “Ong tìm chữ”

GV cung cấp một bảng chữ cái và yêu cầu HV tìm ra được các cụm từ liên quan đến giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo: HV làm việc theo bàn, mỗi bàn là một đội, tìm chữ và liệt kê hoặc khoanh vào bảng chữ trong thời gian 3 phút. Hết thời gian, HV công bố kết quả.

c) Kết nối vào bài học mới: GV đưa ra đáp án và các đội chơi đối chiếu kết quả, GV công bố đội thắng cuộc, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

H	U	T	H	V	Ư	K	Ô	A	N	G	S	G	C	I
G	V	S	Ô	S	Â	N	B	A	Y	B	Ô	U	Ả	N
Ơ	I	O	N	U	N	Ê	Ư	N	O	I	N	T	N	T
T	T	À	U	S	I	Ê	U	T	Ó	C	N	H	G	E
J	H	I	K	Ê	N	H	Đ	À	O	Ậ	G	Ô	B	N
L	P	Ê	C	X	U	V	I	V	V	M	I	G	I	D
Â	F	O	F	Ô	N	J	Ệ	G	Ư	H	Ê	H	Ề	O
Q	T	F	R	J	T	I	N	T	K	O	P	Ư	N	K
H	À	N	G	K	H	Ô	N	G	I	A	J	T	Ô	H
A	J	Ô	N	J	H	G	I	H		N	O	À	V	Ê
Đ	I	Ệ	N	T	H	O	Ạ	I	Ô		H	U	L	I
I	H	A	O	J	U	M	O	J	M	Á	Y	B	A	Y
N	O	A	J	U	M	O	A	H	A	N	G	I	S	O
H	I	N	T	E	R	N	E	T	N	G	I	Ề	H	J
G	D	Ề	N	H	T	Ư	B	A	N	G	T	N	U	T

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy trình bày vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp, trao đổi và chuẩn bị trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày. HV khác trao đổi và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải

1. Mục tiêu:

- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, hãy nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải. Lấy ví dụ minh họa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, đọc thông tin và chuẩn bị chia sẻ.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV chia sẻ, HV khác trao đổi và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu tình hình phát triển, phân bố các ngành giao thông vận tải.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải.

- Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành giao thông vận tải.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc các thông tin, đọc bản đồ và số liệu thống kê trong SGK, hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố của các ngành giao thông vận tải theo bảng gợi ý sau:

Ngành giao thông vận tải	Tình hình phát triển	Sự phân bố
Đường ô tô		
Đường sắt		
Đường hàng không		
Đường biển		
Đường sông, hồ		

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một ngành, trao đổi và chuẩn bị trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV đại diện nhóm trình bày trước lớp. Các HV khác cùng lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu vai trò, đặc điểm, nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố bưu chính viễn thông.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành bưu chính viễn thông.
- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của bưu chính viễn thông.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc các thông tin, đọc bản đồ và số liệu thống kê trong SGK, hãy:

- + Trình bày vai trò và đặc điểm của ngành bưu chính viễn thông.
- + Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của bưu chính viễn thông.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm, trao đổi và hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu tình hình phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông.
- Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành bưu chính viễn thông.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ và yêu cầu HV làm việc theo cặp:

Dựa vào thông tin, đọc bản đồ và số liệu trong SGK, hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi, hoàn thành yêu cầu.

c) Báo cáo, thảo luận: HV đại diện trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức: GV tổng kết, chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố và hệ thống lại kiến thức.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV làm việc theo cặp:

Nêu ví dụ chứng minh nhận định: việc ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ đã làm thay đổi lớn ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi, thảo luận.

c) Báo cáo, thảo luận: HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV kết luận

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải, bưu chính viễn thông tại địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

GV khuyến khích HV lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

(1) Chia sẻ về các loại hình giao thông vận tải em đã tham gia và các dịch vụ của ngành bưu chính viễn thông em đã sử dụng tại địa phương em đang sinh sống. Các dịch vụ này đã hỗ trợ em điều gì?

(2) Thu thập thông tin về một loại hình giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính viễn thông tại địa phương em.

HV làm việc cá nhân ở nhà; chia sẻ hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 27. THƯƠNG MẠI, TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ DU LỊCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch.
- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch.

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch trên thế giới.

- Vẽ được sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch.

- Liên hệ được các hoạt động thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch tại địa phương.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian;

- Sử dụng các công cụ Địa lí học;

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất:

Yêu quê hương, đất nước thông qua các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn; Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh về ngành thương mại, tài chính, du lịch.

2. Chuẩn bị của học viên

Sưu tầm thông tin về ngành du lịch để chuẩn bị cho bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề này có nhiều thông tin, GV lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với trình độ HV, điều kiện dạy học, thực tiễn tại địa phương. Chủ đề này gợi ý tổ chức trong khoảng 2 tiết.

Trong các hoạt động học, GV khuyến khích HV liên hệ thực tiễn để lấy ví dụ minh họa và vận dụng vốn hiểu biết từ trải nghiệm thực tế để trình bày vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng ngành du lịch.

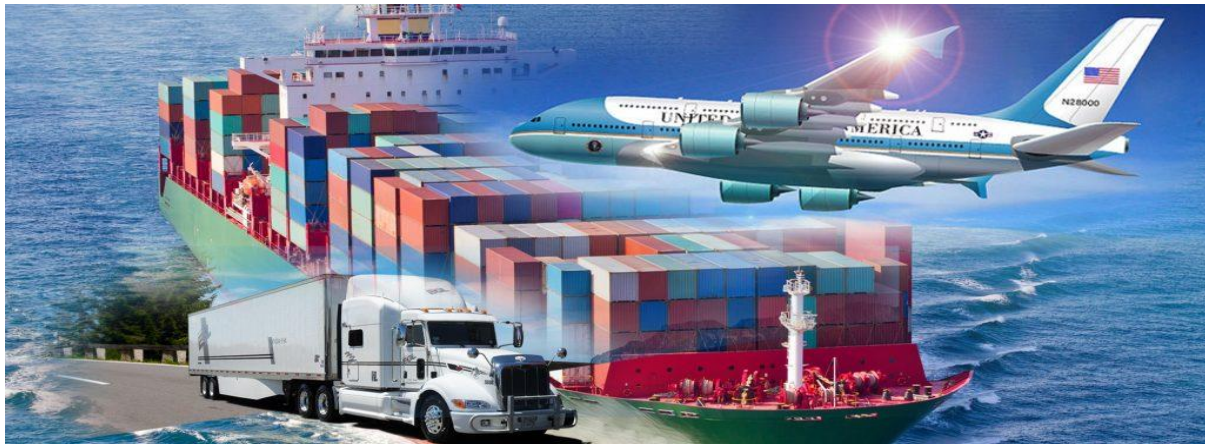
IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối kiến thức, kinh nghiệm của bản thân với chủ đề du lịch. Tạo được hứng thú, tò mò khám phá chủ đề mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu một số hình ảnh về nghề thuộc nhóm ngành thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch và yêu cầu HV trả lời câu hỏi: Đây là nghề gì? Những nghề này thuộc nhóm ngành dịch vụ nào?



b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo: HV thực hiện nhiệm vụ.

c) Kết nối vào bài học mới: GV nhận xét, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu ngành thương mại

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại.
- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của thương mại.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành thương mại.
- Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành thương mại.
- Liên hệ được các hoạt động thương mại tại địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức HV hoạt động nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép và phân công nhiệm vụ:

Dựa vào thông tin trong SGK, bản đồ, bảng số liệu (nếu có) và hiểu biết của bản thân, em hãy trình bày vai trò, đặc điểm, nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển và phân bố ngành thương mại theo gợi ý sau:

Nhóm số lẻ: tìm hiểu vai trò, đặc điểm ngành thương mại.

Nhóm số chẵn: tìm hiểu nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển và phân bố ngành thương mại. Liên hệ thực tế tại địa phương.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi, thảo luận trong nhóm và chuẩn bị báo cáo (có thể sử dụng kỹ thuật mảnh ghép).

c) Báo cáo, thảo luận: HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét và kết luận.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vai trò, đặc điểm của tài chính ngân hàng

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò và đặc điểm của tài chính ngân hàng.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV hoạt động theo kỹ thuật “THINK, PAIR, SHARE” và yêu cầu HV:

Dựa vào thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy: trình bày vai trò và đặc điểm của ngành thương mại. Lấy ví dụ minh họa.

b) Thực hiện nhiệm vụ: cá nhân HV suy nghĩ và tìm câu trả lời. Sau đó tìm bạn tạo thành cặp và trao đổi trong cặp (mỗi HV nêu 1 ý kiến về đặc điểm và 1 ý kiến về nhân tố ảnh hưởng).

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV chia sẻ trước lớp. HV khác trao đổi, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV tổng hợp các ý kiến, nhận xét và kết luận.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển và phân bố ngành tài chính ngân hàng.

1. Mục tiêu:

- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành tài chính ngân hàng.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành tài chính ngân hàng trên thế giới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV: Dựa vào các thông tin trong SGK và kinh nghiệm của bản thân, hãy:

- Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành tài chính ngân hàng.
- Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành tài chính ngân hàng trên thế giới. Lấy ví dụ thực tế tại địa phương.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi hoặc nhóm, trao đổi và chuẩn bị báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: đại diện HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức và nhận xét hoạt động của HV.

Hoạt động 2.4. Khám phá vai trò ngành du lịch

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò ngành du lịch.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết thực tiễn, hãy trình bày vai trò của ngành du lịch. Lấy ví dụ chứng minh.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, chuẩn bị thông tin để trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV trình bày, HV khác nhận xét và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu đặc điểm và nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành du lịch.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm của ngành du lịch.
- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của du lịch.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin và bản đồ, số liệu (nếu có) trong SGK, hãy:

+ Trình bày đặc điểm của ngành du lịch.

+ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của du lịch. Liên hệ thực tế tại địa phương.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm, trao đổi và chuẩn bị báo cáo. GV quan sát và hỗ trợ HV hoạt động, gợi ý cách đọc bản đồ.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV đại diện trình bày. HV khác nhận xét và bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: Ban giám khảo công bố đội chiến thắng. GV tổng kết, chốt kiến thức.

Hoạt động 2.6. Tìm hiểu tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch.
- Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành du lịch.
- Liên hệ được các hoạt động du lịch tại địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV làm việc theo cặp, sử dụng kỹ thuật “Đàm thoại – gợi mở” và yêu cầu HV:

Dựa vào thông tin trong SGK, đọc và phân tích bản đồ, số liệu (nếu có trong SGK), hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch. Liên hệ thực tế tại địa phương.

b) Thực hiện nhiệm vụ: các cặp trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 số HV trả lời câu hỏi, các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Củng cố và hệ thống lại kiến thức.
- Đọc và phân tích được bản đồ.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV:

b) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV làm việc theo cặp thực hiện 2 nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Liệt kê các sàn thương mại điện tử nổi tiếng trên thế giới và Việt Nam; những dịch vụ ngân hàng trực tuyến.

Nhiệm vụ 2: Đọc bản đồ về thương mại, du lịch (trong SGK), cho biết:

+ Tên một số tổ chức kinh tế khu vực lớn trên thế giới và một số quốc gia có hoạt động xuất, nhập khẩu hàng đầu trên thế giới.

+ Các quốc gia có doanh thu du lịch lớn.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi, thảo luận.

c) Báo cáo, thảo luận: HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế. Vận dụng tri thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khai thác internet phục vụ môn học.

2. Tổ chức thực hiện:

GV khuyến khích HV lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

(1) Tìm hiểu về các tổ chức kinh tế khu vực mà Việt Nam tham gia.

(2) Tìm hiểu một địa điểm du lịch nổi tiếng mà em thích.

HV làm việc cá nhân ở nhà; chia sẻ hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Bài 28. THỰC HÀNH

VẼ BIỂU ĐỒ. VIẾT BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ MỘT NGÀNH DỊCH VỤ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Vẽ biểu đồ
- Viết báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học;
- Khai thác internet phục vụ môn học;
- Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất: Góp phần hình thành phẩm chất:

Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Quy trình viết báo cáo.
- Một số trang Web tham khảo thông tin về dịch vụ.

2. Chuẩn bị của học viên

- Tư liệu sưu tầm về dịch vụ theo gợi ý của GV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Về bài tập vẽ biểu đồ, GV có thể sử dụng các bảng số liệu có thông tin khác nhau liên quan đến các ngành dịch vụ để làm ngữ liệu, tổ chức hoạt động cho HV.

GV khuyến khích HV lựa chọn ngành dịch vụ để viết báo phù hợp với bản thân. Có thể đa dạng các ngành dịch vụ và HV làm việc theo nhóm. GV có thể tổ chức theo phương pháp dự án học tập, giao nhiệm vụ cho HV chuẩn bị trước, sau đó tổ chức cho HV báo cáo.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia HV làm 2 dãy, tổ chức trò chơi “Tiếp sức”

+ Trong thời gian là 3 phút, địa điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam và thế giới. Mỗi sản phẩm chỉ được viết 1 lần.

+ Đội nào viết được nhiều hơn sẽ chiến thắng.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HV thực hiện trò chơi. Tên các địa điểm du lịch được viết lên bảng.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sẽ tổng kết trò chơi, dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Vẽ và nhận xét biểu đồ về dịch vụ

1. Mục tiêu

Vẽ và nhận xét được biểu đồ về tình hình phát triển của ngành dịch vụ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho bảng số liệu và yêu cầu HV vẽ biểu đồ
- HV căn cứ vào yêu cầu và thông tin trong bảng để xác định:
 - + Dạng biểu đồ cần vẽ
 - + Xử lý số liệu (nếu cần)
 - + Vẽ biểu đồ
 - + Hoàn thiện biểu đồ (tên, chú giải,...)
 - + Nhận xét biểu đồ.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thực hành vẽ biểu đồ.

c) Báo cáo, thảo luận: Báo cáo sản phẩm, HV khác góp ý, nhận xét

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Viết báo cáo

1. Mục tiêu

Viết và trình bày được báo cáo về một ngành dịch vụ

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV công việc chuẩn bị cho việc viết báo cáo, tiến hành viết (tiến hành từ trước) và trình bày báo cáo.

* Đề xuất hoặc lựa chọn vấn đề dựa trên gợi ý của GV:

Gợi ý: Các ngành dịch vụ đã học: GTVT, du lịch, thương mại, tài chính ngân hàng. Hoặc các ngành dịch vụ khác.

* Xây dựng đề cương

Gợi ý về đề cương:

- Ý nghĩa của vấn đề

- Khả năng của vấn đề
- Thực trạng của vấn đề
- Định hướng

* Thu thập và xử lí tài liệu

- Xác định nguồn thu thập
- Thu thập tài liệu theo các nội dung trong đề cương
- Xử lí và hệ thống hóa thông tin.

* Viết báo cáo

* Trình bày báo cáo

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 số HV đọc báo cáo tại lớp để cùng thảo luận, nhận xét.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động của HV. Các bài khác, GV thu về chấm.

Chủ đề 12: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH

Bài 29. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững
- Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh
- Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

3. Phẩm chất

- Rèn luyện đức tính chăm chỉ, trung thực trong học tập
- Có trách nhiệm đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên
- Bồi dưỡng lòng say mê nghiên cứu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, video về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.
- Bảng số liệu và thông tin liên quan đến tăng trưởng xanh

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm một số thông tin, hình ảnh về mô hình phát triển bền vững và tăng trưởng xanh ở địa phương

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HV trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững; khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh; liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và

kĩ thuật dạy học nhằm đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Qua đó, phát triển cho HV các năng lực và phẩm chất theo yêu cầu của chương trình GDTX cấp THPT.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm của HV về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững ở cấp học dưới với bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích trí tò mò của HV.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi “**Tiếp sức**”. GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 nội dung theo yêu cầu của GV.

+ *Nhóm 1:* Nêu các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (không trùng lặp) với câu dẫn: MT thế giới đang ô nhiễm nghiêm trọng vì....

+ *Nhóm 2:* Nêu các giải pháp bảo vệ MT (không trùng lặp) với câu dẫn: Để bảo vệ môi trường, chúng ta cần....

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

+ 2 nhóm lần lượt cử người lên bảng, liệt kê các nguyên nhân (nhóm1) và giải pháp (nhóm 2) trong thời gian 3-5 phút. Kết thúc thời gian, nhóm nào liệt kê được nhiều nguyên nhân/giải pháp đúng là nhóm chiến thắng.

+ Cả lớp cùng GV cùng cả lớp đánh giá sản phẩm của từng nhóm

c) Kết nối vào bài học mới: Giáo viên nhận xét, đánh giá sản phẩm của 2 nhóm, nêu kết luận chung và dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về phát triển bền vững

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm phát triển bền vững và sự cần thiết phải phát triển bền vững.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HV nghiên cứu nội dung mục 1 SGK, trao đổi với bạn bên cạnh (sử dụng kĩ thuật **THINK, PAIR, SHARE**) làm rõ các nội dung sau:

+ *Thế nào là PTBV?*

+ *Tại sao hiện nay cần PTBV ở tất cả các quốc gia?*

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV trao đổi, thảo luận và trả lời các câu hỏi. Câu trả lời của HV có thể ghi vào vở hoặc ghi ra giấy/ bảng phụ/ máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 số HV trả lời, HV khác nghe, nhận xét và bổ sung.

d) Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức
- GV đánh giá, nhận xét hoạt động học

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về tăng trưởng xanh

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh.
- Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh ở địa phương.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm cùng thực hiện nhiệm vụ: Trình bày khái niệm và biểu hiện của TTX.

+ GV cung cấp thêm các bảng số liệu kèm câu hỏi: BSL đó dùng minh họa cho biểu hiện nào của TTX.

Bảng 1: Lượng phát thải khí CO trong các loại hình sản xuất điện năng.

Loại hình năng lượng	Gió	Sinh khối	Mặt trời	Địa nhiệt	Khí TN	Than (các loại)
Gram CO2/ kwh điện	12	18	22	45	469	838 - 1060

Bảng 2: Một số thay đổi trong sử dụng năng lượng

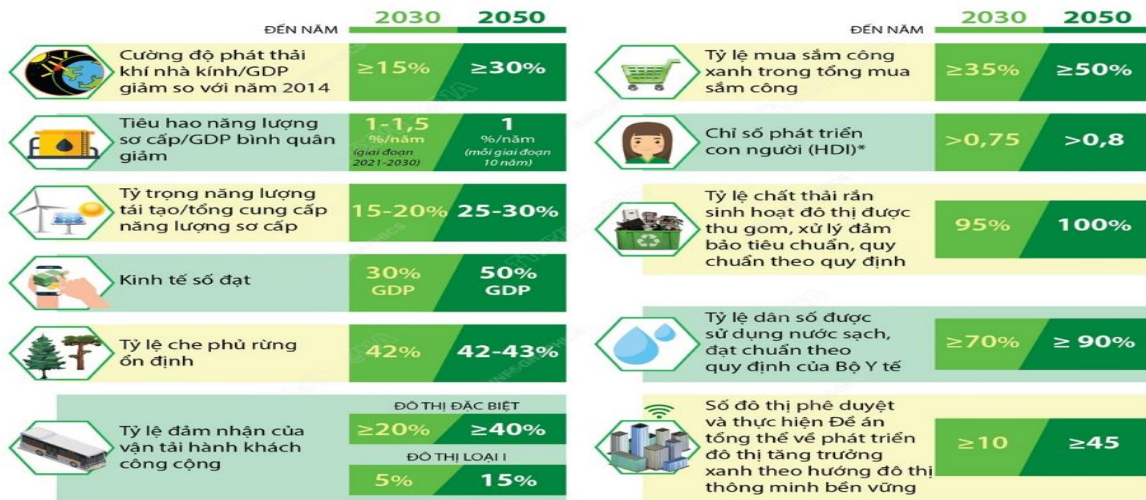
	Năm 1978	2018-2019
Mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình của xe ô tô.	16,4 lít/100km.	4,2-9,4l/ 100km
Hiệu quả luân chuyển khách của ngành hàng không.	2.6 Hk.Km/kg CO2	8.2 Hk.kmkg/kg CO2
Hiệu suất phát quang ở bóng đèn	Đèn sợi đốt: 13lm/W	Đèn led: 110 – 130lm?W

LINK: Tăng trưởng xanh – Chiến lược cho phát triển bền vững.

<https://youtu.be/Lvl8P6qRSbQ>



CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2050



* Là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện thu nhập (thể hiện qua tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người), tri thức (thể hiện qua chỉ số học vấn) và sức khỏe (thể hiện qua tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh)

Nguồn: Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ

infographics.vn



b) Thực hiện nhiệm vụ:

- + HV làm việc theo nhóm
- + Các nhóm trao đổi, thảo luận, và trình bày ý tưởng ra giấy A0.
- + Các nhóm có thể lựa chọn cách trình bày khác nhau, có thể dùng sơ đồ, hình ảnh, ...
- + GV hỗ trợ các nhóm (nếu cần)

c) **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm cùng treo sản phẩm; GV gọi ngẫu nhiên HV trình bày. Các HV khác nghe và bổ sung cho báo cáo.

d) Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, tổng kết và chốt kiến thức
- GV đánh giá, nhận xét hoạt động học

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- củng cố kiến thức đã học; rèn luyện kỹ năng

2. Tổ chức thực hiện

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV đọc lại toàn bộ thông tin trong bài, nêu rõ mối quan hệ giữa phát triển bền vững và tăng trưởng xanh qua ví dụ cụ thể.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV làm việc cá nhân.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV kết luận, chốt kiến thức. Có thể tóm tắt lại nội dung bài học bằng 1 sơ đồ.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV tìm hiểu Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Liên hệ với thực tế địa phương.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10

Chuyên đề 10.1. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thời gian thực hiện: 10 tiết

Loại hình tổ chức: Dự án học tập

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm, các biểu hiện và nguyên nhân của biến đổi khí hậu.
- Nêu được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu.
- Nêu được sự cần thiết phải ứng phó với biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hệ thống hoá được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện các dự án học tập, các hoạt động nhóm.

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng các công cụ của địa lí học: sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh...

- Tổ chức học tập ngoài thực địa.

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.

- Yêu nước, trách nhiệm: Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ bầu khí quyển, ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình trong sách phóng to, hình ảnh tư liệu.
- Video tư liệu về khí quyển, sự phân bố nhiệt độ.

2. Chuẩn bị của học viên

- Tranh ảnh tuyên truyền về “Biến đổi khí hậu”.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chuyên đề học tập "Biến đổi khí hậu" có thời lượng là 15 tiết, một số nội dung của chủ đề này đã được học ở lớp 6 và ở phần nội dung cốt lõi của lớp 10. Biến đổi khí hậu có biểu hiện khá rõ ở một số địa phương, học viên có thể đã được chứng kiến hoặc trải nghiệm. Vì vậy, khi dạy chuyên đề này, GV không nên tổ chức dạy học theo cách thông thường mà nên thiết kế

thành các dự án học tập để học viên có cơ hội nghiên cứu, khám phá, sử dụng kiến thức và năng lực cá nhân trong việc hình thành kiến thức mới.

Khi thực hiện dự án, việc giao nhiệm vụ học tập cụ thể và những hướng dẫn chi tiết của giáo viên rất quan trọng, sẽ giúp cho sản phẩm của học viên đa dạng và đúng hướng. Ngoài ra, giáo viên cần có những gợi ý về nguồn tư liệu và cách trình bày sản phẩm riêng cho mỗi nhóm học viên để đảm bảo phát huy tốt nhất năng lực sở trường của mỗi học viên. Cần tạo điều kiện để các nhóm đều được báo cáo sản phẩm, được chia sẻ về nội dung, phương pháp thực hiện và những bài học rút ra sau khi thực hiện dự án, vì qua đó, góp phần hình thành và phát triển cho học viên các năng lực chung và năng lực đặc thù.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Tiết 1: GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ THÀNH LẬP NHÓM

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: HV thu thập, hệ thống hóa các thông tin về biến đổi khí hậu từ các website. Phân tích được tình huống có vấn đề trong học tập về biến đổi khí hậu.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HV xem video về biến đổi khí hậu và nêu câu hỏi. *Trình bày hiểu biết của em về biến đổi khí hậu.*

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV xem video, ghi lại những thông tin chính, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 05 phút.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu và đang được cả nhân loại quan tâm. Vậy biến đổi khí hậu là gì? Biến đổi khí hậu có các biểu hiện và nguyên nhân chủ yếu nào? Biến đổi khí hậu có những tác động như thế nào đến môi trường tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, các ngành sản xuất và đời sống con người? Việc ứng phó với biến đổi khí hậu có tầm quan trọng như thế nào và bao gồm những nhóm giải pháp chủ yếu nào?

Hoạt động 2: THÀNH LẬP NHÓM VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- **Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm theo năng lực và sở thích của từng HV.
- Phát phiếu khảo sát sở thích cho HV
- HV điền phiếu khảo sát (Gồm 4 nhóm: nhóm họa sĩ, nhóm biên kịch, nhóm tuyên truyền viên, nhóm chuyên gia).
- Điều chỉnh các đối tượng khác nhau dựa trên tiêu chí: Khả năng nhận thức, năng lực sử dụng CNTT, thẩm mỹ, sáng tạo của HV.
- Công bố kết quả sắp xếp nhóm theo sở thích. Các nhóm bàn bạc bầu nhóm trưởng, thư kí.

- **Bước 2:** Giao nhiệm vụ cho từng nhóm: Dựa vào nội dung sách chuyên đề và thông tin từ Internet để thực hiện các nhiệm vụ:

- + Nhóm 1 (Hoạ sĩ): Khái niệm và biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- + Nhóm 2 (Biên kịch): Nguyên nhân gây biến đổi khí hậu.
- + Nhóm 3 (Tuyên truyền viên): Tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu.
- + Nhóm 4 (Chuyên gia): Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC NHÓM

Nhóm	Nhiệm vụ	Dự kiến sản phẩm
Nhóm 1: HOẠ SĨ	Vẽ tranh/ Pano/Poster/ báo tường thể hiện được khái niệm và biểu hiện của Biến đổi khí hậu	- Tranh vẽ, báo tường
Nhóm 2: BIÊN KỊCH	Thiết kế được các video, hình ảnh về nguyên nhân gây biến đổi khí hậu	- Phim hoạt hình ngắn. - Video giới thiệu
Nhóm 3: TUYÊN TRUYỀN VIÊN	- Thiết kế 1 bài tuyên truyền về tác động và hậu quả của Biến đổi khí hậu	- Poster. - Infographic. - Biên tập sách thông minh (sử dụng công nghệ thực tế ảo HP Reveal, mã Code, ..) - Sách ảnh. - Lịch để bàn. - Sổ tay.
Nhóm 4: CHUYÊN GIA	- Tổ chức 1 chương trình trực tiếp các giải pháp thích ứng/ứng phó với biến đổi khí hậu Có chuyên gia tư vấn, đại diện người dân, người dẫn chương trình...	- Câu hỏi, câu trả lời về vấn đề các giải pháp thích ứng/ ứng phó với biến đổi khí hậu. - Thông điệp thích ứng/ ứng phó với biến đổi khí hậu.

- **Bước 3:** GV trao đổi cụ thể nội dung, cách làm, sản phẩm cho từng nhóm, gợi ý cho HV nguồn tài liệu tham khảo và thời hạn hoàn thành sản phẩm.

- **Bước 4:** Thảo luận nội dung dự án và rubic đánh giá.

RUBIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỰ ÁN

STT	Tiêu chí	Yếu (1 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Khá (3 điểm)	Tốt (4 điểm)
1	Nội dung	Không đúng yêu cầu. Nội dung không phù hợp.	Đúng yêu cầu nhưng dàn trải, thiếu trọng tâm, đơn điệu.	Đúng trọng tâm, thú vị, có tính thời sự.	Đúng trọng tâm, có tính thực tiễn cao, thuyết phục.

2	Sản phẩm	Không có hoặc sản phẩm chất lượng kém, không đúng nội dung.	Có sản phẩm đúng yêu cầu.	Sản phẩm đúng nội dung, bố cục chặt chẽ.	Sản phẩm chất lượng cả về nội dung, bố cục, màu sắc,
3	Thu thập – xử lý thông tin	Có số liệu nhưng số liệu cũ, chưa hiệu quả	Số liệu thông tin có cập nhật nhưng chưa hiệu quả.	Số liệu thông tin có cập nhật, sử dụng tương đối hiệu quả.	Số liệu thông tin cập nhật, đa dạng có chọn lọc, sử dụng hiệu quả.
4	Thuyết trình	Ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, phụ thuộc vào công cụ. Không tương tác khi thuyết trình	Ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, ít phụ thuộc vào công cụ. Có tương tác nhưng rất ít và chưa hiệu quả.	Ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, logic, thu hút, không phụ thuộc vào công cụ. Tương tác hiệu quả với người nghe.	Ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, logic, thu hút, sử dụng hiệu quả các công cụ. Tương tác tích cực, hiệu quả với người nghe.
5	Hoạt động nhóm	Rời rạc. Không có sản phẩm hoặc nộp sản phẩm muộn.	Có sự hợp tác nhưng chưa hiệu quả, 1-2 thành viên không tham gia hoạt động nhóm.	Hợp tác hiệu quả, tất cả các thành viên tham gia và hoàn thành nhiệm vụ.	Hợp tác hiệu quả, tất cả các thành viên tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- **Bước 5:** Các nhóm trình bày kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ.

*** Tiết 2,3,4: THỰC HIỆN SẢN PHẨM**

- Trong khi thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hướng dẫn, giải đáp kịp thời.

- Kết thúc mỗi tiết các nhóm báo cáo tiến độ.

- Kết thúc tiết 4: Dặn dò

+ Hoàn thành sản phẩm dự án.

+ Thời hạn nộp bài: Nộp tại:

+ Chuẩn bị cho tiết báo cáo sản phẩm dự án.

+ Sau khi báo cáo: Đánh giá chéo các nhóm (theo Rubric)

*** Tiết 5,6,7,8: BÁO CÁO SẢN PHẨM**

- **Bước 1:** Chuẩn bị: Thiết kế lớp học dưới dạng phòng tranh/ sân khấu

- **Bước 2:** Các nhóm báo cáo:

+ Mỗi nhóm có 30 phút báo cáo và thảo luận (Q&A).

+ Sau khi báo cáo xong cần đánh giá chéo các nhóm theo Rubric (điểm đánh giá của nhóm chiếm 20% - điểm đánh giá của GV chiếm 70%).

+ Các HV còn lại: Ghi chép những nội dung đã theo dõi (phiếu ghi bài) - điểm đánh giá của GV chiếm 10%.

*** Tiết 9,10: TỔNG KẾT DỰ ÁN. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

GV nhận xét sản phẩm và quá trình thực hiện dự án. Đánh giá cho điểm từng nhóm, từng học sinh.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

2. Tổ chức thực hiện: Có thể lựa chọn 1 trong 2 cách sau:

Cách 1: Sử dụng chơi trò chơi Bingo.

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV trình chiếu bảng bingo và câu hỏi, yêu cầu HV trả lời.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thảo luận và tìm đáp án.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá kết quả của HV, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Cách 2: Lập bảng hệ thống kiến thức:

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV SGK, Internet và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi: Theo em, các hoạt động có thể làm gia tăng phát thải khí nhà kính ở địa phương?

hoàn thành bảng theo mẫu sau:

STT	Các hoạt động chính	Các khí nhà kính
1	?	?
2	?	?
...		

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thảo luận và tìm đáp án.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá kết quả của HV, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Các hoạt động có thể làm gia tăng phát thải khí nhà kính ở địa phương

STT	Các hoạt động chính	Các khí nhà kính
1	Đốt rừng, cháy rừng.	Cac-bon đi-ô-xit (CO ₂).
2	Làm nông nghiệp, sự phân hủy của rác thải nông nghiệp,...	Mê-tan (CH ₄).
3	Sử dụng phân bón, hóa chất trong nông nghiệp.	Ni-to ô-xit (N ₂ O).

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu mỗi cá nhân HV sẽ thực hiện khảo sát thực tế, thu thập các thông tin, hình ảnh liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu tại địa phương. Đề xuất các giải pháp khắc phục.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV tìm hiểu thực tế địa phương để hoàn thành nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: Các vấn đề HV thu thập được sẽ được thực hiện trong các tiết học có nội dung liên quan.

Chuyên đề 10.2. ĐÔ THỊ HÓA

Thời gian thực hiện: 15 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm về đô thị hoá theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng;
- Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị;
- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước phát triển và xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển;
- Phân biệt được quy mô của các đô thị;
- Nhận xét được xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển;
- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước đang phát triển và xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển;
- Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển;
- Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển;
- Liên hệ được với thực tế Việt Nam;
- Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước;
- Xác định được trên bản đồ, lược đồ thế giới một số siêu đô thị.

2. Năng lực: Góp phần hình thành năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học; Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ tỉ lệ dân thành thị các nước trên thế giới; bản đồ một số siêu đô thị trên thế giới;
- Bảng số liệu về đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam;

- Hình ảnh, video về đô thị trên thế giới và Việt Nam;
- Danh sách một số trang web có liên quan đến chuyên đề;
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HV

- Sản phẩm của hoạt động nhóm;
- Hình ảnh, video, các thông tin về đô thị trên thế giới và Việt Nam.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1, 2, 3

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

HV kết nối được kiến thức, kinh nghiệm đã có về các đô thị và đô thị hóa với nội dung chuyên đề; hứng thú, tò mò và tạo tâm thế vào chuyên đề mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV: Dựa vào các kiến thức đã học, hãy chia sẻ những hiểu biết của bản thân về chủ đề đô thị hóa.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc cá nhân và chuẩn bị thông tin để chia sẻ.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi một số HV lần lượt chia sẻ trước lớp.

d) *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét và dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm đô thị hóa

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về đô thị hoá theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng;
- Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.

2. Tổ chức thực hiện

Hoạt động 2.1.1. Tìm hiểu khái niệm đô thị hóa

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV sử dụng phương pháp Think – Pair – Share, yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân hãy trình bày khái niệm về đô thị hoá theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV suy nghĩ độc lập → tìm bạn ghép cặp và trao đổi, chia sẻ với bạn và chuẩn bị chia sẻ trước lớp. GV có thể hỗ trợ HV thông qua những câu hỏi gợi mở như:

- + Đô thị hóa là gì?
- + Đô thị hóa có những đặc điểm gì?

+ Ý nghĩa của đô thị hóa là gì?

c) Báo cáo, thảo luận: một số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và kết luận.

Hoạt động 2.1.2. Tìm hiểu ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Đọc thông tin và bản đồ, bảng số liệu (nếu có) trong SGK, hãy:

+ Nêu khái niệm tỉ lệ dân thành thị.

+ Công thức tính.

+ Nhận xét sự phân hóa về tỉ lệ dân thành thị của các nước trên thế giới.

+ Nêu ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân và chuẩn bị thông tin để chia sẻ trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời một số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và kết luận.

Tiết 4, 5, 6, 7, 8, 9

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước phát triển và đang phát triển

(Gợi ý thời gian cho GV:

+ 1 tiết: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm, hướng dẫn thực hiện dự án, HV phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thống nhất cách thực hiện;

+ 2 tiết: HV rà soát, tổng hợp, hoàn thành sản phẩm của dự án;

+ 3 tiết: HV báo cáo, đánh giá; GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

1. Mục tiêu

– Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước phát triển và xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển;

– Phân biệt được quy mô của các đô thị;

– Nhận xét được xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển;

– Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước đang phát triển và xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển;

– Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, phương pháp dự án và giao nhiệm vụ ở tiết học trước:

+ Nhóm số lẻ: Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước phát triển (hoàn thành phiếu học tập 1).

PHIẾU HỌC TẬP 2

Đọc SGK, bảng số liệu, biểu đồ và bản đồ một số siêu đô thị trên thế giới, năm 2020, em hãy:

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước phát triển
- Phân biệt quy mô đô thị ở các nước phát triển;
- Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số của các siêu đô thị ở các nước phát triển trong giai đoạn 1950 – 2020.
- Trình bày xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển.

+ Nhóm số chẵn: Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước đang phát triển (hoàn thành phiếu học tập số 2).

PHIẾU HỌC TẬP 2

Đọc SGK, bảng số liệu, biểu đồ và bản đồ một số siêu đô thị trên thế giới, năm 2020, em hãy:

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở các nước đang phát triển
- Xác định một số siêu đô thị của các nước đang phát triển
- Nhận xét và giải thích xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển.

Hình thức sản phẩm đa dạng, sáng tạo: bài thuyết trình bằng powerpoint, sơ đồ tư duy,.....

b) Thực hiện nhiệm vụ:

+ HV thuộc các nhóm phân công nhiệm vụ cho các thành viên, trao đổi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.

+ GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và kết luận.

Tiết 10

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu tác động của đô thị hóa ở các nước đang phát triển

1. Mục tiêu

– Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển;

– Liên hệ được với thực tế Việt Nam.

2. Tổ chức thực hiện:

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ với thực tế Việt Nam

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV làm việc theo nhóm hoặc cặp đôi, trao đổi và thống nhất các thông tin, chuẩn bị báo cáo. GV quan sát HV làm việc và hỗ trợ HV.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV mời một số HV đại diện nhóm trình bày. HV khác nhận xét, góp ý

d) **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và kết luận.

Tiết 11, 12

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ.

2. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 3.1. So sánh đặc điểm đô thị hóa giữa các nước phát triển và đang phát triển

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho các cặp đôi: Lập bảng so sánh đặc điểm đô thị hóa giữa các nước phát triển và đang phát triển.

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV thảo luận theo cặp và hoàn thành bảng.

c) **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HV, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Hoạt động 3.2. Vẽ biểu đồ

a) **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HV: Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới, giai đoạn 1950 – 2020. Nêu nhận xét.

Bảng số liệu: Số dân thành thị và nông thôn của thế giới, giai đoạn 1950 – 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1950	1980	2000	2020
Số dân thành thị	750,9	1 754,2	2 868,3	4 379,0
Số dân nông thôn	1 785,5	2 703,8	3 275,2	3 416,0
Tổng số dân	2 536,4	4 458,0	6 143,5	7 795,0

b) **Thực hiện nhiệm vụ:** HV làm việc cá nhân, xác định biểu đồ thích hợp, xử lý số liệu, vẽ biểu đồ và nhận xét. GV mời một số HV lên bảng hoàn thành. HV khác hoàn thành vào vở.

c) **Báo cáo, thảo luận:** một số HV chia sẻ kết quả. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HV, chốt kiến thức.

+ Xử lí số liệu: Sau khi tính toán ta có bảng số liệu sau:

Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của TG thời kì 1950 – 2020.

(Đơn vị: %)

Năm	1950	1980	2000	2020
Số dân thành thị	29,6	39,3	46,7	56,1
Số dân nông thôn	71,4	61,7	53,3	43,9

+ Vẽ biểu đồ miền đảm bảo thẩm mỹ, chính xác, có đủ tên, số liệu, kí hiệu, chú giải.

Tiết 13, 14, 15

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Liên hệ vấn đề đô thị hóa trên thế giới hoặc Việt Nam.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà hoàn thành:

1. Suu tầm thông tin tìm hiểu về một siêu đô thị trên thế giới.

2. Tìm hiểu và đề xuất một số biện pháp để khắc phục một trong những vấn đề nan giải ở các đô thị lớn của nước ta hiện nay (gợi ý vấn đề: ùn tắc giao thông, tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, di cư tự do vào đô thị, ô nhiễm môi trường đô thị,...).

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo nhóm: trao đổi, phân công và hoàn thành nhiệm vụ. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý một số trang web tin cậy để HV khai thác.

c) Báo cáo, thảo luận: Triển lãm hoặc chia sẻ sản phẩm

d) Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HV, chốt kiến thức.

1. Suu tầm thông tin tìm hiểu về một siêu đô thị trên thế giới.

Nguồn: <https://dantri.com.vn/the-gioi/10-sieu-do-thi-lon-nhat-the-gioi-1284625392.htm>

Thế giới hiện có khoảng 20 siêu đô thị – những thành phố có dân số vượt mức 10 triệu người. Nhưng dự đoán đến năm 2025, danh sách các siêu đô thị sẽ tăng lên con số trên 30.

Trong số các siêu đô thị, thủ đô Dhaka của Bangladesh được xem là siêu đô thị phát triển nhanh nhất thế giới. Dân số tại Dhaka đang gia tăng chóng mặt vài thập niên trở lại đây. Theo các số liệu của Liên Hợp Quốc, vào năm 1985, thành phố này chỉ có chưa đầy 5 triệu người. Nhưng đến năm 2009, dân số Dhaka đã tăng lên 15 triệu người.

Đến năm 2025, dân số thủ đô của Bangladesh dự đoán sẽ vượt ngưỡng 20 triệu người.

Nhưng Dhaka không phải là thành phố duy nhất trong xu thế phát triển này. Một bài viết về các siêu đô thị trên tờ *Christian Science Monitor* hồi tháng 5 vừa rồi dự báo rằng đến năm 2050, cứ 7 trong số 10 người sẽ sống tại các siêu đô thị.

Việc sống tập trung mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng tạo ra những thách thức lớn trong lịch sử nhân loại. Hạn chế của đô thị hoá nhanh là hiển nhiên: dân số quá đông, ô nhiễm, nghèo đói, không đáp ứng đủ nhu cầu về năng lượng và nước sạch.

Nhưng đô thị hoá nhanh cũng có những mặt tích cực: các tiện ích của cuộc sống đô thị, việc dễ dàng tiếp cận hệ thống chăm sóc sức khoẻ và việc làm. Các chuyên gia môi trường cho rằng các mặt tích cực đó – cùng với tỷ lệ sinh tại các thành phố giảm – có thể giúp cứu Trái đất, nếu đô thị hoá được quản lý tốt.

2. Tìm hiểu và đề xuất một số biện pháp để khắc phục một trong những vấn đề nan giải ở các đô thị lớn của nước ta hiện nay (gợi ý vấn đề: ùn tắc giao thông, tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, di cư tự do vào đô thị, ô nhiễm môi trường đô thị,...).

HV tìm kiếm thông tin qua sách, báo và các nguồn internet đáng tin cậy.

– Ùn tắc giao thông ở Hà Nội, nguyên nhân và giải pháp: <https://laodong.vn/xa-hoi/un-tac-giao-thong-nghiem-trong-o-hn-phai-tim-nguyen-nhan-moi-co-giai-phap-908162.lido>

– Di cư, dân số ở Việt Nam: <https://vietnam.unfpa.org/vi/publications>

– Ô nhiễm đô thị ở Việt Nam: <http://tainguyenmoitruong.com.vn/o-nhiem-moi-truong-thi/>

Chuyên đề 10.3. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÁO CÁO ĐỊA LÍ

Thời gian thực hiện: 10 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí.
- Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí.
- Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo.
 - + Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí.
 - + Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục.
 - + Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin.
 - + Xác định được các hình thức trình bày báo cáo.
- Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.

2. Năng lực: Góp phần hình thành năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Sử dụng các công cụ địa lí học: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, số liệu, tranh ảnh, Internet... phù hợp với nội dung để viết báo cáo địa lí.
- Cập nhật thông tin và hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong báo cáo địa lí.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên chuẩn bị:

- Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

2. Học viên chuẩn bị:

- Các ý tưởng/ chủ đề có nội dung địa lí.
- Các tư liệu phục vụ viết báo cáo theo chủ đề đã lựa chọn.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chuyên đề học tập "Phương pháp viết báo cáo Địa lí" có thời lượng là 10 tiết. "Viết báo cáo" là một trong những kỹ năng quan trọng trong học tập địa lí. Để có được kỹ năng này học viên phải có một quá trình rèn luyện từ những bậc học trước. Vì vậy, khi dạy chuyên đề này, GV không cần quá nhiều thời gian để dạy về kiến thức lý thuyết mà nên gợi mở, kết nối các kỹ năng vốn có của học viên; đặc biệt, cần tập trung vào hoạt động thực hành, như: hướng dẫn cho học viên cách lựa chọn ý tưởng/ chủ đề để viết báo cáo; định hướng về cấu trúc, phương pháp thu thập tư liệu; văn phong khoa học được sử dụng trong báo cáo.

Các hoạt động dạy học ở phần đầu nên thiết kế bằng các hoạt động nhóm để học viên cùng trao đổi, thảo luận, thống nhất về cấu trúc, quy trình viết báo cáo địa lí và chia sẻ về các ý tưởng/ chủ đề viết báo cáo. Sau đó, nên thiết kế hoạt động thực hành cá nhân để học viên có cơ hội sử dụng kiến thức, kỹ năng của mình thực hiện công việc cụ thể. Thông qua sản phẩm của học viên, giáo viên có thể phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu của từng học viên mà có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Khi thực hành viết báo cáo nên gợi ý cho học viên lựa chọn các chủ đề gắn với nội dung của chương trình địa lí 10 và phù hợp với thực tế địa phương để thuận lợi cho việc thu thập các tư liệu, đồng thời góp phần phát triển các năng lực đặc thù của môn Địa lí.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HV đã có về báo cáo địa lí để dẫn dắt vào bài học mới.

2. Tổ chức thực hiện:

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV nêu một vài câu hỏi gợi mở để tìm hiểu về một số kỹ năng địa lí mà HV đã có, yêu cầu HV suy nghĩ, trả lời.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 05 phút.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Rèn luyện kỹ năng địa lí là một trong những mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí (ban hành năm 2018) bởi kỹ năng địa lí là cơ sở quan trọng để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Một trong những kỹ năng cần thiết đó là viết báo cáo địa lí. Vậy thế nào là báo cáo địa lí? Làm thế nào để viết và trình bày báo cáo địa lí một cách hiệu quả nhất?

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu quan niệm về báo cáo địa lí

1. Mục tiêu: HV nêu được quan niệm về báo cáo địa lí.

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi "*Hãy cho biết thế nào là báo cáo địa lí. Lấy VD cụ thể về báo cáo địa lí?*", yêu cầu HV đọc SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để đưa ra câu trả lời.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

c) Báo cáo, thảo luận:

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu cấu trúc của một báo cáo địa lí

1. Mục tiêu: HV trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 03 nhóm, trình chiếu hoặc phát cho mỗi nhóm tham khảo về một báo cáo địa lí đã có sẵn, yêu cầu HV đọc SGK, đọc báo cáo, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi: *Thế nào là một báo cáo Địa lí? Theo em, một báo cáo địa lí thường gồm những nội dung nào?*

b) Thực hiện nhiệm vụ

- + Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận:

- + Các nhóm trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu các bước viết một báo cáo địa lí

1. Mục tiêu: HV xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo.

- + Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí.
- + Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục.

- + Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin.

- + Xác định được các hình thức trình bày báo cáo.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HV tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

* Nhóm 1, 4: Trình bày việc xác định ý tưởng và lựa chọn vấn đề viết báo cáo.

* Nhóm 2, 5: Nêu cấu trúc đề cương của một báo cáo địa lí.

* Nhóm 3, 6: Trình bày các bước thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa thông tin.

b) Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HV làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 7 phút.

c) Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu một số lưu ý khi viết và trình bày báo cáo

1. Mục tiêu: HV xác định được một số lưu ý khi viết và trình bày báo cáo.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HV tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

* Nhóm 1, 3: Nêu cách viết và trình bày một báo cáo địa lí.

* Nhóm 2, 4: Trình bày những lưu ý khi tổ chức báo cáo kết quả (sản phẩm).

b) Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HV làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 7 phút.

c) Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.5. Thực hành viết một báo cáo địa lí

1. Mục tiêu: HV hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các 8 nhóm, yêu cầu HV dựa vào SGK hoặc kiến thức của bản thân lựa chọn một vấn đề địa lí, thực hành xây dựng đề cương và viết báo cáo về vấn đề đã lựa chọn.

b) Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HV làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 30 phút.

c) Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và gợi ý cho HV một số vấn đề. Ví dụ:

+ Tìm hiểu đặc điểm dân số của thế giới, Việt Nam hoặc địa phương.

+ Tìm hiểu hoạt động sản xuất một ngành nông nghiệp của thế giới, Việt Nam hoặc địa phương.

+ Tìm hiểu vấn đề sản xuất nông nghiệp xanh (nông nghiệp hữu cơ) của thế giới, Việt Nam hoặc địa phương.

+ Tìm hiểu hoạt động sản xuất một ngành công nghiệp của thế giới, Việt Nam hoặc địa phương.

+ Tìm hiểu sự phát triển một ngành dịch vụ của thế giới, Việt Nam hoặc địa phương.

- Xác định mục tiêu, nội dung và xây dựng đề cương báo cáo.

- Thu thập thông tin; chọn lọc, xử lý và hệ thống hóa thông tin.

- Viết báo cáo theo đề cương. Độ dài không quá 5 trang A4.

- Trình bày kết quả của báo cáo địa lí.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo địa lí

- Lựa chọn được một vấn đề địa lí gắn với địa phương và viết báo cáo về vấn đề đó

2. Tổ chức thực hiện

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV suy nghĩ, lựa chọn một vấn đề địa lí gắn với địa phương, xây dựng đề cương, và viết báo cáo về vấn đề đó (GV có thể gợi ý).

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV thảo luận, lựa chọn vấn đề, xây dựng đề cương và viết báo cáo. Nhiệm vụ này có thể tiếp tục thực hiện ở nhà, sau đó nộp báo cáo cho GV.

c) Báo cáo: HV nộp bài cho GV chấm

d) Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HV, nhận xét kết quả viết báo cáo của HV vào một giờ học sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 7 năm 2022, *Ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp THPT*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30/12/2021 ban hành *Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH của Vụ Giáo dục Trung học* ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên hướng dẫn thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Địa lí* (Vụ Giáo dục thường xuyên).
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Địa lí* (Vụ Giáo dục thường xuyên).
6. Sách giáo khoa môn Địa Lí lớp 10.
7. Sách giáo viên môn Địa lí lớp 10.
8. Sách chuyên đề học tập Địa lí lớp 10.